

I THÁNG IONĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười hai

NGUYỄN HIẾN LÊ *sự thuần khiết trong ngôn ngữ* * TỪ
TRỊ *bầu cử Tổng-thống và nền dân-chủ Hoa-kỳ* * TRẦN
THÁI ĐÌNH *đối tượng và phương pháp khoa Nhân học
cơ cấu* * NGUYỄN TỬ QUÝ *nền dân chủ hướng dẫn
In-đô-nê-xi-a và chủ nghĩa xã hội Ấn-độ* * DUY tặng
giá đồng bạc * BÙI ĐĂNG cú mặt * VĂN LỆ THIÊN
một lần chiến bại * LINH BẢO *con chuột* * NGUYỄN
ÁI LỮ *giã từ thành phố* * VÕ QUANG YẾN *dâng hoa
trên nấm mồ* * TRẦN TUẤN KIẾT *sang thăm người
yêu* * THỦY TRIỀU *viết cho học trò* * TRẦN HOÀI
THƯ *tháng bảy mưa nguồn* TRẦN HUIỄN AN *năm năm
dòng sông thơ* **SINH HOẠT** *thời sự chính trị* * *thời
sự văn nghệ* * *buổi nói
chuyện về nhà văn Đái Đức
Tuấn* * *thời sự kinh tế*

282





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur, PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 282 ngày 1 - 10 - 1968

NGUYỄN HIẾN LÊ <i>sự thuần khiết trong ngôn ngữ</i>	3
TỪ TRÌ <i>bầu cử Tổng-thống và nền dân chủ Hoa-kỳ : từ Tổng-thống do dân bầu tới Tổng-thống do đảng bầu</i>	12
TRẦN THÁI ĐỈNH <i>đối tượng và phương pháp khoa Nhân học cơ cấu</i>	18
NGUYỄN TỬ QUÝ <i>nền dân-chủ hướng-dẫn của In-đô-nê-xi-a và chủ-nghĩa xã-hội Ấn độ</i>	24
DUY <i>tăng giá đồng bạc</i>	29
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	33
VĂN LỆ THIÊN <i>một lần chiến bại (truyện ngắn)</i>	41
LINH BẢO <i>con chuột (truyện ngắn)</i>	46
TRAN TUẤN KIẾT <i>sang thăm người yêu (thơ)</i>	54
THỦY TRIỀU <i>viết cho học trò (thơ)</i>	54
TRẦN HOÀI THƯ <i>tháng bảy mưa nguồn</i>	55
NGUYỄN ÁI LỮ <i>giã từ thành phố (truyện ngắn)</i>	56
VÕ QUANG YẾN <i>dâng hoa trên nấm mồ (truyện khoa học phóng tác theo "Flowers for Algernon" của Daniel Keyes.</i>	62
TRẦN HUIỄN AN <i>năm năm dòng sông (thơ)</i>	71
TỪ TRÌ <i>thời sự quốc tế</i>	72
SINH HOẠT	
TRẦN THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	75
TRẦN ĐẠI <i>thuật buổi nói chuyện về nhà văn Dái Đức Tuấn do Trung tâm Văn bút V.N tổ chức</i>	79
DUY <i>thời sự kinh tế</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
 Tòa soạn :
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133, Võ-Tánh Saigon
 GIÁ: 30 \$ Công sở Giá gấp đôi

HỢP THƯ

— *Bách-khoa đã nhận được những bài sau đây :*

Hạ màn (Vĩnh-Định). Vinh-diên và nổi chết ; Nỗi nhớ không rời ; Cuộc tình thời chiến ; Lộc non và quê mẹ (Lê ngã Lễ). Vọng gác ru đêm ; Lời về ; Lời ru mùa xuân (Khắc Minh). Mất (Trần-Thị-Thái-Hoà). Mảng óc cho quê hương (Đồng Bằng). Anh (Hạ Lan), Khi qua phố chợ ; Lời xin lỗi ; Viết cho những người em mới lớn (Mai Châu). Nói với em ; Ý tưởng song thai ; Vài nét về văn nghệ Việt Nam hôm nay (Mặc Linh). Điều buồn quê hương ; Rừng thu Cao- nguyên (Thanh Uyên-Vũ). Thả tình (Hoàng gỗ Quý). Gương vỡ bình tan (Thanh MaiĐình). Tìm em trong đời (Bạc Mệnh Nhân). Thao thức (Nguyên Đình). Niềm tin (Yến Phạm Uyên). Áo ảnh những buổi chiều (Dương Ngọc Trúc). Những ngày còn lại (Trịnh Khả Nguyên) ;

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ *Bách-Khoa* mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp có thư riêng) thì quý bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Ô. Trần Doãn Nho (Huế). Đã nhận được thư và hai bài thơ của ông. Chúng tôi sẽ làm như ý ông muốn trong thư về truyện ngắn gửi trước đây.

— Ô. Hoàng Gỗ Quý (Qui Nhơn) đã nhận được bưu phiếu và «Thả tình». Sẽ gửi thư riêng.

— Ô. Trần Hoài Thư (Qui Nhơn). Đã nhận được thêm mấy bài thơ nữa của anh. Sẽ có thư sau.

— Ô. Đông Trình. — xin cho biết địa chỉ để tiện liên lạc.

SÁCH MỚI

Tạp chí *Bách Khoa* trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, nhà xuất bản đã gửi tặng những sách sau đây.

— *Mê hồn ca*, tập thơ thứ nhất của Đinh Hùng, do nguyệt san Văn-Uyển tái bản lần đầu và gửi tặng. Thoạt tiên tập thơ được nhà xuất bản Tiếng Phương Đông ấn hành tại Hà nội năm 1954. Sách dày 116 trang gồm 19 bài thơ chia làm 5 phần : *Thơ Nguyên Thủy, Thần tượng, Chiêu niệm, Mê hồn và Ngoại tập*, trong có những bài nổi tiếng của nhà thơ quá cố - Tranh bìa của Nguyễn Trung. Giá 30đ.

— *Nietzche, cuộc đời và triết-lý* nguyên tác của Félicien Challaye, bản dịch của Mạnh Tường, do Ca-dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 192 trang, đáng tiếc có nhiều đoạn bị kiểm duyệt. Bản đặc biệt.

— *Lục bát*, tập thơ của Hoài-Khanh do Ca dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 70 trang gồm 28 bài thơ và phần phụ lục. Bản đặc biệt.

— *Chiếc xe thổ mộ* (quyển I và quyển II) của Bích Thủy do Anh Huy xuất bản và gửi tặng. Mỗi quyển dày chừng 120 đến 130 trang, thuộc loại sách thiếu nhi của tủ sách Tuổi-hoa, có những hình vẽ rất vui mắt. Giá mỗi quyển 30đ.

— *Thành công trên đường đời* nguyên tác «Faites de votre vie un succès» của J. Brun Ros, bản dịch của Võ-Lang do Thanh-Tân xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 188 trang, gồm có 20 chương. Giá 100đ

— *Nếp cũ : Tín ngưỡng Việt-nam* (quyển hạ) do Toan-Ánh biên soạn. Nam Chi tùng thư xuất bản và gửi tặng. Tiếp theo quyển thượng xuất bản cách đây một năm, quyển hạ dày trên 450 trang, trình bày tiếp về các tôn giáo tại V.N. : Đạo Thiên Chúa, Tin lành, Bah' ai, Hồi giáo, các ông Đạo. Phần mê tín dị đoan ngoài những điều kiêng kỵ, còn có chiêm đoán bói toán, xem tướng v v... Phần lễ tiết có các Tết Nguyên Đán, Hàn thực, Thanh minh.. đến Trùng cửu, Trùng thập. Nhiều hình phụ bản đẹp. Giá 380đ.

Sự thuần-khiết trong ngôn-ngữ

Thế kỷ 18, văn hào Voltaire đã nói : « Chủ trương thuần khiết (trong ngôn ngữ) bao giờ cũng nghèo nàn, làm cho ngôn ngữ nghèo nàn.

Victor Hugo cũng bảo : « Cú pháp, câm miệng đi. »

Còn Marcel Proust thì viết : «... Những tiếng Pháp mà ngày nay chúng ta lấy làm vinh hạnh mỗi khi đọc đúng giọng đó, hồi xưa, chỉ là những tiếng la-tinh hoặc sắc-xông (saxon) phát âm bậy bạ, ngôn ngữ của ta chỉ là vay mượn vài ngôn ngữ khác rồi phát âm sai đi mà thành. »

Các văn hào bực nhất của Pháp mà nói vậy thì hạng chúng ta đâu dám cãi nữa !

Đúng. Một ngôn ngữ có biến đổi mới là là một sinh ngữ, nếu không nó đã thành một tử ngữ mất rồi. Không ai có thể bắt một sinh ngữ giữ hoài giọng nói, ngữ pháp, nhất là dụng ngữ của nó ; phải để cho nó phát triển, mỗi ngày một mới mẻ thì nó mới phong phú, mới thêm sinh lực. Ta thử tưởng tượng nếu đầu thế kỷ này, các nhà cầm bút theo chủ trương thuần khiết, chỉ dùng tiếng Việt, lại không tạo thêm tiếng mới thì Việt ngữ ngày nay nghèo nàn tới bực nào và văn hóa của ta làm sao có thể tiến bộ được.

Hễ xã hội thay đổi, lối sống thay đổi, lối suy nghĩ thay đổi, thì tự nhiên ngôn ngữ phải thay đổi theo. Cuối thế kỷ trước do ảnh hưởng của phương Tây, xã hội ta biến chuyển mạnh mẽ ; sự biến chuyển đó tiến đều đều cho đến thế chiến vừa rồi và lúc này đây nó đang tiến mau hơn nhiều nữa. Việt ngữ cũng chuyển theo cái đà đó. Khoảng vài năm nay, nhiều người đã muốn áp dụng lối phô diễn của Pháp, nhất là tạo ra vô số dụng ngữ mới. Trong phong trào canh tân nào cũng vậy, hạng người tiên phong đa số còn trẻ, nhiệt huyết có dư, chín chắn thì thiếu, nên dễ gây ra một sự hỗn độn. Cho nên cần có hạng người hăng hái xung phong đó thì cũng cần có hạng người kim hãm bớt lại mà giữ tính cách thuần khiết cho ngôn ngữ và nhờ hai động lực tương phản mà đồng thời cũng hỗ trợ bổ túc đó mà ngôn ngữ lần lần tìm được một thể quân bình trong một thời gian để rồi lại biến chuyển mạnh nữa khi gặp một vận hội mới. Chúng tôi đoán rằng phải hai ba chục năm nữa Việt ngữ mới được tương đối ổn định.

Ba văn hào Pháp trên kia sở dĩ nói như vậy được vì họ đã vào bậc thầy rồi, còn hạng mới cầm bút hoặc ít tài như chúng ta thì nên nhớ hai tiếng « họa hồ » -- vẽ cọp mà chẳng thành cọp -- của cổ nhân.

Cũng bởi vậy nên chúng tôi có xu hướng thuần khiết. Về phương diện cú pháp chúng tôi nghĩ, chỉ nên mượn lối phô diễn của người khi nào thật là cần thiết vì viết là để cho người đọc hiểu được dễ dàng và đúng ý của mình mà đại đa số đồng bào của ta hiện nay không quen với lối phô diễn của người Âu, nhiều câu viết theo lối của Pháp hay Anh chẳng những lúng túng mà còn tối nghĩa, làm cho độc giả thấy chán hoặc bức mình.

Tuy nhiên về phương-diện tạo tiếng mới và phương-diện dùng tiếng thì chúng tôi thấy chủ trương thuần-khiết rõ ràng là yếu thế. Vì bốn lẽ :

10) Những người tạo tiếng mới, nhất là những tiếng dùng trong đời sống hằng ngày, thường là bị nhu cầu thúc đẩy trong khi công tác, không có sẵn một chủ-trương nào cả, mà họ cũng không phải là những nhà ngôn-ngữ-học hay bác học, nên không nghĩ đến, không biết đến chủ trương thuần khiết.

20) Những người đầu tiên dùng những tiếng mới đó phần đông ở trong giới bình dân, thấy nó tiện lợi thì dùng ngay, không cần nghĩ xem, cũng không cần biết rằng nó có thuần khiết hay không.

30) Khi đã có một số người dùng rồi thì những tiếng mới hóa ra được mặc nhiên công nhận, nghĩa là đã có lý do, có quyền để sống ; các nhà ngôn ngữ học hay văn học có chê nó là không thuần khiết, là lố lăng, là chướng tai, là vô nghĩa thì cũng không chống lại nổi thói quen của số đông nữa,

40) Và lại nếu có một số tiếng tạo không đúng ngữ pháp thì đứng trong câu nó cũng chỉ là một phần-tử nhỏ, không làm cho Việt-ngữ mất hẳn bản sắc đi được ; huống hồ hầu hết những tiếng đó đều có nhiều ưu-điểm : gọn gàng, tiện lợi, cách cấu tạo đôi khi lại tài tình, nếu không hợp với môn luận-lý thì ít nhất cũng hợp với những luật về ngữ-âm.

Do những lẽ đó, ta thấy trong ngôn-ngữ vô số tiếng cơ hồ như vô lý, vô nghĩa, kỳ cục mà vẫn thông dụng. Không phải chỉ từ khi ta chịu ảnh hưởng của Pháp mới có tình trạng đó đâu, mà từ hồi nào tới giờ cũng vẫn vậy.

Tôi nhớ một nhà cách mạng Trung-Hoa chê cụ Phan-Bội-Châu là viết tiếng Hán không thuần. Họ chê thì nhất định là phải đúng. Nhưng tại sao lại như vậy ? Tại sao một người như cụ, nổi tiếng hay chữ bậc nhất trong nước, có văn tài mà viết tiếng Hán lại không thuần ? Tại cụ học ở Việt-Nam, học những ông thầy Việt-Nam, sống trong xã

hội Việt-Nam cho nên có lối suy nghĩ, phô diễn của Việt-Nam, đó là một lẽ. Còn lẽ này nữa : tổ tiên chúng ta học tiếng Hán và dùng tiếng Hán để tạo ra nhiều tiếng mới không có trong tự-điển Trung-Hoa hoặc có mà dùng theo một nghĩa khác ; người Trung-Hoa đọc những tiếng ấy cho là ta dùng sai, là viết văn không thuần.

Chẳng hạn ta đặt tiếng *an trí*, nghĩa là đày đi một chỗ mà cho sinh nhai thông thả, chứ không nhốt trong khám (tỉ dụ : Cụ Lương-văn-Can bị Pháp an trí ở Nam-Vang), nhưng người Trung-Hoa không nói là *an trí* mà nói là *câu cấm*.

Ta nói *ám ảnh* thì họ nói là *nhiều loạn*. Hai tiếng đó nghĩa còn hơi gần nhau, và đọc tiếng *ám ảnh* trong một đoạn văn, họ còn có thể đoán được là ta muốn nói gì. Đến tiếng *liệu hồn* thì nhất định là họ không sao hiểu nổi. Phân tích ra thì *liệu* là toan tính, sắp đặt như *tiên liệu*, *liệu lý* ; *hồn* là phần trái với xác như linh hồn, tâm hồn. Như vậy thì làm sao *liệu hồn* lại có ý đe dọa, có nghĩa là phải coi chừng ; tương đương với tiếng *tiểu tâm* của Trung-Hoa ? Có phải là vô lý không ?

Tiếng *tiểu tâm* này cũng rắc rối nữa, Chính nghĩa của nó là phải cẩn thận, coi chừng, nhưng không biết từ bao giờ, một người Việt nào đó dùng sai nghĩa đi, cho *tiểu tâm* là bụng dạ nhỏ nhen (tỉ dụ : kẻ tiểu tâm hay thù vặt) và ngày nay nghĩa đúng đã mất mà nghĩa sai thì còn ; người Trung Hoa đọc tới chắc chẳng hiểu mô tê gì cả, bảo ta là viết bậy. Ta viết bậy là đối với họ, còn đối với ta thì vẫn là viết đúng.

Còn vô số tiếng khác sai hẳn nghĩa như thế (sai đối với người Trung Hoa). Chúng tôi chỉ xin kể ít tiếng thông dụng nhất.

Tiếng tử tế của ta, trong Hoa ngữ có nghĩa là tỉ mỉ.

- lịch sự trải đời
- bồi hồi đi đi lại lại, do dự
- tồi tàn làm hỏng đi

và tiếng *tuần* trong « tuần báo » của ta trở bảy ngày thì trong Hoa ngữ trở mười ngày ; mà một tờ tuần báo của ta họ là chu san. Nhưng khi ta nói thượng tuần, trung tuần, hạ tuần, trong một tháng thì tiếng tuần này lại trở mười ngày. Thành thử tiếng tuần trong Hoa ngữ chỉ có một nghĩa mà trong Việt ngữ có hai nghĩa.

Sự kiện tôi kể trên không phải chỉ xuất hiện trong tiếng Việt mà còn trong nhiều ngôn ngữ khác nữa.

Chẳng hạn tiếng Mỹ vốn là tiếng Anh, vậy mà người Mỹ đã tạo ra tiếng *fender* (bộ phận che bùn ở trên bánh xe), tiếng *flashlight* (đèn pin) *intermission* (lúc tạm nghỉ ở giữa một tuồng hát,) *elevator* (thang máy), *gaoline* (dầu xăng)...

trong khi Anh ngữ đã có những tiếng *mudguard, torch, interval, lift, petrol...* vậy thì một người Mỹ cũng có thể bị người Anh chê là viết không thuần. (1)

Khi những tiếng như âm ảnh, liệu hồn mới xuất hiện và khi những tiếng như tử tế, lịch sự mới dùng sai nghĩa gốc, chắc đã có một số nhà Nho chê là không thuần khiết, nhưng chê thì chê, đại chúng cũng vẫn dùng, dùng mỗi ngày một nhiều, rốt cuộc phải thuần khiết phải xếp giáp qui hàng. Vì ngôn ngữ có những lý lẽ riêng của nó, không thể ép nó theo khoa luận lý của chúng ta được.

Hơn nữa có những tiếng tạo sai ngữ pháp Việt mà vẫn tồn tại. Trong cuốn khảo luận về ngữ pháp Việt Nam chúng tôi đã đưa ý kiến về việc dùng tiếng *hóa* để tạo những tiếng mới, ở đây chúng tôi không muốn nhắc lại ý kiến đó, chỉ xin độc giả lưu tâm tới điểm này: trạng từ *lành mạnh hóa* mặc dầu bị rất nhiều người chỉ trích là lai căn, nửa nôm nửa Hán mà lại theo ngữ pháp Hán, đã lơ lửng lại chướng tai, mà nó cứ vẫn mỗi ngày mỗi « lành mạnh » thêm lên, xuất hiện trong tất cả các công văn và sách báo đứng đắn.

Gần đây tôi còn được đọc những tiếng mới như *tròn hóa, vương hóa, acid hóa, ba dơ hóa* nữa. Thực là Pháp-Việt-Hoa để huê: *base* là pháp, nhưng viết *bador* thì lại là Việt hóa rồi, viết *ba-dơ hóa* thì lại thêm một lần Hoa hóa nữa. Có hiện tượng nào kỳ dị hơn vậy không?

Kề ra cũng lơ lửng thật, nhưng tiếng *bố ráp* rất quen tai thì cũng là nửa Việt nửa Pháp: *bố* là Việt mà *rap* do *rafle* là Pháp.

Lại như tiếng *phim trường* (sân khấu để quay phim): *phim* là tiếng Pháp Việt (nghĩa là gốc Pháp mà Việt hóa), *trường* là tiếng Hán Việt, hai tiếng đó ghép với nhau theo ngữ pháp Trung Hoa. Bọn cũng bâu môi nữa, nhưng tiếng *mét hệ* cũng cấu tạo như vậy chớ khác gì (*mét* do *mètre*, là tiếng Pháp Việt, *hệ* là tiếng Hán Việt, hai tiếng ghép theo ngữ Pháp Trung Hoa) mà hiện nay đã chiếm một địa vị tôn nghiêm trong các sách giáo khoa từ tiểu học tới đại học rồi đấy. Vì nó tiện lợi quá đi: không nói *mét hệ* thì nói thế nào bây giờ? Hệ thống thước tây ư? hay tây xích hệ thống?

Một chính phủ thiếu tiền thì in thêm giấy bạc, một ngôn ngữ thiếu tiếng thì tạo thêm tiếng mới, chứ có gì lạ? Huống hồ tạo tiếng mới không có hại lớn như in thêm giấy bạc.

Vả lại ngôn ngữ nào mà chẳng có những cách ghép tiếng, tiếp ngữ lơ lửng? Chẳng hạn những tiếng *chimie alcool* của Pháp do gốc Á Rập, mà đã ghép với

1) Theo ông Vũ Bảo (Hội nghị Yalta Bách khoa số 195) thì Churchill chê tiếng Anh của Mỹ không phải là tiếng Anh chính cống và đòi bỏ chữ *joint* (*joint-communicé*) trong bản thông cáo chung do phái đoàn Mỹ thảo vì người Anh dùng tiếng đó để trở món thịt cừu quay ăn ngày chủ nhật.

nhưng tiếp vĩ ngữ hi Lạp *iste ique* hoặc *provençal ade* và cách cấu tạo của các tiếng *chimise, alcoolique, orangeade* y như cách cấu tạo tiếng mét hệ của ta, mà có người Pháp nào thấy chướng tai đâu? Tiếng *autobus* gồm một phần gốc hi Lạp (*auto*), một phần gốc la Tinh (*bus*) tiếng *sociologie* cũng vậy (*socio*: gốc la Tinh; *logie*; gốc hi Lạp); tiếng *auostop* lai hi Lạp và Anh, tiếng *filmographie* lai Anh và hi Lạp..... thí dụ rất nhiều, không sao kể xiết.

Lại còn trường hợp vô tình tạo ra một từ ngữ mới nữa. Năm kia đọc trong tạp chí Bách khoa một truyện ngắn của Võ Phiến, tôi được biết thêm tiếng mới này: *để nhiều tiền*. Tôi nhớ mãi mãi nhân vật trong truyện phàn nàn rằng mình không được « để nhiều tiền » như bạn, nghĩa là đã không được nằm ở một nhà hộ sinh vào hạng sang. Tôi đoán tiếng đó đã được thông dụng trong thế giới bình dân rồi và chẳng bao lâu nữa người ta sẽ nói: « để bảy chục đồng một ngày » để hai trăm đồng » hoặc « một ngàn đồng một ngày » để diễn cái ý: nằm một nhà hộ sinh phải trả bảy chục đồng, hai trăm đồng hoặc một ngàn đồng một ngày. Nghe thì nực cười nhưng nghĩ cho kỹ, nói như vậy quả là tiện. (1) Ở thời đại này, thì giờ là tiền bạc, nói cách nào cho gọn mà người ta mau hiểu là điều cần nhất. Đó là luật nỗ lực tối thiểu (*loi du moindre effort*) trong ngôn ngữ. Cho nên ở Mỹ, theo Etienne trong cuốn *Parlez vous Français?* (Gallimard-1964), người ta đã bắt đầu nói: « Tiệm này ăn ba chục giây ít hơn tiệm kia ». Ăn ít giây hơn, để ít tiền hơn: Việt, Mỹ quả là chung một tâm lý.

Cứ phân tích theo ngữ nguyên thì có biết bao nhiêu tiếng dùng sai như tiếng *kiêu ngạo, bậy dai*. Trong Nam này, tiếng *kiêu ngạo* có nghĩa là chế giễu, chứ không có nghĩa là khoe khoang, ngạo mạn. Ba chục năm trước, mới vô đây nghe người Nam nói: « Anh đừng kiêu ngạo tôi » tôi không hiểu, tới khi hiểu thì thấy chướng. bây giờ thì quen tai quá rồi và nói chuyện với dân quê tôi vẫn thường dùng nó vì dùng tiếng chế giễu thì e người ta không hiểu.

Còn tiếng *bậy dai* có nghĩa là dai bậy nhiều (trở ý xác định), ngày nay thường dùng trong câu hỏi, như tiếng *bao dai* (là dài bao nhiêu) chẳng hạn tôi hỏi: « Khúc vải đó bậy dai? » Người bán hàng đáp: « Ba thước hai ». Có lẽ hồi đầu, người hỏi đưa hai cánh tay ra, hai bàn tay cách nhau một khoảng nào đó rồi hỏi: « Khúc cây đó bậy dai » nghĩa là: « khúc cây đó dài bằng bậy nhiều, phải không? », rồi lần lần

(1) Mà cũng chẳng có gì là vô lý; ta thường nói: ăn nhà, ăn tiệm, sân bay, điễm lựt (số điễm vót thí sinh ở miền bị lựt, không học hết chương trình)... có ai cho là vô lý đâu. Thí dụ nhiều không kể xiết. Muốn cho hợp lý thì ngôn ngữ sẽ thành một dụng cụ rất bất tiện.

bây dai hóa ra có nghĩa hỏi, và người ta chẳng cần đưa tay ra hiệu để tỏ cái độ dài là bao nhiêu mà cũng dùng tiếng *bây dai*.

Lạ lùng nhất là trường hợp dưới đây,

Ta nói : ngày 25 tháng 7, canh một, canh hai..., giờ dần, giờ tí..

Vậy thì đúng lý ra ta phải nói : giờ 4 buổi chiều, giờ 9 buổi sáng, sao lại nói : 4 giờ chiều, 9 giờ sáng ?

Ta hỏi : ngày mấy ? canh mấy ? Vậy thì đáng lẽ ta phải hỏi ? giờ mấy, mà sao ta lại hỏi : mấy giờ ?

Như vậy là trái hẳn với ngữ pháp Việt và theo đúng ngữ pháp Pháp : quatre heures du matin, neuf heures du soir, quelle heure est-il ?

Lỗi nặng nhất cũng như không nói : Tôi đọc sách, mà nói : Tôi sách đọc ; hoặc như không nói : Tờ giấy trắng, mà nói : Tờ trắng giấy.

Vậy mà toàn dân, ai cũng cho rằng nói : bốn giờ, mấy giờ ? mới là đúng, không một ai ngay cả những nhà ngữ học ngờ rằng nói thế là ngược

Tại sao ta lại chấp nhận ngữ pháp của người một cách dễ dàng, tự nhiên đến thế nhỉ ? Có lẽ tại người Pháp hay người Bồ Đào Nha, Ý Pha Nho nào đó, lần đầu tiên đem một chiếc đồng hồ qua nước ta tặng vua Lê hay chúa Trịnh, muốn tỏ cách đọc giờ mà không thông tiếng Việt, nói theo ngữ pháp của họ :

Số này có một vạch là số 1, trở 1 giờ (une heure) ; số này có hai vạch là số 2, trở 2 giờ (deux heures), số này có ba vạch... (1). Tờ tiên ta lặp lại đúng những lời đó, chẳng cần xem có đúng ngữ pháp Việt hay không. Rồi sau khi họ hỏi lại : Thế đây là mấy giờ ? » Tờ tiên ta đáp ; « Đây là 1 giờ, đây là 2 giờ... »

Tới khi có người nhận ra rằng nói như vậy sai ngữ pháp, thì đã quen miệng, không thể sửa được nữa ; rốt cuộc là một lỗi nói rất chướng tai đã hóa ra rất tự nhiên.

Nhưng tôi chỉ mới thấy sự vay mượn đó là « tốt số » như vậy còn biết bao sự vay mượn khác tuy không có gì là ngược đời mà vẫn bị coi là lai căn chỉ vì ta đã có sẵn tiếng để diễn rồi, Chẳng hạn từ ngữ « lấy xe ». Tôi lấy xe lửa đi Paris tôi lấy xe tắc xi đi Versailles... thì chỉ thịnh hành ở nước người thôi; các sinh viên của ta ở Pháp về nước ít lâu, tự nhiên thấy ngược, không nói như vậy nữa mà nói như mọi người ở đây : Tôi lên xe hay Tôi đón xe... Tiếng *lấy xe* đó quả là « xấu số » (1) Trái lại tiếng « lấy giờ » (Bắt radio để lấy giờ) thì đã được chấp nhận một cách dễ dàng.

(1) Đồng hồ hồi xưa họ dùng số La mã. I, II, III...

Nếu họ thông tiếng Việt thì họ đã nói : giờ 1, giờ 2, giờ 3...

1) Có thể rằng một ngày nào đó khiếu nại ở Pháp ủa nhau hỏi hương thì lỗi đó sẽ được phò biến.

Vậy trong ngôn ngữ thói quen đóng một vai trò rất quan trọng, chủ trương thuần khiết không sao địch nổi với nó. Ngay từ thế kỷ 17, Vaugelas đã nói rằng ngôn ngữ tạo ra nhiều cái vô lý, có khi ngược đời nữa. Có gì ngược đời bằng điều này: tiếng *gens* của Pháp lúc thì là giống đực: *tous les gens querelleurs*; lúc lại là giống cái: *toutes les vieilles gens*; lúc lại vừa là giống đực, vừa là giống cái: *les vieilles gens sont soupconneux: ils sont toujours sur leurs gardes*. Vậy mà tất cả các ông Hàn, tất cả các nhà ngôn ngữ học ở Pháp trong mấy thế kỷ nay cũng đành bó tay, không sửa được cái lối dùng tiếng *gens* kỳ dị đó.

Đọc bộ *Problèmes de langage* (2 cuốn) của Maurice Grevisse (Presses Universitaires de France 1963) độc giả sẽ thấy tác giả nêu ra nhiều tiếng dùng sai như *Préjager de quelque chose, aller en bicyclette, dans le but de...*, (2) nhưng đã thông dụng, nhất là được các nhà văn danh tiếng chấp nhận thì cũng hóa đúng.

Nghĩ vậy tôi tự hỏi: Ngày nay đã có người viết: giấy tờ chủ nghĩa nhà trường, mâm trường, acid hoá, ba dơ hoá pro phi (piofil), tái nhóm, hoặc tệ hơn nữa: gia giảm (với nghĩa là giảm thiểu) tị hiềm (với nghĩa là hiềm kỵ)... thì trong dăm ba thế hệ nữa tiếng Việt sẽ biến hoá ra sao? Lúc đó cháu chắc chúng ta mở những sách chúng ta viết ngày nay, chắc khó mà đọc nổi. Không sức gì cản nổi trào lưu tiến hoá, nhất là trong ngôn ngữ. Chủ trương thuần khiết quả thực là yếu thế.

Tuy nhiên như chúng tôi đã nói, chủ trương đó có phần hữu ích. Nó có công dụng hạn chế những biến đổi lộn xộn, có nó thì mọi sáng kiến mới chỉ là những thí nghiệm chứ không phát triển thành qui luật mà ngôn ngữ mới còn giữ được tính cách nhất trí. Nó biết rằng có lúc nó sẽ thua, phải rút lui trước sức xâm lấn mãnh liệt của thói quen, và khi đã tự nhận là thua rồi, thì nó không lên tiếng nữa, cứ như vậy đời sau kế đời trước, nó lãnh một nhiệm vụ bạc bẽo nhưng đẹp đẽ. Nó như một cô gái nền nếp nhưng không cồng kềnh, mỗi khi có một "mốt" mới thì dè dặt chưa theo vội, nhưng khi cái "mốt" đó đã được thông dụng thì cũng vui vẻ theo đời, chứ không lập dị. Và tôi vốn ưa những cô gái nền nếp.

Hiện nay chủ trương thuần khiết vẫn còn muốn chống với thói dùng dư tiếng *chẳng* trong từ ngữ *chẳng thà* và thói dùng thiếu tiếng *chẳng* trong những câu tỏ ý nghi ngờ.

Nó nhắc ta rằng *thà* nghĩa là đành (thế còn hơn), như trong những câu dưới đây:

Đề con chẳng dạy chẳng răn

Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng (ca-dao)

(2) Đáng lẽ phải nói: *préjuger quelque, aller à bicyclette, pour le but de.*

Thà rằng chẳng biết cho xong
Biết bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu (ca-dao)

Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật
Mối thất tình quyết dứt cho xong (Cung oán)

Trong truyện Kiều, Nguyễn Du dùng bốn lần tiếng *thà* cùng với nghĩa đó :

Nói càng hồ thẹn trăm chiều
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi ;
Thà rằng liều một thân con
Nhị đào thà bả cho người tình chung
Thà liều sống chết một ngày với nhau
Một lần sau trước cũng là
Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau

« Chẳng thà lòng đau » nghĩa là không đành lòng đau, và trong hai cuối đó, Nguyễn Du muốn nói : trước sau cũng một lần chết, vậy thì chết ngay đi còn hơn là chịu khổ.

Ngày nay nhiều người nói : « Chẳng thà chết chứ không chịu nhục » là nói sai, là dư tiếng *chẳng* : Thà chết chứ không chịu nhục. Hoặc nếu muốn dùng tiếng *chẳng* thì phải viết như trong câu cuối của Nguyễn Du :

Thôi thì chết phắt chẳng thà chịu nhục (=chẳng đành chịu nhục).

— Nó cũng lại viện thơ của Nguyễn Du để chứng rằng trong nhiều trường hợp người ta dùng thiếu tiếng *chẳng*. Tố Như viết :

Còn tình đâu nữa ? Là thù đấy thôi (= không còn tình nữa)
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn ? (= không có Châu Trần nào hơn)
Tốt chi mà rước tiếng chê vào mình ? (= không tốt)

Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao ? (= không biết lòng làm sao)
Những câu hỏi đó đều có nghĩa phủ định ; nếu muốn diễn ý khẳng định thì phải thêm một tiếng phủ định nữa (do luật : hai phủ định thành một không định) ; tỉ dụ thêm tiếng *chẳng* :

Biết đâu rồi nữa *chẳng* là chiêm bao (= rồi nữa sẽ là chiêm bao)
Tiếng nào là *chẳng* nào nùng xôn xao (= tiếng nào cũng nào nùng, xôn xao)

Trông hoa đèn *chẳng* thẹn mình lắm ru (= trông hoa đèn mà thẹn mình)

Công đeo đuổi *chẳng* thiệt thòi lắm ru (= công đeo đuổi thiệt thòi lắm)

Vậy một câu hỏi có nghĩa phủ định, nếu thêm tiếng *chẳng* thì thành nghĩa khẳng định.

Nhận định như vậy rồi, ta thử xét mấy câu này :

Mày nói vậy trách chi nó giận ?

Khỏi sao nó hiểu lầm mày ?

Thì thấy thiếu tiếng *chẳng* ; phải viết :

Mày nói vậy, trách chi nó *chẳng* giận ?

Khỏi sao nó *chẳng* hiểu lầm mày ?

Thì mới có nghĩa khẳng định : nó giận mày, nó hiểu lầm mày.

Mà viết :

«Biết đâu chừng các nhà tu theo thiên học bày ra lối khổ hạnh để rồi mượn đó mà giục tư tưởng bay bổng cho được cao»

cũng là sai nữa, cũng là thiếu tiếng *chẳng* : chẳng bày ra...

Ngày nào mà đại đa số đồng bào, nhất là các nhà văn nổi tiếng, viết trái hẳn Nguyễn Du thì lúc đó chủ trương thuần khiết cũng phải nhượng bộ. Nhưng chưa tới lúc đó thì ta vẫn nên đứng vào phe Nguyễn Du. BẠN không cho vậy là một vinh dự ư ?

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1433BYT - D.P.Đ.

Bầu cử Tổng-thống

và nên dân - chủ Hoa - kỳ

II. - TỪ TỔNG-THỐNG DO DÂN BẦU TỚI TỔNG-THỐNG DO ĐẢNG BẦU

Theo đúng Hiến - pháp thì Hoa - kỳ không trừ liệu một thủ-tục nào để chọn lựa các ứng-cử-viên Tổng-thống và Phó Tổng-thống. Dân chúng bầu cử-tri-đoàn Tổng - thống và cử - tri - đoàn này, mỗi người có quyền lựa một ứng-viên vào chức-vụ Tổng-thống. Nhưng trên thực-tế, các chính-đảng càng ngày càng mạnh nên đã giản-dị-hoá cuộc bầu cử Tổng-thống bằng cách chỉ định ứng-cử-viên Tổng-thống để đưa ra trước quốc-dân. Vì tại Hoa-kỳ chỉ có hai chính-đảng quan-trọng nên số ứng-cử-viên Tổng - thống được giới-hạn là hai người. Hai chính-đảng này đã đóng vai trò thực quan trọng trong đời sống chính-trị Mỹ. Mục-tiêu chính của các đảng là nắm chính - quyền. Vì vậy họ không ngần ngại huy động mọi tài lực để cho ứng-viên của họ đắc-cử. Và muốn bảo-đảm sự đắc-cử này, mỗi đảng đã dần dần nắm trọn quyền đề-cử ứng-viên Tổng-thống.

Việc đề-cử ứng-cử-viên không được trừ-liệu trong Hiến-pháp nên các đảng đã tìm những phương cách khác.

Trước hết các đảng áp dụng hệ-thống « caucus ». « Caucus » là một tiểu-ban

của Quốc-hội Hoa-kỳ gồm các Thượng và Hạ nghị-sĩ thuộc cùng một đảng để tuyên chọn ứng-cử-viên của đảng ra tranh-cử Tổng-thống.

[Nhưng sau đó hệ-thống « caucus » bị loại bỏ vì người ta thấy hệ-thống này có nhiều bất tiện. Bất tiện thứ nhất là nếu ứng-cử-viên Tổng-thống lại do các Thượng và Hạ nghị-sĩ chọn thì khi đắc cử ứng-cử-viên này sẽ bị lệ-thuộc nhiều vào quyền lập-pháp. Hơn nữa người ta muốn rằng vị Tổng-thống Hoa-kỳ phải có một hậu thuẫn mạnh mẽ của nhân-dân hầu có đủ uy-tín trong khi thi hành nhiệm-vụ của một nguyên-thủ quốc-gia. Sau hết người ta thấy dân-biểu và nghị-sĩ chọn ứng-viên là một thủ-tục không được dân-chủ.

Từ năm 1831 trở đi các đảng áp-dụng hệ-thống Đại-hội đảng toàn quốc để bầu ứng-cử-viên Tổng-thống. Hệ-thống Đại-hội toàn quốc được coi là dân-chủ hơn, vì các đại-diện của đảng tại Đại-hội toàn quốc được dân chúng bầu lên để đề-cử một ứng-cử-viên mà dân chúng tin cậy.

Theo hệ-thống hiện-hành, cuộc bầu-

cử Tổng-thống Hoa-kỳ phải qua ba giai đoạn :

— Giai đoạn đầu là bầu đại-diện đảng vào Đại-hội toàn quốc.

— Giai-đoạn thứ hai là Đại-hội toàn quốc nhóm họp để bầu ứng-cử-viên Tổng-thống của đảng.

— Giai - đoạn thứ ba là quốc-dân bầu Tổng-thống và Phó Tổng-thống.

A) Bầu cử đại-diện đảng vào Đại-hội toàn quốc

Trước hết tại các tiểu-bang, mỗi chính-đảng đều tổ chức việc bầu cử đại-diện của đảng vào Đại-hội toàn-quốc. Tùy theo tiểu bang người ta áp-dụng một trong hai thể-thức :

Theo thể-thức thứ nhất, mỗi đảng triệu-tập Đại-hội đảng tại mỗi tiểu-bang để cử một số đại-diện của đảng vào Đại-hội toàn-quốc. Các đại-diện được Đại-hội đảng ở tiểu-bang cử, sẽ có nhiệm-vụ đến phó-hội tại Đại-hội toàn quốc để bầu các ứng-cử-viên Tổng-thống và Phó Tổng-thống. Trong việc đề-cử các Đại-diện, Đại-hội của đảng-bộ ở tiểu-bang phải tôn trọng nội-qui của đảng và các qui-tắc của tiểu-bang.

Đại-hội đảng ở mỗi tiểu-bang, ngoài việc cử Đại-diện còn có nhiệm vụ bàn cãi sơ-bộ về cương-linh của đảng. Hệ-thống Đại-hội đảng tại tiểu-bang hiện được 2/3 các tiểu bang Mỹ áp-dụng.

Các tiểu-bang còn lại, tức là 1/3 số các tiểu-bang của Liên-bang Hoa-kỳ, áp-dụng thể-thức bầu cử sơ khởi trực tiếp (direct primary). Như vậy các đại-diện đảng tại Đại-hội toàn quốc không do một số các đảng viên có ảnh hưởng trong đảng chọn mà do toàn thể các đảng-viên bầu lên. Tại Hoa kỳ mỗi công dân đều tham gia một chính đảng. Người dân Mỹ nếu

không là Dân-chủ thì là Cộng-hòa và họ không bao giờ dấu diếm tư tưởng chính trị của họ. Tại các cuộc bầu-cử sơ-khởi này, các đảng-viên bầu một số đại-diện đảng vào Đại-hội toàn quốc.

Hệ-thống bầu cử sơ-khởi được nghĩ ra vào năm 1905 tại tiểu-bang Wisconsin. Hiện thời tại 16 tiểu-bang, các đảng bắt buộc phải tổ-chức những cuộc bầu-cử sơ-khởi này và tại 3 tiểu-bang khác người ta có quyền theo hệ thống bầu cử sơ khởi nhưng không bị bó buộc phải tổ-chức, vì tại 3 tiểu bang này người ta không dùng tới hệ-thống bầu cử sơ-khởi.

Tại một số tiểu-bang, các đại-diện đảng phải cam kết bầu cho ứng-cử-viên nào đã thắng phiếu tại cuộc bầu-cử sơ-khởi của tiểu bang. Tại nhiều tiểu-bang khác, trái lại, các đại-diện đảng không bị bắt buộc phải bầu cho người thắng phiếu ở cuộc bầu-cử sơ-khởi làm ứng viên Tổng thống. Trong trường-hợp thứ nhất, khi luật-lệ của tiểu-bang buộc các đại-diện đảng phải bầu cho người thắng phiếu ở cuộc bầu-cử sơ-khởi, các đại-diện đảng nhiều khi ở vào trường hợp khó xử vì có nhân vật tuy thắng phiếu ở cuộc bầu-cử sơ-khởi lại rút lui khỏi cuộc tranh-cử trước khi Đại-hội toàn quốc nhóm họp. Vì thắng phiếu tại một tiểu-bang không có nghĩa là được đảng viên trên toàn quốc tính nhiệm.

Các cuộc bầu - cử sơ - khởi được tổ-chức từ tháng 3 tới tháng 6 của năm có bầu Tổng-thống. Các ứng-cử-viên có tham vọng làm Tổng-thống phải tốn phí rất nhiều tài lực. Vì vậy mà Adlai Stevenson đã coi mọi cuộc bầu - cử sơ - khởi là một hành động mỉ dân vô lý.

Thường thường thì trong giai - đoạn bầu đại-diện đảng vào Đại-hội toàn quốc

các nhân vật đã tuyên-bố ý định ra ứng cử của mình. Nhưng các nhân vật chính trị Hoa-kỳ cũng có thể loan báo ý-dịnh của mình trước hay sau cuộc bầu đại-diện đảng. Ngay từ năm 1957, ba thượng-nghị-sĩ là ông John Kennedy (Massachusetts) ông Hubert Humphrey (Minnesota) và ông Lyndon Johnson (Texas) đã bắt đầu cổ động đề ra ứng-cử Tổng-thống vào năm 1960.

Ngược lại nhiều ứng-cử-viên lại cố tình trì hoãn không cho ai biết ý định tranh-cử của mình để làm sai lạc kế-hoạch của đối phương. Đó là trường-hợp ông Dewey năm 1944. Ông Dewey đã đợi đến tận tháng 5 mới tuyên bố tranh cử. Gần đây ông George Mac Govern, Thượng nghị-sĩ Nam Dalesta, đã đợi hai tuần trước khi Đại-hội toàn quốc đảng Dân-chủ nhóm họp mới tuyên bố ra ứng cử.

Ngay từ khi các tiểu-bang tổ chức bầu cử đại diện đảng vào Đại-hội toàn-quốc các ứng-cử-viên đã hoạt động ráo riết để cho các đảng viên ủng hộ mình được cử làm đại-diện.

Kết quả của các cuộc bầu cử sơ-khởi có thể định đoạt số phận của các ứng-cử-viên. Vì vậy các ứng-cử-viên chỉ ra ứng cử tại một vài tiểu-bang quan trọng mà thôi. Thật vậy trên 16 cuộc bầu cử tại các tiểu-bang áp-dụng hệ-thống bầu cử sơ-khởi, chỉ có độ 5 hay 6 cuộc có tính cách quyết-định mà thôi. Năm 1944 sau khi thất bại tại cuộc bầu cử sơ-khởi ở Wisconsin ứng-cử-viên Cộng-hòa Wendell Wilkie đã phải rút lui khỏi cuộc tranh-cử. Năm 1948 ông Dewey ứng-cử-viên Cộng-hòa, trước bị coi là có ít hy vọng, đột nhiên uy tín lên mạnh sau khi thắng phiếu tại tiểu-bang Oregon đến nỗi đối-thủ chính của

ông trong đảng Cộng-hòa, là ông Harold Stassen, đã bị xếp hạng sau ông tại Đại-hội toàn quốc.

Sau khi tại các tiểu-bang hai đảng đã bầu xong đại-diện bằng bầu cử sơ-khởi hay bằng đại-hội đảng của tiểu-bang, Đại hội toàn-quốc sẽ được triệu tập để bầu ứng-cử-viên Tổng-thống chính thức của mỗi đảng.

B) Bầu cử ứng-cử-viên Tổng-thống của đảng

Đại-hội toàn quốc của mỗi đảng trước thường được triệu tập từ giữa tháng 6 tới đầu tháng 7 của năm bầu cử. Năm 1956 người ta đã hoãn các Đại-hội toàn quốc tới tháng 8. Các ứng-cử-viên cho rằng họp Đại-hội toàn quốc vào tháng 8 là quá chậm để họ chuẩn bị tranh-cử Tổng-thống, nên năm 1960 Đại-hội của hai đảng đã nhóm vào tháng 7. Nhưng năm 1968 cả hai đảng lại đợi đến tận tháng 8 mới tổ-chức Đại-hội toàn quốc.

Chọn nơi Đại-hội toàn quốc nhóm họp cũng được Ủy-ban trung-ương mỗi đảng cân nhắc kỹ lưỡng. Điều cần nhất là phải tìm được một tòa nhà có thể qui tụ được từ 25 tới 30 ngàn người họp và chỗ ở tại khách-sạn cho họ.

Nhiều thành phố còn ủng-hộ tiền cho các đảng để được chọn làm nơi họp của Đại-hội toàn quốc. Năm 1948 thành-phố Philadelphie đã biểu đảng Cộng-hòa 200.000 Mỹ-kim để được chọn làm nơi họp Đại-hội đảng.

Các ứng-cử-viên cũng còn đòi hỏi một thành-phố mà nhân dân có thiện cảm với mình. Hay ngược lại có khi đảng lại chọn một thành-phố tại một tiểu-bang ít thiện-cảm với đảng để lấy lòng cử-tri của tiểu-bang này.

Chicago là thành phố được các đảng ưa chuộng nhất và đã được chọn tới 24 lần : 10 lần cho đảng Dân-chủ và 14 lần cho đảng Cộng-hòa.

Các thành phố như Philadelphie, Baltimore, Cincinnati, Saint-Louis, Cleveland cũng thường được chọn. Những năm gần đây nhờ có phong-trào di dân về phía Tây nên tiểu-bang Californie, với các thành phố Los-Angeles hay San-Francisco, cũng được các đảng chú ý tới.

Khung cảnh của Đại-hội toàn quốc không thay đổi. Luôn luôn người ta thấy hàng chục ngàn người chen lấn nhau trong một hội-trường rộng bát ngát. Phòng hội còn là một rừng cờ, biểu-ngữ tuyên-truyền. Vô-tuyến truyền-hình truyền-thanh và các nhà báo chiếm một vị-trí đặc biệt. Tại Đại-hội toàn-quốc của mỗi đảng, năm 1960 có tới 5.000 ghế ngồi dành cho báo-chí và vô-tuyến truyền hình. Trừ khi các đại-diện đọc những bài diễn-văn quan-trọng, thường thường thì Đại-hội toàn-quốc diễn ra trong một bầu không khí ồn-ào náo nhiệt. Các đại-diện nói chuyện âm-ĩ, người ta ca hát người ta cổ-võ để vận-động cho một ứng-cử-viên được ưa thích v.v... và trong khi đó quốc - dân Mỹ chăm chú theo dõi công việc của Đại-hội qua các đài vô-tuyến truyền-hình, truyền - thanh và báo-chí.

Hội-ngị khai-mạc dưới quyền chủ-tọa của Ban Chấp - hành Trung - ương đảng. Sau đó người ta bầu ra một vị chủ - tọa tạm thời để đọc bài diễn - văn quan-trọng về chính-trị mà người ta gọi là « Keynote Address » hay « Keynote Speech ». Nhưng thật ra bài diễn - văn này tại Đại - hội lần nào cũng chỉ có một luận-điểm. Ông chủ-tọa tạm thời luôn luôn ca ngợi các nhân-vật của đảng

minh, chỉ-trích đảng đối-lập, cầu khẩn Thượng-đế và tuyên-bố là Hoa-kỳ đang trải qua một giai đoạn trầm trọng nhất của lịch-sử mà chỉ có ứng-cử-viên của đảng ra làm Tổng-thống mới có thể giải quyết nổi !

Sau đó người ta thành-lập những tiểu-ban để giải quyết các vấn-đề đặc biệt. Một trong các tiểu - ban có nhiệm - vụ nghiên-cứu chương-trình (cương - lĩnh) mà đảng sẽ đưa ra để tranh-cử (Platform).

Một vị chủ-tịch chính thức được bầu lên để điều-khiển công việc của Đại-hội. Đại-hội bắt đầu soạn thảo và biểu-quyết chương-trình chính-trị của đảng. Chương - trình này thường đưa ra những điểm mơ hồ để có thể được toàn thể các đảng - viên và, nếu có thể, toàn thể cử-tri trong nước chấp thuận được. Không mấy khi chương-trình đưa ra một đường lối rõ rệt vì người ta e rằng như vậy nếu chương-trình làm vừa lòng một nhóm này thì đồng thời lại gây bất bình cho một số người khác. Điều cần nhất là làm sao thực hiện được đoàn-kết cử-tri chung quanh ứng-cử-viên. Điểm đặc biệt là chương-trình của đảng lại được chấp thuận trước khi bầu ứng-cử-viên. Nhưng sự kiện này không đưa lại một trở ngại nào vì chương-trình không rõ rệt nên ứng-cử-viên nào được bầu cũng có thể chấp nhận được.

Khi Đại-hội nhóm họp tới ngày thứ ba thì người ta bắt đầu bầu ứng-cử-viên. Trước hết người ta giới thiệu các ứng-cử-viên. Các đại-diện đảng của các tiểu-bang được gọi theo thứ tự A,B,C... từ tiểu-bang Alabama tới tiểu - bang Wyoming. Khi gọi tới tiểu - bang nào phái-đoàn đại-diện của tiểu-bang đó được mời đứng lên phát-biểu sự lựa

chọn của mình bằng những bài diễn văn này lửa và những tiếng hò reo cổ vũ. Một ứng-cử-viên được hoan hô nhiều chưa chắc đã là người sẽ được bầu. Năm 1960, ông Stevenson được cử tọa hoan hô trong một thời gian kỷ-lục là 28 phút. Nhưng sau đó khi Bà Franklin Roosevelt đã đứng dậy đề bày tỏ cảm tình đối với cựu Thống-đốc Stevenson, người ta hiểu ngay là ông này sẽ không được Đại-hội bầu. Các đảng-viên tuy biết như vậy nhưng vẫn hoan hô ông Stevenson để tỏ rằng ông luôn luôn được coi là một yếu-nhân của đảng.

Sau khi tên các ứng-cử-viên được đại-diện đảng của các tiểu-bang đưa ra, người ta bắt đầu biểu-quyết. Các phái-đoàn đại-diện của các tiểu-bang lại được gọi theo thứ tự A,B,C và mỗi khi đó vị trưởng phái đoàn công bố số phiếu mà phái-đoàn mình đã bỏ cho một ứng-cử-viên nào. Các đảng-viên Cộng-hòa trong cùng một phái-đoàn có quyền bỏ phiếu cho những ứng cử-viên khác nhau. Về phía Dân-chủ, thường thường cả phái-đoàn chỉ bỏ phiếu cho một ứng-cử-viên.

Nhân vật nào được đa số thái bán thì sẽ được chọn làm ứng-cử-viên chính thức của đảng đề ra tranh cử Tổng-thống. Nếu không có ai được đa số thái bán, người ta lại bầu vòng khác. Năm 1924 Đại-hội toàn-quốc đảng Dân-chủ đã phải bầu tới 103 vòng mới cử được John Davis. Khởi cần nói, người ta cũng thấy rằng được bầu như vậy, ông John Davis cũng chẳng có hy vọng gì thắng được đối thủ Cộng-hòa.

Ngược lại, năm 1960 ông Nixon đã được đảng đồng thanh bầu ngay tại vòng đầu. Thường thường khi một ứng-cử-viên đã được đa số tín nhiệm thì những

người trước chưa bỏ phiếu cho ứng-cử-viên này đều có quyền sửa phiếu để có thể đồng-thanh dồn phiếu cho ứng-cử-viên đó.

Khi được bầu làm ứng-cử-viên chính-thức của đảng, ứng-cử-viên Tổng-thống sẽ đề nghị với Đại-hội một nhân-vật đề ra ứng-cử Phó Tổng-thống cùng một liên danh với mình.

Thật ra Đại-hội toàn quốc với khung cảnh của một đoàn xiếc (cirque) chỉ là một bối cảnh nặng phần trình diễn. Mọi việc đều do các lãnh-tụ đảng quyết định riêng với nhau bên lề hội-nghị.

Vì điều quan trọng nhất của mỗi đảng là bảo-đảm sự thành công cá-nhân của ứng-cử-viên Tổng thống nên các ứng-cử-viên không những phải có một đời tư không thể chê trách mà còn phải có những thành-tích chính-trị đáng kể. Năm 1950-1951 thượng nghị-sĩ Kefauver đã cố tình chủ-tọa tiểu-ban điều-tra các tội-phạm. Năm 1959 thượng nghị-sĩ H. Humphrey đã sang Nga gặp Kroutchev để được dư-luận trong nước đề ý tới.

Ngược lại ứng-cử-viên cũng không nên có nhiều thành-tích quá vẻ vang vì như vậy sẽ có nhiều kẻ thù.

Ứng-cử-viên có khi còn phải theo đạo Tin-lành, phải bênh vực các nghiệp-đoàn và chủ nghĩa tư-bản tự-do v.v...

Sau khi bầu ứng-cử-viên Tổng-thống và Phó Tổng-thống các đảng bắt đầu tổ-chức cuộc tranh-cử Tổng-thống.

C) Bầu cử Tổng-thống Hoa-Kỳ

Theo một đạo luật ban hành năm 1845, cuộc bầu cử Tổng-thống được tổ-chức vào ngày thứ ba đầu tiên của tháng 11 ngay sau ngày thứ hai đầu tiên,

Trước khi bầu-cử Tổng-thống, mỗi đảng phải đem toàn lực mà hoạt-động để tổ-chức cuộc vận-động tranh-cử kéo dài hai tháng trời. Người ta sử dụng tất cả các kỹ-thuật tối tân nhất để lôi cuốn lá thăm của cử-tri. Các ứng-cử-viên phải đi khắp nước Mỹ, xuất hiện trên màn ảnh, trên vô-tuyến truyền-hình... Mỗi cuộc vận-động tranh-cử Tổng-thống tốn kém tới trên 200 triệu Mỹ-kim. Tuy không được quyền tài trợ cuộc vận-động tranh-cử, nhưng các nghiệp-đoàn đã tìm cách phá luật-lệ bằng cách thành lập những Ủy-ban vận-động do nghiệp-đoàn tài-trợ. Mỗi Ủy-ban vận-động chỉ có quyền tài-trợ 3 triệu Mỹ-kim, nhưng người ta lập ra nhiều Ủy-ban có chung một mục-đích. Mỗi công-dân chỉ có quyền tài-trợ 5.000 Mỹ-kim nhưng mỗi người trong cùng một gia-đình đều sử dụng quyền này nên có nhiều gia-đình đã đóng góp những số tiền khổng lồ. Năm 1956, có 73 người trong gia-đình Dupont de Nemours đã đóng góp tới 262.000 Mỹ-kim để vận-động tranh-cử (251.000 cho Eisenhower, và phần còn lại cho Stevenson).

Nói tóm lại một thiểu số công-dân đã đóng góp vào công cuộc vận-động tranh-cử Tổng-thống. Năm 1950 người ta thấy 90% ngân quỹ vận-động tranh-cử do 1% của dân-chúng cung-cấp!

Ngày thứ ba đầu tiên của tháng 11, tiếp sau ngày thứ hai đầu tiên, hơn 100 triệu cử-tri Mỹ bầu một cử-tri đoàn Tổng-thống gồm 535 người tức là con số tương đương với tổng số dân-biểu và thượng nghị-sĩ của Liên-bang Hoa-kỳ.

Đơn-vị bầu-cử là tiểu-bang. Dân-

chúng bầu theo thề-thức liên-danh đa số và chỉ có một vòng. Như vậy nghĩa là tại mỗi tiểu-bang mỗi đảng đưa ra một danh-sách ứng-cử-viên của đảng. Trong mỗi tiểu-bang liên-danh của đảng nào có đa số sẽ đắc-cử, dù liên-danh này và liên-danh đối-thủ chỉ có một sự chênh lệch tối thiểu. Các cử-tri Tổng-thống của liên-danh đắc-cử sẽ bầu cho ứng-cử-viên chính thức của đảng họ vào chức vụ Tổng-thống.

Ngày thứ hai đầu tiên của tháng 12 các cử-tri Tổng-thống nhóm họp tại thủ-phủ các tiểu-bang để bầu Tổng-thống. Kết quả tại các tiểu-bang sẽ được gửi tới Hoa-thịnh-đốn, để kiểm điểm.

Ngày 6-1 năm sau, Quốc-hội Hoa-kỳ nhóm họp dưới quyền chủ tọa của Chủ-tịch Thượng-viện, tức là Phó Tổng-thống Hoa-kỳ, kiểm phiếu và tuyên bố kết-quả bầu-cử. Ngày 6-1-1961, ông Nixon với tư cách là Chủ-tịch Thượng-nghị-viện đã chủ-tọa phiên họp này và đã tuyên bố ông Kennedy, đối thủ của ông, đắc cử Tổng-thống.

Thật ra thì hai thủ-tục cuối cùng này đã hết ý-nghĩa từ lâu vì chỉ có 2 ứng-cử-viên Tổng-thống, nên khi mà số cử-tri Tổng-thống của một đảng chiếm đa số tức là ứng-cử-viên chính thức của đảng đã đắc cử Tổng-thống. Ngay từ khi bầu cử cử-tri đoàn Tổng-thống xong, người ta đã biết danh tính của vị tân Tổng-thống Hoa-kỳ.

(Còn tiếp một kỳ)

TỪ-TRÌ

Kỳ tới: Bầu cử Tổng-thống và nguyên-tắc dân-chủ

(Xin xem B.K. từ số 265 đến 271
và từ số 278 trở đi)

Khoa Nhân-học cơ-cấu của

CLAUDE LÉVI - STRAUSS

PHẦN I: ĐỐI-TƯỢNG VÀ PHƯƠNG-PHÁP KHOA NHÂN-HỌC CƠ-CẤU

(Xin xem BK. TĐ. từ số 279)

Trên những số báo trước chúng ta thấy thế nào là ĐỐI-TƯỢNG của khoa Nhân học cơ cấu: đó là khai quật những cơ cấu vẫn ngầm chi phối các mối tương quan giữa con người với nhau trong xã hội thổ dân. Tất nhiên cũng có thể dùng phương pháp cơ cấu để khám phá ra những gì làm nền tảng cho phong tục và lễ thói các dân tộc văn minh ngày nay: chúng ta sẽ có dịp bàn đến vấn đề này. Bây giờ phải xin Lévi-Strauss giúp chúng ta học hỏi về PHƯƠNG-PHÁP phân-tích của khoa Nhân học cơ cấu.

Phần này có thể nói gọn hơn, nhất là vì nhờ phần trình bày về đối tượng của khoa Nhân học trên đây, chúng ta đã phần nào làm quen với những gì mà khoa này tìm kiếm. Lévi-Strauss đã trình bày khá rõ ràng trong cuốn « Anthropologie structurale » của ông (trg. 305-317).

Trước hết ông nhắc lại rằng những cơ cấu (tức mô hình) không thuộc lãnh vực nghiên cứu khoa Dân tộc học, nhưng thuộc khoa tri-thức-luận. Như vậy đủ nói lên tính chất « hình thức » và « thực nghiệm »

của các cơ cấu xã-hội. Nhà dân tộc học chuyên thu lượm những sự kiện (phương diện thường nghiệm): đó mới chỉ là như cung cấp tài liệu cho khoa Nhân học thôi. Khoa này có nhiều tính chất « hình thức » nghĩa là dựa vào những giả thuyết coi đó là những mô hình để tác dụng để giải nghĩa toàn bộ nhiều sự kiện: gọi là hình thức vì, như ta biết, cơ cấu không bao nằm trong cái hữu-hình, nhưng nằm sâu dưới những cái hữu hình mà ta tri-giác hằng ngày. Cơ cấu là cái ta phải đoán ra, cũng như Newton đã đoán ra cơ cấu ràng buộc các khối-lượng lại với nhau. Tuy nhiên, cơ cấu được gọi là *thực nghiệm*, và khoa học nhân văn có tính chất khá duy nghiệm, bởi vì một cơ cấu đúng, một mô hình đúng, là một cơ cấu giải nghĩa được toàn thể một loại sự kiện (đây là sự kiện sinh hoạt xã hội của con người). Như vậy, ở đây cũng như nơi các khoa học thực nghiệm, chúng ta vẫn có công thức: thực nghiệm = giả thuyết + thí-nghiệm chứng minh.

Ta sẽ thấy điều này nơi phương pháp

làm việc của nhà nhân-học :

a) *Quan sát và thí nghiệm.* — Công việc đầu tiên là quan sát và xếp loại các sự kiện xã hội. « Cần quan sát và mô tả một cách chính xác » (Sd trg 307) : không được theo thiên kiến, cũng không nên chế giếm các sự kiện cho hợp với những dự-đoán của mình. Chỉ sau khi đã thu lượm được nhiều sự kiện, ta mới dần dần nhận ra những đường nét mờ mờ của cơ cấu, nhân đó ta có thể phác họa ra những mô-hình tác dụng. Ta phải nghiên cứu chặt chẽ về từng sự kiện, rồi gắng tìm ra những tương quan mà loại sự kiện này có với những loại sự kiện khác trong sinh hoạt của con người. Được vậy, thì không những không có mâu thuẫn, mà sẽ có một mối tương đồng giữa « sự chính xác của các chi tiết cụ thể » và tính chất « hữu hiệu phổ-thông của mô hình » (Sd trg. 307-308).

b) Các mô hình có thể là *vô-thức* hay *hữu-thức*, tùy bình diện hoạt động của chúng. Tuy nhiên, theo tác giả, những mô hình hữu-thức thường tỏ ra nghèo nàn, phức tạp và ít hiệu nghiệm. Điều này dễ hiểu : những mô hình hữu-thức nằm ở bình diện sinh hoạt hữu-thức của ta, cho nên chúng thuộc loại đặc-thù và được ta coi như là những hành vi riêng rẽ không ăn nhằm gì với các hiện tượng tâm tình khác. Trái lại, cơ cấu càng sâu thì càng hiệu nghiệm, nghĩa là càng có khả năng giải nghĩa nhiều loại sự kiện sinh hoạt khác nhau ; những cơ cấu này tất nhiên ở sâu trong *vô-thức*. Nhân đây « cơ cấu càng hiển hiện thì càng có vẻ rõ, nhưng chính vì thế nó càng làm cho ta khó đạt tới cơ cấu sâu hơn : nó được ta ý thức nhưng lại làm ta nhìn sai thực trạng sự vật : nó giống như một chướng ngại vật ở giữa người quan sát và đối

tượng ». (Sd trg 309). Lévi - Strauss không tiếc lời nhắc ta đừng bao giờ tin vào những kinh nghiệm giác quan, nhưng phải từ các kinh nghiệm và các sự kiện này để *đào sâu* tới những mô-hình mà ta *giả-thiết* là cơ-cấu của những sự kiện cụ thể kia.

c) *Cơ cấu và đo lường* (structure et mesure). — Đã là khoa học thì phải có toán, đúng như châm ngôn « Chỉ có khoa học cho những gì ta đo lường được. » Nhưng toán học cũng có hai loại chính được tượng trưng bởi toán Euclide và toán Riemann, cũng như chúng ta có hai khoa Vật - lý, tức khoa Không vật - lý (macrophysique) và khoa Vi vật - lý (microphysique) : toán của Euclide là toán dựa trên *tri-giác* và nặng về lượng-tính, cho nên toán này rất thích hợp với khoa vật - lý của Newton (cũng gọi là Không vật - lý) nghiên cứu về những hiện tượng mắt ta có thể kiểm chứng được (như từ-trường và các hiện-tượng điện-học ; Oxy và các hiện-tượng đốt cháy). Trái lại toán Riemann nặng về hình-thức linh động và *phổ quát*, hơn nữa toán học hiện nay càng ngày càng đi xa khỏi những gì là xác-định để vươn tới lãnh vực không xác định : đó là trường hợp *tính xác-suất* (calcul des probabilités) và tính dựa trên những *toàn bộ* (théorie des ensembles). Khoa vật - lý hạch - tâm dùng thứ toán này, bởi vì người ta không thể đếm chắc số những nguyên-tử trong các cuộc thí-nghiệm, nhưng chỉ có thể ước lượng rằng : đã có một số *a* phản - ứng, cho một số lượng *b* chất hóa-học, trong một thời gian *t* của thí-nghiệm. Nói cách khác người ta không thể đếm từng điện-tử được tách rời kim-khí cực ca-tốt (cathode) để băng qua cực a - nốt (anode), người ta phải tính theo kiểu *thống-kê*, và tính một cách xác suất.

Tóm lại toán Euclide dùng cho những trường hợp có rất ít đơn vị, còn toán Riemann dùng cho trường hợp những con số quá khổng lồ. Đối với khoa Nhân học thì dùng loại toán nào? Lévi-Strauss không bàn giải đầy đủ (vì ông giả thiết độc-giả đã có đủ kiến thức về toán học), nhưng ông đưa ra nhận định xác đáng này: «Nhà Nhân học, trong khi xây dựng những mô hình, bị kẹt vào một thế ở giữa hai thứ toán kia: những đối-tượng nghiên cứu của ta (các vai trò của cá nhân và xã-hội trong một xã-hội nhất định) thì nhiều hơn số đối-tượng của khoa vật-lý Newton nhiều quá, nhưng lại không đủ nhiều để chúng ta có thể dùng phương pháp thống kê hoặc dùng toán xác suất.» (Sđ trg 350).

Như vậy nghĩa là ta phải dùng một thứ toán mới, khá đặc biệt: «Phương pháp hình thức của khoa học nhân văn không có ý xếp các hiện tượng xã hội vào loại những sự kiện của con số, nhưng là khám phá ra những cơ cấu mới, có thể gọi là *một loại toán đặc biệt.*» Granger *Pensée formelle et sciences de l'homme*, trg 19). Loại toán này không hẳn là toán Riemann, nhưng rất giống với toán Riemann: các khoa học về thiên nhiên nhằm những đối-tượng tất định cho nên có họ với toán Euclide, còn các khoa học nhân văn thì gần tới toán Riemann bởi vì có những đối tượng vừa phức tạp vừa khá bất định (Granger, Sđ trg 168).

Trên đây chúng ta đã phải nói lang bang về toán Euclide và toán Riemann, mục đích là để dẫn và vấn đề «đo lường các cơ cấu», tức đặt các cơ cấu thành những công thức xây dựng bằng những con số. Vấn đề này quá chuyên môn, khó viết ra một cách phổ - thông. Nhưng bỏ qua, thì còn gì là tính chất

«khoa học của các khoa học nhân văn?»

Công việc khoa-học-hóa những sự kiện con người cũng giống như việc khoa-học-hóa những hiện tượng thiên nhiên. Và gồm hai giai đoạn: tuyển lọc đối tượng, rồi đặt thành công thức.

1) *Tuyển lọc đối-tượng.* Đối tượng của khoa học không phải là đối tượng của tri thức bình dân. Chẳng hạn xưa kia người ta vẫn coi *lửa* là một nguyên-tố trong 4 nguyên-tố cấu tạo nên vạn vật (thổ, thủy, hỏa, khí). Khoa vật lý của Aristote vi xây trên quan niệm quá mơ hồ và quá bình dân về 4 nguyên-tố nên khoa vật lý của ông chỉ lẫn lộn trong vòng những tin tưởng của một người chưa có khoa học. Khoa học không nhìn vào cái mà ta tri giác, tức *ngọn lửa*, nhưng tìm ra tương quan mà tri giác không trực tiếp nhận thấy: đó là hiện tượng đốt như CO, CuO, FeO v.v... trong đó Oxy «ăn» những nguyên-tố khác. Oxy là đối-tượng khoa học, nhưng nó không đứng riêng cho ta coi, và tri giác người thường không bao giờ có thể tưởng rằng nó có. Cũng một lẽ, đối tượng của khoa Nhân học, tức cơ cấu, là một hệ thống bị che khuất bởi những tương quan hiển hiện hơn, những tương quan mà ai cũng thấy được. Còn những cơ cấu, thì phải có nhà Nhân học mới khám phá ra.

Trên đây chúng ta đã có dịp nhìn qua vài thí dụ về cơ cấu: trước hết là cơ cấu «họ hàng», một cơ cấu kết thành bởi 4 cặp tương quan và bởi 3 thứ liên lạc. Rồi ta đã thấy cơ cấu «hòa giải» nơi những cặp tương phản nhau của sinh hoạt và được thổ dân nói lên bằng những thần thoại về Trời Đất, Năng Mưa, Sống Chín, Đực Cái v.v. Còn nơi dân gian Việt-Nam những thế-

kỷ trước đây (mà phần nào còn sót lại một hình ảnh nhợt nhạt nơi những làng quê hẻo lánh ngày nay), phải chăng mô-hình « gia tiên » là cơ cấu chi phối tất cả sinh hoạt gia - đình và xã-hội, từ truyện « Bốn anh em họ Điền », đến truyện « ông lý Tích nấu cháo cho mẹ bị cháy râu », từ cách bài trí trong nhà trong cửa đến địa vị của người con trưởng và cách chia ruộng đất cho các con, từ quan niệm « nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô » đến đạo thờ ông bà và cúng giỗ v.v...

Cơ cấu là một mô hình có khả năng giải thích thỏa mãn tất cả các tương quan sinh hoạt của con người trong một thời đại nào đó. Hai đặc tính của cơ cấu là như thế: nó giải nghĩa thực tại con người bằng những *kỷ cương* ràng buộc con người từ sơ sinh đến lớn, và thường là những ràng buộc người ta không ý thức mặc dầu người ta vẫn sống theo; đặc tính thứ hai của cơ cấu là nó chỉ đúng cho một thời đại nào đó, và một xã hội nhất định nào đó thôi, mặc dầu nó có nhiều nét tương tự như những cơ cấu của nhiều xã hội ở những địa điểm khác về thời gian và không gian.

Tóm lại kinh nghiệm thường ngày của ta có tính-chất bất tất. Những sự kiện con người do trí óc bình dân thấu lượm đều thuộc loại « mơ hồ » như quan niệm *lửa* trên kia. Nhà Nhân-học phải tuyền lọc để đưa ra những khái niệm (concept) có tính chất *nhất thiết* và *phổ quát*, có thể mới là khoa-học. « Mục tiêu của khoa Nhân-học không phải là thay những đối-tượng của kinh nghiệm sống bằng những đối-tượng trừu-tượng, nhưng là đưa ra những lược-đồ để kiểm chứng về các loại sự-khiến con người. Như vậy trong việc tuyền lọc những sự kiện của nó, khoa-học nhân-văn đã biến

chế những dữ-khiến do tri-giác ban cho ta: có làm thế mới có thể thành khoa-học ». (Granger, Sd trg 72).

2) *Đặt thành công - thức*. Phải đặt thành công-thức, vì công-thức mới thực sự biểu hiệu một tương-quan (một tương quan nhất thiết và phổ-thông). Chúng ta hãy lấy một thí dụ của khoa ngữ-học cho dễ theo dõi: sau khi thấy rằng một số danh từ hay được lặp đi lặp lại trong một số trang sách đã đọc, người ta muốn tính xem tỷ-lệ của nhịp độ này nơi những trang sắp tới là bao nhiêu. Nhà ngữ-học Zipf nhận thấy rằng nhịp độ đó có tương quan với số những chữ hay được lặp lại (Granger, Sd trg 147-148). Nhịp độ (fréquence) là số lần ta gặp chữ đó nơi mỗi trang.

Vậy ta thấy rằng: số những chữ có nhịp độ bằng nhau = nhịp độ chung của chúng. Và viết theo công thức

thì: $N(x) = \frac{k}{x^2}$ nghĩa là « số những

chữ có nhịp độ x được kể là bằng $\frac{k}{x}$

(k là một hằng-số, constante) ».

Công thức trên đây cũng có nghĩa là « Nhịp độ của một chữ thì có tỷ-lệ nghịch với thứ-vị của chữ đó » (La fréquence d'un mot est inversement proportionnelle à son rang). Thứ vị đây là thứ vị theo như nó có nhịp độ nhiều ít đối với các chữ khác trong bản văn.

H. Simon trong cuốn « *Models of man* » (Coi Granger Sd trg 148) đã đưa ra một công thức gọn hơn và có tác dụng chặt chẽ hơn để kiểm soát nhịp độ. Nếu gọi f là hàm-số của nhịp độ x , và k là một hằng-số, thì ta có công thức:

$$f(x) = a \frac{1}{x^k}$$

Thử áp dụng công thức trên đây

vào sự tìm nhịp độ. Theo Simon thì chẳng hạn trong cuốn tiểu thuyết nhan đề «Ulysse» của Joyce, chắc chắn tên của người anh hùng cuốn truyện có những điều kiện cơ cấu khác hẳn các chữ khác, bởi vì nhịp độ của mỗi chữ trong bản văn luôn luôn bị ràng buộc bởi hai điều kiện : một là điều kiện «truyền nhiễm» do chính không khí riêng của câu truyện gây nên. Người ta cũng gọi hiện tượng này là «liên tưởng nội tại». Còn điều kiện thứ hai là «hòa theo» và đây là điều kiện chung cho ngôn-ngữ : đó là tương quan âm vang của ngôn-ngữ nói chung, các chữ có tương quan gợi ý nhau thì hay đi với nhau (Sd trg 150).

Granger cho rằng những công-thức không có tham vọng mang lại những con số chắc chắn và hoàn toàn chính xác, nhưng «chúng nhằm đưa ta ra khỏi sự bất động của tư tưởng bình dân và mang lại cho ta những điều kiện tối thiểu để hành-động hữu-hiệu và có quy mô, thay vì cứ ở trong tình trạng lờ mờ mãi» (Sd trg 168). Trên đây là những công-thức giúp tìm hiểu những hiện-tượng xã-hội có tổ-chức chặt chẽ và đều đặn. Còn đối với những sự kiện «may rủi» thì như ta biết đã có «hàm số Pascal» (ông tổ của toán xác-suất), rồi cũng có «hàm số Daniel Bernoulli (Sd trg 172). Hàm số Bernoulli là hàm số Laplace chứa lại. Nhưng gần đây hai nhà toán học xã-hội Von Neumann và Morgenstern đã tìm ra những công-thức để tính những trường hợp may rủi và bất định này. Hai ông gọi đó là «Thuyết về ăn thua» (théorie des jeux). Đại ý như sau :

Ta hãy gọi u là tình trạng không thỏa mãn, và v là thỏa mãn (u là thua, v được) và ta có một hy vọng được (tạm gọi là

a) và một hy vọng ngược lại là $1-a$. Vậy thoát khi chơi ta có :

$au + (1-a)v$. Dấu $+$ đây chỉ sự hai tình trạng sẽ nhào lộn với nhau để sinh ra những may rủi.

Vì u và v là hai tình trạng đối lập, nên ta có thể xếp một tình trạng trung bình (w) vào giữa : $u < w < v$, Như vậy hy vọng a , nghĩa là cái phần may mắn của ta sẽ là :

$$u < au + (1-a)w < v$$

Bây giờ ta thay niềm hy vọng a , bằng niềm hy vọng b . Như vậy công thức đầu tiên $au + (1-a)v$ sẽ thành : $bu + (1-b)v$. Nếu coi : $bu + (1-b)v$ là một thể luân-chuyển (alternative) của $au + (1-a)v$, thì ta có :

$$a [bu + (1-b)v] + (1-a)v = abu + av - abv + v - av = abu + (1-ab)v$$

Như vậy hai nhà toán học đã biến một bài toán có những viễn tượng phức tạp và mờ ảo thành một công thức đơn giản với hai luân-chuyển a và b , tương đối dễ tính toán hơn. Với a và b (tính theo toán xác-suất) người ta có thể tìm ra kết quả một cách tương đối chắc chắn, (Granger, Sd trg 173).

Dẫu muốn lắm, tôi cũng không thể tránh những công thức có vẻ quá chuyên môn trên đây. Thôi cũng là để thấy rằng khoa học nhân văn đang tiến sang lãnh vực khoa học thực nghiệm, dẫu không trăm phần trăm thực nghiệm như khoa vật-lý. Nói thế, vì Lévi-Strauss cũng như giáo sư Granger đều nhận rằng toán của khoa-học nhân-văn là một thức toán riêng biệt, gần với toán Riemann hơn là toán Euclide.

Tóm lại cách làm việc của nhà Nhân học, cũng như của nhà Tâm-phân-học mà chúng ta thấy sau khi giới thiệu J. Lacan,

thật là lâu la và tỷ mỉ : họ phải thâm lượm rất nhiều sự kiện xã hội cụ thể làm vật liệu, rồi nhìn vào đồng vật liệu đó họ gắng tìm ra những đường ngầm, những tương quan ẩn sâu ở dưới chúng nhưng lại chỉ phối toàn thể chúng. Họ tìm ra những giả thuyết, rồi tìm cách diễn đạt các giả thuyết đó bằng những công thức toán học. Chỉ những cơ cấu ngầm sâu dưới những kinh nghiệm hữu-thức của con người mới thực là đối-tượng của khoa học nhân văn.

Nhìn qua những công thức đó, và nhớ lại lập trường nền tảng của thuyết cơ-cấu là con người không phải là logos, không phải là tự chủ và cũng không là trung tâm của thế giới, bây giờ ta mới thấy con người bị *chi phối* trong từng cử

chỉ và từng thái độ của mình : chi phối bởi những cơ cấu vô thức, những liên quan sinh hoạt của đoàn thể, sinh hoạt vật lý cũng như sinh lý, sinh hoạt văn hóa cũng như sinh hoạt kinh tế. Con người không độc lập đối với thế giới sinh hoạt và những loại tương-quan kia cũng không độc lập đối với nhau. Chỉ nhìn vào ngoại diện, chưa phải là nhìn sâu. Chỉ quan niệm con người theo một tương quan nào đó, thì chưa phải là biết nhìn vào bản chất đích thực của con người. Phải khai quật những cơ cấu.

(còn tiếp)

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

Kỳ tới : Con người theo tư tưởng Lévi - Strauss

Rượu bổ
QUINQUINA



Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071. BYT

Nền Dân chủ hướng-dẫn của In-đô-nê-xi-a và Chủ-nghĩa Xã-hội Ấn-độ

SUKARNO và JAWAHARLAL NEHRU

Người dịch : NGUYỄN-TỬ-QUÝ

Bài « Nền Dân-Chủ Hướng-Dẫn » là một phần trong bài nói chuyện của cựu Tổng-thông Sukarno trước các sinh-viên Viện Đại-học Hasanuddin, được Bộ Thông-Tin In-đô-nê-xi-a phổ-biến năm 1959 và được in trong cuốn *The Ideologies Of The Developing Nations* do Paul E. Sigmund thu thập, ấn-hành tại New-York, nhà xuất-bản Frederick A. Praeger, 1967. Và bài « Chủ - Nghĩa Xã - Hội Ấn - Độ » của cựu Thủ - tướng Nehru thì được trích trong diễn-văn đọc tại Đại-hội Đảng Quốc-đại, ngày 22 tháng 12 năm 1954, đăng trong cuốn « *Towards A Socialistic State* » xuất - bản tại New Delhi năm 1956. Hai bài ngắn này có thể giúp chúng ta một chút để nhìn rõ hơn những vấn-đề của Việt-Nam. (Lời người dịch)

NỀN DÂN-CHỦ HƯỚNG-DẪN

Đề xây - dựng và phát-triển, cần ba điều căn bản :

Thứ nhất là tư-bản. Không có tư-bản hay vốn, không thể phát-triển. Điều đó quá rõ. Hơn nữa, nếu có thể, phải có tư-bản riêng — tư-bản của nước chúng ta — do chính nhân - dân Nam-Dương tích lũy và sở-hữu. Nếu số tư-bản tự-lực đó không đủ, chúng ta có thể vay ở ngoại-quốc. Nếu chúng ta không mượn đủ số, chúng ta có thể mời tư-bản ngoại - quốc vào đầu tư ở đây, nhưng phải nhớ rằng, tôi xếp loại tư-bản ngoại quốc đầu-tư tại đây ở hàng thứ ba. Cho nên đầu tiên, chúng ta phải có vốn riêng. Khi nào không đủ, chúng ta không thể làm gì khác trừ việc đi vay, và vay thì sẽ phải trả theo thời-hạn. Và chỉ khi nào thật cần, tư-bản ngoại - quốc mới được đưa vào.

Thứ hai là khả-năng điều-hành quản-trị. Không thể phát-triển nếu không có

kiến-thức về tổ-chức. Đó là lý do tại sao chúng ta lập ra kế-hoạch, đó là lý do tại sao chúng ta thiết-lập các trường Đại-học để huấn-luyện và giáo-dục cán-bộ, càng nhiều càng tốt... Chúng ta phải mừng vì hiện tại In-đô-nê-xi-a đã có 30 ngàn sinh-viên. (Dân số In - đô - nê - xi - a năm 1960 là 95,2 triệu người). Nhưng số đó chưa đủ. Tôi nghĩ rằng chúng ta cần trên 150.000 sinh viên có tinh-thần tháo-vát và đầu óc chứa đựng những kiến-thức thực-tế, kiến-thức về điều-hành quản-trị và các môn khoa-học áp dụng.

Thứ ba là một không-khí chính-trị thuận-tiện cho việc xây dựng và phát triển. Dù chúng ta sở-hữu tư-bản (điều-kiện thứ nhất), dù chúng ta có kiến-thức về điều-hành và quản-trị (điều-kiện thứ hai), nhưng nếu không khí chính trị không thuận lợi cho việc xây dựng thì không thể thực hiện được những chương-trình

phát-triển một cách êm thấm. Không khí chính trị hiện tại của nước chúng ta thế nào? Tôi đã nói đi nói lại nhiều lần rằng không khí chính-trị của chúng ta không lành mạnh, đó là một không khí chính trị phóng túng, một không khí tự-do tranh-chấp lẫn nhau, một không khí trong đó chúng ta luôn luôn tranh chấp và cãi lý, mỗi người kêu gào là chỉ có mình đúng và đi bới lông tìm vết ở người khác. Đó là một khung cảnh không có trật tự, không có sự hợp-nhất, không có ai đồng ý với ai. Chúng ta phải hủy diệt hoàn toàn cái chủ-nghĩa tự-do tranh-chấp phóng-túng đó đi, nếu chúng ta muốn xây dựng và phát-triển đúng đường hướng.

Quả thực, những phái-đoàn mà tôi gửi đi các nước khác đã trở về với câu trả lời của nhân-dân những nước đó. In-đô-nê-xi-a giàu hơn rất nhiều nước. Người In-đô-nê-xi-a không thiếu thông minh, kém trí óc. Chúng ta cũng biết rằng dân tộc In-đô-nê-xi-a có tinh thần cao. Nhưng tại sao chúng ta không phát-triển mau, tại sao chúng ta tiến quá chậm? Ngày 17 tháng 8 năm 1957, tôi đã nói lý do: đó là tại không-khí chính-trị không thuận-lợi của nước ta, và chúng ta phải đổi cái không khí đó đi. Đó là lý-do tôi đề-nghị rằng cái không khí không lành mạnh do chủ-nghĩa tự-do tranh-chấp phóng-túng sinh ra phải bị loại bỏ. Để có thể vạch ra một kế-hoạch, tôi đề nghị một nền dân-chủ có lãnh-đạo, nền dân-chủ hướng-dẫn.

Hôm kia, tại Bogor, tôi đã được một phái-đoàn gồm 60 đại biểu của các tổ chức hợp tác xã In-đô-nê-xi-a đến thăm. Phát ngôn viên của họ nói: "Thưa Tổng thống, với những hợp tác xã của chúng tôi, chúng tôi đã có thể nâng mức sống của nhân dân lên một chút. Và chúng tôi xin trình bày là trong tổ hợp của các hợp tác xã, nền dân chủ có lãnh đạo

hay nền dân chủ hướng dẫn đã được áp dụng. Trong tổ hợp những hợp tác xã... chúng tôi có một mục tiêu rõ rệt, một lối làm việc rành rẽ, và cách phân chia lời lãi minh bạch-mọi sự việc đều rõ ràng, minh bạch dưới sự lãnh đạo.

Bên trong tổ hợp các hợp tác xã, nền dân chủ hướng dẫn đã được áp dụng. Nếu kế hoạch của Hội-đồng Kế-hoạch Quốc-gia hoàn thành, sự thực hiện nó sẽ không thể êm thấm và hữu hiệu nếu không có nền dân chủ hướng dẫn, không có lãnh đạo. Lãnh tụ số một chính là bản kế hoạch. Ta không thể thực hiện một kế hoạch nếu cùng lúc ấy còn tranh luận mờ xẻ kế hoạch đó, kế hoạch đã được Quốc-hội chấp thuận. Kế hoạch này đã trở thành tài sản của nhân dân In-đô-nê-xi-a, đã trở thành vật sở hữu của quốc-gia.... Kế hoạch này phải được đem thi hành và những nguyên tắc của kế hoạch đó không thể để đem ra bàn cãi lại.

Tôi là một kỹ sư có khả năng. Khi tôi còn ở trong công tác xây cất, tôi rất thường nhận được những kế hoạch phải đem thực hiện. Tôi đã đem thi hành những kế hoạch này đúng như nó đã vạch ra. Tôi không nại ra các lý do và hỏi tại sao nữa, thí dụ hỏi tại sao những đường này lại đi lối này, tại sao những vật kia lại phải làm bằng bê-tông mà không bằng gỗ, tại sao những căn lầu lại phải xây cao đến thế. Kế hoạch đó đã được trao cho tôi để tôi đem thi hành, thì tôi phải thực hiện nó cho thành tựu. Bản kế hoạch là người hướng đạo của tôi, và chính tôi lãnh đạo và hướng dẫn những người cộng sự và các đốc-công (thợ cả hay cai thợ). Là một kỹ sư có khả năng, tôi có các người phụ tá và các đốc công ở bên dưới. Tôi là người lãnh

đạo của họ, và tôi mở cuộc tham khảo ý kiến họ. Nhưng các cuộc tham khảo ý kiến đó không mang tính chất của chủ-nghĩa tự-do-tranh-chấp phóng-túng (free-fight liberalism). Tôi thảo luận với họ về việc thực hiện cái kế hoạch đã được trao phó. Tôi hỏi những người phụ tá : Những cái này phải được chế bằng bê-tông, vậy cách chế hay nhất thế nào ? Một người phụ-tá đề nghị : Anh Hai, tôi nghĩ lối hay nhất là có đá, có sỏi, cát, xi-măng, gọi một số người, hai chục hay một trăm — và mọi việc trộn xới đều được làm bằng tay. Tôi quay sang hỏi viên phụ tá khác xem ý kiến của y thế nào. Vị này trả lời : Không được, đừng làm bằng tay, tòa nhà này lớn lắm, nên mua một máy trộn cát xi măng ngay, rồi sau này chúng ta còn xây cất nhiều cơ-sở khác nữa. Tôi lại hỏi ý kiến các đốc công — nghĩa là tôi thực hành dân chủ với họ — tôi hỏi ý kiến họ. Tôi cũng tranh luận về sự chọn lựa vật liệu. Tôi tham khảo ý kiến các cộng sự viên của tôi. Trong mọi mặt của việc thực hiện kế hoạch, tôi mở những cuộc thảo luận, nhưng những cuộc thảo luận này đều được hướng dẫn — sự hướng dẫn của bản kế-hoạch, sự hướng dẫn của tôi, người xây cất tòa nhà.

Cho nên những lời nói rằng nền dân chủ hướng dẫn là nền dân chủ giả hiệu, lời kết án rằng đó chỉ là một hình thức độc tài, đều là những lời nói sai. Tôi đã tuyên bố ngày 28 tháng 10 năm 1958 rằng nền dân chủ có hướng dẫn là nền dân chủ thực sự của In-đô-nê-xi-a. Có một mối nguy mà các bạn đang đối diện, đó là nhiều người trong các bạn trở thành những kẻ học mót. Các bạn đã nghe thấy chữ «dân chủ»

Nền dân chủ quả thực là tốt. Nước Mỹ đã nói gì về nền dân chủ ? Các bạn chỉ thấy nói trong các sách Mỹ. Các nước Anh, Pháp, Hòa-lan, Đức đã nói gì ? Họ đều có các sách tham khảo riêng. Các bạn nói rằng một trong những nền dân-chủ đó phải là nền dân chủ thực sự. Và các bạn cố gắng áp dụng nền dân chủ tại In-đô-nê-xi-a, như đã được áp dụng tại Mỹ, Đức, Pháp, Anh, Hòa-lan, và Liên-sô, hay tại những nước khác ? Các bạn đang cố gắng học mót vậy.

Không, như tôi đã nói trước đây, chúng ta phải quay về với cá tính của chúng ta. Chúng ta muốn trở về với bản-ngã của dân tộc chúng ta. Đừng để quốc gia chúng ta trở thành một quốc gia học mót, một quốc gia in bản sao. Chúng ta đã từng có một nền dân chủ từ thời cổ. Tôi không muốn nói là chúng ta nên quay về ôm lấy cái vốn cũ đó. Nhưng những vốn cũ của thời xưa là vật liệu tốt cho chúng ta ngày nay, vì chúng ta đang thiết lập một nền dân chủ của riêng nước chúng ta.

Nền dân chủ thời xưa của In-đô-nê-xi-a thế nào ? Ngày nay nó vẫn còn được thực hành tại các làng mạc ở Java, Minangkabou, Sulawesi, Lombok, Bali, và những nơi khác — có luật lệ và hệ thống gọi tên là musjawarah và mukakat (bàn luận và thỏa thuận). Mọi làng đều thực hành dân chủ. Nhưng những người dự các buổi họp ở làng có áp dụng lối biểu quyết không ? Họ có tin ở chủ-nghĩa tự-do-tranh-chấp phóng-túng chấp nhận rằng một nửa thêm một phiếu đều luôn luôn đúng không ? Không, musjawarah (bàn luận) được thực hiện dưới sự hướng dẫn của vị Lurah, vị trưởng của các vị Niên trưởng, hoặc của

Nini Mamak, sự hướng dẫn của bất cứ người lãnh đạo nào. Mọi người nói ra các ý kiến khác nhau cho tới khi đạt được sự thỏa hiệp giữa các ý kiến dị biệt, mà không cần biểu quyết. Cho nên thỏa hiệp đó gọi là mufakat (sự thỏa thuận) — đó, bằng thảo luận mà không có biểu quyết, vẫn đạt được một thỏa-hiệp chung. Không có gì là độc tài trong musjawarah và mufakat. Đó là lý do tại sao nền dân chủ có lãnh đạo là một nền dân chủ thực sự, độc đáo của In-đô-nê-xi-a. Đây là một trong những nguồn căn quan trọng bậc nhất, từ đó chúng ta có thể rút ra những chất liệu để tìm và xây một nền dân-chủ mới—không phải nền dân chủ Mỹ, Hòa Lan, Pháp, Anh, Đức hay Nga, hay bất cứ nền dân chủ của ai. Chúng ta hãy tìm một nền dân chủ thích hợp cho dân tộc chúng ta. Và hãy dùng những nguồn căn và vật liệu trong kho tàng truyền thống của đất nước chúng ta.

Nhìn về nền dân chủ của riêng

chúng ta, tôi đề xướng ý tưởng và kêu gọi nhân dân hợp lực để tuyệt diệt những chứng bệnh do chủ-nghĩa tự do tranh-chấp phóng-túng sinh ra. Tôi kêu gọi nhân dân tiêu diệt tận gốc cái chủ nghĩa bệnh hoạn này, và đổi nó thành nền dân chủ In-đô-nê-xi-a, nền dân-chủ hướng-dẫn, còn gọi là nền dân chủ có lãnh đạo. Nếu nhân dân đòi hỏi tôi giải thích một cách chi tiết, tôi không thể có câu trả lời đầy đủ. Không, tôi muốn nền dân chủ hướng dẫn này trở thành tài sản không phải của tôi, mà của dân tộc In-đô-nê-xi-a. Cho nên tôi đề nghị nhân dân, đặc biệt là những nhà chuyên môn, những khoa học gia, những sinh viên, hãy suy nghĩ. Xin hãy suy nghĩ và suy nghĩ thêm nữa. Xin hãy thực hành và thực hành nhiều. Suy nghĩ và thể hiện để chúng ta đạt được thành quả chung, đạt tới một hệ thống dân chủ mà tôi gọi là nền dân chủ có lãnh đạo, hay nền dân-chủ hướng-dẫn, thích hợp với những điều kiện của In-đô-nê-xi-a.

CHỦ-NGHĨA XÃ-HỘI ẤN-ĐỘ.

Trong một nước như Ấn-độ — một nước chậm tiến — chủ-nghĩa xã-hội, một nền tảng thật sự xã-hội chủ nghĩa của xã hội chúng ta, chỉ có thể thực hiện dần dần. Không thể làm vội được. Lấy thí dụ Trung-hoa : Người Trung-hoa rất nhiệt thành trong việc thay đổi nền kinh tế của họ, và họ không có những khó khăn mà chúng ta có như những định-chế về chế-độ đại-nghị với các thủ-tục và các loại tiêu-ban đòi hỏi nhiều thì giờ cho mỗi quyết định. Họ có thể thông qua một dự luật trong một ngày nếu họ muốn. Thế mà họ vẫn tiếp tục nói rằng phải cần hai mươi năm để đặt nền tảng xã-hội

chủ nghĩa cho xã hội của họ — nghĩa là để có một nền kinh tế xã-hội chủ-nghĩa — dù họ có thể làm việc với tất cả tốc độ có thể có...

Nếu chấp nhận một số phương pháp đề ra trong một lý-thuyết hấp dẫn mà chúng ta phải giảm mức sản xuất xuống thì dù giai đoạn đặc biệt đó có được gọi là một bước tiến xã-hội chủ-nghĩa, thật sự chúng ta đã phá ngấm sự phát triển tiến tới chủ-nghĩa xã-hội. Thí dụ tôi thấy rất rõ trong óc tôi là nếu chúng ta khởi sự quốc-hữu-hóa các định-chế, các kỹ-nghệ... hiện hữu bằng cách bồi thường cho chủ nhân, thì đó là chúng ta đã

giảm đi khả năng tiến tới của chúng ta. Ở đây, các quý vị phải xác định thật rõ trong trí là chúng ta sẽ truất hữu các cơ sở kỹ nghệ mà có bồi thường hay không bồi thường. Nói một cách tổng quát, nếu chúng ta định quốc-hữu-hóa, chúng ta phải tiên liệu các hậu quả sẽ xảy ra hoặc là sự xung đột hoặc một số đông sẽ phải chịu khổ sở. Đối chiếu với Hiến-pháp của chúng ta, điều đó không hợp hiến. Thêm vào đấy, chính sách tổng quát của chúng ta cũng chống lại điều đó...

Nhân dân nói chung không biết rằng Liên-xô đã phải mất bao nhiêu năm mới làm cho các máy móc chạy được. Nhìn sang Nga, bây giờ là bốn mươi năm sau Cách mạng Tháng Mười. Phải mất nhiều năm mới làm cho máy móc chuyển động. Và lấy một thí dụ nhỏ : Trong Hiến-pháp của họ, có nói như Hiến-pháp của chúng ta, là phải cưỡng bách giáo dục tiểu học miễn phí cho mọi người. Thế mà theo tôi nhớ, họ phải mất mười lăm năm để thực hiện việc đó dù họ nắm tất cả quyền hành của quốc gia. Những việc như thế đòi hỏi thời gian, các quý vị không thể làm vội được, vì không những nó đòi hỏi tiền bạc, mà còn nhiều yếu-tố khác nữa.

Về phương diện kinh-tế, tôi nghĩ rằng duy trì khu vực tư nhân là điều rất có lợi, vì nó cạnh tranh với khu vực quốc doanh để thúc khu vực sau này đạt mức cao. Khu vực quốc doanh sẽ lớn lên. Nhưng tôi cảm thấy rằng, nếu không

có khu vực kinh tế tư nhân, nếu khu vực tư nhân bị phá hủy hoàn toàn, thì mối nguy là khu vực quốc doanh sẽ trở nên chậm chạp, không được thúc đẩy ở đằng sau. Dĩ nhiên là còn tùy thuộc ở nhân-sự rất nhiều. Nhưng, nhìn một cách toàn thể, có khu vực tư nhân là một điều tốt, để cho những năng lực thừa của những người không được sử dụng trong khu vực quốc doanh có cơ hội để đóng một vai trò nào đó, và dĩ nhiên chúng ta phải kiểm soát khu vực tư nhân vì quyền lợi của Kế-hoạch Quốc-gia. Quý vị có thể kiểm soát khu vực tư nhân bằng trăm lối nghìn cách. Nhưng chỗ nào quý vị không kiểm soát thì nên mở cơ hội để sáng - kiến có thể nảy nở và mang lại kết quả. Đó chỉ là một lối rộng rãi để giải quyết vấn đề này. Tôi có thể hiểu được rằng chính phủ có thể dần dần thực hiện những bước tiến mà vẫn bị coi là đi nhầm đường. Nó có thể làm vững thêm hơn là làm yếu đi cái cơ-cấu hiện hữu của xã-hội chúng ta. Nhưng phân tích đến cùng, thật sự chúng ta muốn phá để băng qua cái cơ-cấu hiện hữu — cơ cấu kinh-tế cũng như cơ-cấu xã-hội — bởi vì nó hạn chế sự tiến bộ. Một nước không thể lớn lên được nếu nó bằng lòng với những cơ-cấu cứng nhắc.. Cho nên chúng ta phải vượt qua cơ-cấu tư-bản chủ - nghĩa và đạt tới một cái gì khác, Nhưng phải băng qua một cách có phương pháp để có thể thay thế nó luôn, và bắt đầu là kiểm soát nó vậy.

Người dịch : NGUYỄN-TỬ-QUÝ

Tăng giá đồng bạc

● DUY

Nói đến vấn-đề tăng-giá đồng-bạc, hình như nói chuyện hoang - đường vì ngược dòng lịch-sử tiền-tệ thế-giới, người ta chỉ thấy đồng bạc mỗi quốc-gia đều từ từ phá-giá. Trường-hợp của đồng bạc Đức, nhờ tài nhiệm-mầu của kinh-tế-gia Erhard sau đệ-nhi thế-chiến, là một trường-hợp hi-hữu và cũng không lâu-bền gì, vì nền kinh-tế Đức sau thời-kỳ cực phồn-thịnh cũng đã gặp phải rất-nhiều trở-ngại khó-khăn.

Trong hoàn-cảnh trên đây, đề-cập tới việc tăng-giá đồng-bạc Việt-nam, phải chăng chỉ là một giấc mơ của những người cuồng-trí ?

Sau khi đồng bạc chính-thức phá-giá từ 35 đồng lên 80 đồng một Mỹ-kim, và các sắc thuế đánh tới tấp vào hàng nhập-cảng cũng như vào các nghiệp-vụ chuyển ngân, mức-sống ở trên đà tuột thang không phanh khiến người dân chỉ biết nhắm mắt lại để tránh nhìn xuống vực thẳm và chấp tay van vái cho thuế má đừng tăng, đồng-bạc đừng phá-giá thêm một lần nữa.

Tuyệt nhiên không ai dám hy-vọng đồng bạc có thể leo thang ngược lại để đem mãi lực lên một mức cao-hơn. Nhất là trong giới quân-nhân và công chức, một triệu gia-đình, năm triệu miệng ăn chỉ trông mong vào đồng lương cố-định trong khu-vực công.

Quân-nhân không được làm chính-trị. Công-chức chưa chính-thức có nghiệp-đoàn. Thành thử nguyện-vọng chính-

đáng của giới công-bộc này không được một cơ quan có uy-quyền nào lên tiếng đấu tranh trực-tiếp cho.

Lẽ ra, công-chức, quân-nhân cùng với gia-đình họ họp thành một khối đông-đảo chiếm quá một phần ba dân-số Miền Nam, và so với khối nhân-dân tích-cực chống Cộng, sống trong các vùng tương đối an-ninh, tỷ-lệ còn lên quá phân nửa, họ phải được đại-diện bằng gần phân nửa dân-biểu Quốc-Hội. Nếu được 30 thượng-nghị-sỹ và trên 60 dân-biểu đại-diện cho quyền-lợi của trên 5 triệu đầu người trong các gia-đình công-chức quân-nhân, thời số phận của họ đã được cải-thiện từ lâu rồi. Cũng không cần phải yêu-sách gì lớn lao, chỉ xin chính-phủ áp-dụng cho đứng đắn quy-chế công-bộc, nhất là mức lương tối-thiểu. Việc ấn-định lương tối-thiểu là căn cứ trên sự chi-tiêu cần-thiết nhất như cơm gạo, thực-phẩm, quần áo, nhà ở v.v... Mỗi khi vật-giá lên quá cao, chính-phủ phải ấn-định mức lương tối thiểu cho phù-hợp với tình-thế, để người công-bộc có một mức sống thích-đáng với nhân-phẩm con người. Nguyên-tắc hết sức giản-dị mà chỉ tiếc chính-phủ không thi-hành và gần đây mới có một vài dân-biểu lên tiếng lẻ loi đề yêu-cầu Hành-pháp xét lại mức lương tối-thiểu cho công-chức.

Không có nghiệp-đoàn, không có tiếng nói tại Quốc-hội, rút cuộc số-phận người công-bộc lại chỉ trông mong vào thái-độ hiểu-biết của chánh-phủ.

Nhân cuộc phỏng-vấn dành riêng cho

phái - viên một nhật báo ngày 16-9, ông Tổng-trưởng Kinh-tế đã tiết lộ đồng ý chuyển lên Hội-đồng Chính-phủ các đề-nghị miễn thuế cho hàng nhập-cảng tiếp-liệu cho công-chức.

Sự thỏa thuận của vị lãnh-đạo kinh-tế quốc-gia có một ý nghĩa cực kỳ quan-trọng. Dầu chưa phải là chính-sách được chấp-nhận của Chính-phủ, nhưng nguyên việc chuyển các đề-nghị miễn thuế cũng đã chứng tỏ có sự thay đổi trong tâm-trí người chịu trách-nhiệm về kinh-tế trong Chính-phủ.

Miễn thuế, nâng cao mãi-lực, chính là một biện pháp tăng giá đồng bạc, chiến-thắng trên mặt trận chính-trị, vì đã tranh-thủ được nhân-tâm, tranh thủ được những người góp sức đặc lực nhất trong công - cuộc chống Cộng và xây-dựng quốc-gia tức là những quân-nhân và công-chức.

Vào hoàn cảnh nước Việt-nam, tăng giá đồng-bạc thực ra cũng không phải là một giải pháp tiền-tệ đi ngược với quy-luật của sách vở kinh-tế-học. Khi nói đến hối-xuất, là phải nói đến một sự quân-bình nào đó giữa sức sản-xuất và sức tiêu-thụ giữa hàng nhập-cảng và hàng xuất-cảng. Đồng bạc quốc-gia phải có giá-trị quốc-tế, phải có mãi-lực thực sự. Chừng đó mới có chuyện bạc lên hay bạc xuống và khi chính-quyền tăng giá hay phá giá bạc mới có thể đạt được những mục-tiêu bất định, chữa được những cơn sốt thất thường về kinh-tế.

Còn trường-hợp một quốc-gia chịu đựng hơn hai chục năm chiến-tranh, phá hoại gấp mười lần xây-dựng, nhập-cảng gấp mười lần xuất-cảng, thời đưng nên phân-tích một cách khoa-học, hợp-lý về

sự lên xuống của giá bạc làm gì. Chúng ta đâu có một hối-xuất thực-tế, mà chỉ có một hối-xuất chính-trị, lệ-thuộc vào những quốc-gia nắm quyền chủ-động về kinh-tế như Pháp ngày xưa, hoặc nắm quyền chủ - động về viện-trợ như Mỹ ngày nay.

Như vậy, hơi đâu mà chúng ta lo chuyện hối-xuất lên hay xuống có ảnh-hưởng gì đến kinh-nghĩa kinh-tế? Ấn-định hối-xuất bao nhiêu cũng được hết. Điều quan-trọng là ấn-định làm sao cho giá sinh hoạt hàng ngày đưng quá sức chịu đựng của dân chúng, của những người có đồng lương cố định. Người ngoại quốc luôn luôn bị ám-ảnh trong ý-nghĩ dân Việt-nam sung sướng quá, xài đồ rẻ quá, làm nhiều áp-phe, bóc - lột ngoại-kiều nhiều quá! Còn giới công-bộc thời lương cao bỗng hậu lại tham những nhất thế-giới. Giàu có, sung sướng, mà góp phần chưa đúng mức, hy-sinh chưa đúng tầm vào công cuộc đấu-tranh chống chủ-nghĩa Cộng-sản, nên cần phải hạ giá đồng bạc, nâng cao giá cả hàng-hóa để bắt họ khổ đi đôi chút đền bù lại.

Có phải dân Việt-nam được tru-đãi, sung sướng quá đến mức phải chịu đựng một hình-phạt về tài-chánh tiền-tệ hay không? Chúng ta không chối-cãi trong một khoảng thời gian khá lâu dài, sau hiệp-định ngưng chiến Genève 1954, nước Việt-nam đã đạt được nhiều tiến bộ về kinh-tế và đời sống chung của nhân-dân, nông thôn cũng như đô thị, tăng-triển khả-quan, tốt đẹp bội-phần so với mức sống của nhân-dân miền Bắc.

Ngay trong giới buôn thúng bán mẹt, đã từng khốn đốn vì phải di-cư từ Bắc vào Nam, người ta cũng đành dùm được đôi chút, lên gửi về cứu-trợ cho bà con đói khổ ngoài Bắc, và những món

quà tuy không có giá trị gì đáng kể đối với miền Nam nhưng lại là những tài-sản lớn lao mà suốt đời người chưa chắc đã tạo nổi được ở miền Bắc như xe đạp, đồng hồ, v.v...

Người dân cũng không chối cãi, khi chiến-tranh trở thành khốc-liệt, quân đội Đồng-minh tới nhiều, một số nhà buôn đã hết bạc, một số công-bộc đã lợi-dụng được tình-thế, nhưng họ chỉ là một thiểu số gian-thương, nhũng-lạm. Đồng-bào lao-động thành thị, nhờ trực-tiếp cung-cấp dịch-vụ, cũng kiếm được đồng ra đồng vào mấy năm trước đây và dư sức đối phó với nạn vật-giá gia-tăng. Nhưng nếu so với các nước láng giềng được hưởng lợi về chiến-tranh như Nhật-bản, Phi-luật-tân, E ai-hàn, Đài-loan, thời không thể nói có một giới nào ở Việt-nam được ưu-đãi. Nhất là sau các cuộc tấn công vào đô-thị, thì ngay các giới làm ăn bất-lương cũng không còn kiếm chác được nữa.

Chỉ còn có từng cá-nhân, may mắn đặc biệt, nên kiếm được nhiều tiền hơn người khác thôi.

Sự chịu đựng của giới lương-thiện có đồng lương cố-định đã xuống tới mức báo nguy. Và còi hụ đã được báo-động đối với giới công-chức và quân-nhân. Có lẽ nhà lãnh-đạo kinh-tế, đã ý-niệm được tình-trạng thiếu hụt sẽ có ảnh-hưởng tai hại đến tinh-thần phục-vụ của giới công-bộc, nên đổi chuyển hướng và cố tìm một giải-pháp cho vấn-đề mãi-lực sút kém.

Tăng giá đồng bạc lên một chút, tỷ dụ từ 80 lên 60 đồng một Mỹ - kim, chắc không khi nào được nước bạn viện-trợ chấp thuận, vì quá nhiều lý-do, kỹ-thuật cũng như tâm-lý, chính-trị. Nguyên một ý-do thề-diện đã nặng cân rồi. Nếu phải

định lại hối-xuất chẳng hóa ra quyết-định phá giá đồng bạc là một sự sai lầm hay sao? Một đại cường quốc không thể sai lầm cũng như không thể thua trận được. Mặc dầu nâng cao giá bạc cũng như tăng viện-trợ là làm cho đời sống người dân miền Nam dễ thở hơn, là tranh-thủ nhân-tâm mạnh mẽ như có cặp đũa thần.

Tăng thêm lương là một giải-pháp mà chính người được hưởng cũng không thích, nếu không nói là sợ hãi nữa. Vì mức độ tăng lương không khi nào đuổi kịp mức tăng của vật-giá. Và tăng lương rồi, thì vật - giá lại tự-động tăng cao hơn nữa.

Không tăng hối - xuất, không tăng lương, vậy còn giải-pháp nào nữa?

Giải-pháp thứ nhất là một giải-pháp vương-đạo: xóa bỏ trung-gian. Mua tận gốc, bán tận ngọn. Tức là Tổng-cuộc Tiếp-tế, là các ban tiếp-liệu, là Quân tiếp-vụ.

Giải-pháp này không có gì là mới-mẻ cả. Quân tiếp-vụ thời xưa như trái-đất. Và Tổng-cuộc tiếp-tế cũng đã ra đời trên hai năm nay. Hồi xưa, khi nhà cầm-quyền ý-thức được sự tiến-bộ của nhân-dân Đài-Loan, nhiều phái-đoàn đã được cử sang Đài-Bắc để nghiên-cứu tổ-chức đời sống công-cộng cách nào khiến cho công-chức chỉ lãnh-lương cỡ hai ba ngàn đồng, kể cả Tổng-trưởng lẫn những viên-chức cao-cấp nhất, mà vẫn có thể nuôi nấng được gia-đình con cái, sinh sống đàng hoàng lương-thiện. Tất-nhiên tổ-chức quan-trọng nhất vẫn là cơ-quan tiếp-tế, cung cấp hiện-vật cho công-bộc với giá cả tương đối rẻ.

Tại Việt-nam, có lẽ vì tình-hình chiến-tranh khó khăn hơn, nên cả Tổng-cuộc tiếp-tế lẫn Quân-tiếp-vụ chỉ giải-quyết

được phần nào nhu-cầu của công-chức và quân-nhân.

Giải-pháp vương đạo không đối-phó nổi với tình hình thời người ta phải nghĩ đến giải-pháp bá-đạo, căn cứ trên hối-xuất chính thức và giá trị thực sự của đồng bạc. 80 đồng-bạc một Mỹ-kim. Rõ ràng lắm. Nhưng hàng hóa trị giá 80 đồng một Mỹ kim có được bán cho dân-chúng với giá 80 đồng không? Dĩ nhiên là không. Người tiêu - thụ, ngoài quan - thuế, phải trả thêm đủ thứ thuế-má khác, mà bản-chất chỉ là thuế hối-đoái tuy mang nhiều tên khác nhau như: phân xuất quân bình, đảm-phụ quốc-phòng vv... Một kí-lô heo đông lạnh, trên thị-trường quốc-tế chỉ đáng giá có 0,635 Mỹ-kim. Dân Việt-nam, thuộc loại được ưu-đãi như công-chức quân-nhân, mới được phép mua ở Tổng-cuộc tiếp-tế với giá 140 đồng một ký, kể luôn cả xương, mỡ, bì. Một chiếc xe hơi 404 giá 2000 Mỹ-kim, 160.000 theo giá chính-thức, người tiêu-thụ phải trả trên 1 triệu 400 ngàn đồng.

Như vậy có một hối-xuất chính-thức cộng thêm với một thứ thuế hối-đoái, bên ngoài giá-biêu quan-thuế áp-dụng bình-thường cho đại-đa-số các quốc-gia tự-do.

Biện-pháp bá-đạo không đụng chạm tới hối-xuất chính-thức, chỉ giảm bớt hoặc bỏ hẳn các sắc thuế hối-đoái khác, luôn cả quan-thuế đối với các hàng nhập-cảng để cung-cấp cho công-chức.

Nếu các đề nghị giảm thuế của các Ban tiếp liệu được ông Tổng-trưởng Kinh-tế gián-tiếp chấp thuận bằng cách đệ-trình lên Hội-đồng Chính-phủ, và được cơ-quan Hành-pháp, Lập-pháp chấp-thuận luôn, thì đời-sống của công-chức sẽ vô cùng sung-sướng, vì mãi-lực sẽ được tăng gấp hai, và đồng bạc trong bàn tay công-chức thực sự đã được tăng giá.

Người dân cũng hoan nghênh hết mình biện pháp nâng cao giá-trị đồng bạc trên đây. Không những chỉ có khối

đông-đảo một triệu gia-đình quân-nhân công-chức được mua hàng giá rẻ, mà toàn dân vùng an-ninh sẽ được hưởng lợi, vì gia-đình nào mà không có bà con bên nội ngoại, và hàng hóa mua riêng cho gia - đình công - chức có thềm lậu ra tới bà con hàn góm láng-giềng cũng là chuyện tự nhiên. Tuy nhiên, đối với một nền kinh-tế vừa chậm tiến, vừa phải chịu đựng chiến-tranh triền miên, chỉ trông vào ngoại-viện đề ứng - phó với nhu-cầu, từ tối-khẩn như lúa gạo đến xa - xỉ - phẩm như dầu thơm, áo Montagut, thì nhập-cảng giữ một vai trò hết sức quan-trọng. Nhập-cảng là vú sữa để nuôi mập Ngân-khố, quân-bình các sự chi-tiêu của Ngân-sách. Do đó, biện-pháp bỏ thuế má đánh vào hàng-hóa nhập - cảng cung-cấp cho công-chức quân-nhân, sẽ đem đến hậu-quả thứ nhất là nhà buôn không xin lít-xăng nữa — vì nhập-cảng hàng-hóa vào sẽ bán cho ai khi mà hàng tiếp - liệu sẽ thỏa-mãn nhu-cầu của hầu hết nhân-dân — và hậu-quả thứ hai là lỗ hồng ngân-sách sẽ không có cách nào trám lại được.

Bởi vậy tuy người dân hoan-nghênh hết sức thái-độ thông-cảm ưu-ái của ông Tổng-trưởng Kinh - tế, tuy người dân biết việc nâng cao giá-trị đồng bạc là một biện-pháp thâm phục nhân tâm kỳ-diệu hơn hết, nhưng thực tình người dân vẫn chưa dám tin chính - quyền có thể thực-hiện được một cuộc cải-cách về tiền-tệ, hối-đoái mạnh mẽ như vậy.

Muốn làm cuộc cách-mạng về tiền-tệ, trước hết phải có sự thông-cảm của nhân-dân, qua sự đại-diện của Quốc-hội Quốc-gia hiện đương viện-trợ nhiều nhất cho chúng ta. Nếu chính-phủ Mỹ ý-thức rõ ràng nhiệm-vụ chính-trị của hối-xuất bạc Việt - nam, trong bối-cảnh chiến-tranh chống Cộng-sản, nước Mỹ sẽ giúp chúng ta cải-thiện chế-độ tiền-tệ, và khi đó việc tăng giá đồng bạc mới không phải là một giấc mơ đối với đại đa - số nhân-dân Việt-nam.

● BUI - ĐĂNG

Xin xem BK. TĐ. từ số 274)

CÚI MẶT

6 | Thường thường một năm có ba dịp phóng thích, một vào dịp tết, một vào ngày sinh nhật bác Hồ, một vào ngày lễ Ly-sơn 15 tháng 9. Một đôi khi vì một lý do đặc biệt, tù nhân cũng được phóng thích vào ngày thành lập mặt trận 20 tháng 12. Như vậy Quang còn khoảng bốn tháng nữa để đợi lần ân xá sau. Với cơn bệnh tật âm ỉ trong người, với cơn đói kéo dài hàng ngày, Quang tự lượng mình không còn đủ sức kéo dài đời sống trong bốn tháng trường đằng đẳng.

Và vì thể thái độ đầu tiên của Quang sau ngày lễ là li-lợm. Định ninh là thế nào mình cũng chết, Quang hết biết sợ uy quyền. Quang cố gắng không để những điều buồn rầu đến ám ảnh tâm trí. Mà thật ra cũng chẳng còn gì đáng để suy nghĩ. Với cái thân thể ốm yếu, với cái sức khoẻ kiệt quệ này, làm sao Quang có thể gắng gượng đợi một lần may mắn khác? Tuyệt vọng rồi! Trước kia Quang mới chỉ tưởng tượng đến tử thần trong ý nghĩ, nhưng nay thì Quang thấy thật rồi. Tử thần bước đến Quang bằng những bước dần dà, chậm chạp nhưng Quang lại không đủ sức thoát nổi. Quang sẽ chết — điều đó thật hiển nhiên, bây giờ chỉ còn là vấn đề mau hay chậm. Trước kia mỗi lần nghĩ tới cái chết, nghĩ mình lọt tên khỏi danh sách những kẻ được hưởng lương khoan hồng, Quang tưởng tượng mình sẽ đau đớn lắm, đau đớn đến tột độ để có thể gào thét, kêu la. Điều làm Quang ngạc nhiên là khi sự việc xảy ra y hệt như ý Quang vẫn lo lắng, Quang lại có một thái độ thật bình tĩnh, thật thản nhiên. Quang chết? Điều đó chả có nghĩa gì; cái chết là mức cuối cùng của cuộc đời, chả phải bước qua, chỉ có sớm hay muộn. Nhưng nghĩ cho cùng thì các việc sớm hay muộn cũng chẳng có nghĩa gì nốt. Ngày mai, ngày mốt Quang chết hay một tuần một tháng nữa thì cũng vậy, có thay đổi được gì trong những ngày đó đâu. Cái chết thật nhẹ nhàng giản dị; giản dị như việc ông đoàn phó cầm cây bút gạch một nét ngang trên một cái tên nào đó trong cuốn danh sách trại viên như ông vẫn làm mỗi lần An lập xong tờ biên bản. Quang nhớ lại đời mình, thời niên thiếu, lúc lớn lên, khi lấy vợ, có con... dường như Quang chỉ gặp toàn những chuyện buồn não, khổ sở. Cuộc đời mà

Quang đã sống đầy dẫy nhưng lo lắng, thiếu thốn, chẳng mấy lúc được thanh thoi. Quang chẳng có lý do gì để lưu luyến cuộc đời ấy vì nếu có được trở về Quang cũng chẳng thay đổi được gì hơn ngoài việc tiếp tục những ngày nhàm chán, buồn tủi ấy. Chiến tranh còn tiếp diễn, còn kéo dài trên mảnh đất Việt này thì Quang chẳng bao giờ có hy vọng sống một cuộc sống thanh thoi, chẳng bao giờ đứng yên trên mảnh vườn, thửa ruộng của mình. Và vì những lý do đó, Quang坦然 nhiên đón nhận cái chết sắp đến. Mọi bận tâm duy nhất là những gì xảy ra sau cái chết. Nghĩ tới thân thể mình bị vùi dập trong khoảng rừng núi âm-u, hoang-vắng này, những người thân yêu không ai biết đến, không một mảnh gỗ để tên, Quang thấy sợ hãi. Quang không muốn là một người không quê cha, đất mẹ, không bà con, nguồn-gốc. Cái chết không làm Quang sợ, Quang có thể đón cái chết bất cứ lúc nào nếu có ai bảo đảm sẽ chôn xác Quang ở nơi Quang đã sinh ra, có cha mẹ, vợ con biết đến. Nhưng dầu sao thì cũng muộn quá rồi, Quang tự nghĩ phải tìm cách quên những điều đó đi, đau lòng quá.

Và như thế, Quang càng lì lợm hơn. Một lần đang ôm bó củi trên vai, cơn nhức mỏi lại hiện đến âm ỉ một bên người, Quang đặt bó củi xuống đất ngồi thở. Cái chết lại lớn vồn trong óc, Quang tự nhủ chẳng nào cũng chết, việc gì phải tự hành hạ mình. Tất cả mọi cố gắng đều trở nên vô ích, dầu có được khen thưởng, dầu có được thêm một lần làm cá nhân xuất sắc thì hậu quả vẫn giống hệt như nhau. Quang tự mắng mình ngu xuẩn và cúi xuống vất đi già nửa bó củi, chỉ để lại một vài cây lớn. Lúc trở về, Quang chần chờ đi chậm lại qua chỗ cơ quan làm việc hàng ngày. Quang muốn tỏ cho ông Ba Lớn hay ông Sáu Côn biết việc làm tắc trách của mình. Quang muốn nói với ông ta : » Đó ! tôi không làm đó. Tôi thiếu tinh thần. Các ông làm gì được tôi ? Cùng lắm ông cho tôi một phát súng, như vậy tôi càng cảm ơn, tôi đâu có thích sống khổ sở thế này ». Không có bóng một người nào trên cơ quan. Thế mới là điều đáng bực, Quang lưỡng lự đi về phía bếp. Ông đoàn phó đương đứng ở cửa, đầu chạm vào những ngọn lá tre xuống. Ông nhận ra ngay những cây củi lỏng chỏng trên vai Quang :

— Làm ăn gì vậy ? Anh kiếm củi đun bếp hay vót tăm xỉa răng ?

Quang cúi mặt không đáp, vẻ giận dữ trên mặt ông đoàn phó làm Quang thấy thật hả hê. Quang mỉm cười thầm nói : « còn nữa ! Còn bê bối gấp trăm lần thế này, hét nữa đi ! » Nhưng sau đó, lúc trở về phòng ngồi yên lặng một mình Quang lại thấy buồn buồn. Thế là thế nào ? làm vậy để làm gì ? Quang không trả lời được. Thật vô-lý ! thật con nít ! Quang quay ra tức bực với chính mình và giữ nguyên sự giận-dữ ấy cho tới lúc ăn cháo. Có lúc Quang tự hỏi : « Tại sao vậy ? Mình lần thần đến mức đó rồi sao ? » Có lẽ tại mình sắp chết, những người sắp chết thường hay lú-lẫn, đầu óc ngơ ngẩn đi. » Quang nhớ lại những ngày cuối cùng của ông Xu, trước khi chết ít ngày, ông Xu thường hay hoảng hốt, lúc quên lúc nhớ cái giận một cách bất ngờ. Quang cũng giống ông Xu, thế có nghĩa là Quang sắp chết ? Lạ nhỉ, Quang nghĩ — tại sao cái chết lại có thể êm đềm đến vậy. Quang nhiu mắt cố nghe ngóng xem trong người có gì khác lạ không, vui hay buồn ? sung sướng hay đau đớn ? Quang không thể nào phân tích được. Quang chẳng cảm thấy gì cả. Quang chỉ tỉnh táo để nhận

biết một điều: cái chết đang ở trong người Quang, nó lẳng lẳng len vào từng kẽ xương, thớ thịt và chỉ vài hôm nữa Quang sẽ chết. Hình như có cái gì đó đáng buồn cười khi nhận ra như thế. Quang cười, rũ người về phía trước. Nhiều người chung quanh ngẩng lên ngo ngác nhìn. Quang biết nhưng làm sao giải thích cho họ hiểu được, từ người ngu xuẩn đó! Quang tiếp tục cười nước mắt trào ra.

Buổi sáng hôm sau, lúc ăn xong phần cháo, Quang thấy người mệt mệt. Quang trở lại phòng nằm nghỉ. Quang thấy dễ chịu lúc nằm duỗi dài chân tay. Một cảm giác êm ả lan ra khắp người. Giờ làm việc Quang không muốn dậy, sự mệt mỏi làm thể xác lười biếng. Tại sao mình không nghỉ. Ý nghĩ đó chợt lóe lên trong đầu, Quang bắt đầu lý luận bằng một cách thức rất giản dị, Quang tự đặt ra những câu hỏi để tự trả lời:

— Có phải mình sắp chết không?

— Lẽ dĩ nhiên.

— Mình có mệt lắm không?

— Không mệt lắm.

— Nhưng có phải mình thích được nằm nghỉ không?

— Đúng.

— À vậy thì cứ nằm nghỉ đi.

— Có ai làm gì được mình không?

— Không cần! Chẳng nào mình cũng sắp chết rồi.

Quang khoái trá nằm yên trong chỗ. Một lát nữa, ông đoàn phó sẽ biết, ông sẽ la lối ầm ỹ khi nhận ra Quang vắng mặt hay nếu không thì bắt buộc An cũng phải báo cáo. Nhưng Quang đâu có cần gì, Quang cứ lờ đi như không nghe thấy gì là được, chẳng ai nói nhiều với kẻ vừa câm vừa điếc.

Ông đoàn phó lên thật, mặt ông nặng trĩu giận dữ. Ông chấp hai tay ra sau, chân hơi dang ra, ánh mắt hằn học. Quang chống tay ngồi dậy tạo vẻ thản nhiên. Ông đoàn phó bắt đầu hạch sách tại sao không đi làm. Quang đáp tại bệnh. Ông lờ đi như không biết lập lại câu hỏi với giọng lớn hơn. Quang đáp tại đói. Thế là ông gầm lên, ông nói Quang có tư tưởng phản-động, đã gián-tiếp kết án cơ-quan bỏ đói trại viên và hứa sẽ trình lên ông Sáu. Quang nín lặng, hơi run sợ, thấy mình quá lỗ. Ông đoàn phó tiếp tục la lối lớn hơn, ông nói những người như Quang cần được trừng-trị xứng đáng, một người mà lúc nằm trong tay cách-mạng đã đem lòng oán hờn thì khi được khoan-hồng chỉ có đi theo giặc, phản-bội lại dân-tộc. Quang mỗi lúc một mất bình tĩnh trước những lời kết án nặng nề, cho tới một lúc không còn tự-chủ được, Quang vùng lên như một con trùng bị xéo dưới chân:

— Thế còn ông, dễ thường ông chăm chỉ lắm, những lúc ông bệnh tật có ai bắt ông làm không? Ông nhớ coi, lần ông ho ra máu xiu đi, ông đã nghỉ bao nhiêu ngày? có ai nói ông không? có ai chửi bới ông không? Ông cầm cái miệng đi!

Quang gào đến khan cả cổ. Một cái tát giáng xuống, người Quang bật ra sau. An chạy vào với vài người nữa. An đứng chắn trước mặt ông đoàn phó, nói gì đó rồi choàng vai kéo ông đi. Quang ôm mặt khóc nức nở. Lúc mọi người đã đi hết, còn lại một mình trong phòng, Quang nín khóc nằm xuống nghỉ. Tại sao mình khổ thế này? Tại sao mình không chết đi cho rảnh nợ? Quang như mò mẫm đi dần vào một đêm dày, chỉ có mình Quang, cô đơn,

không ai hiểu, không ai thương Quang cả.

Quang đã tốn công chờ đợi những lời quở trách của cơ quan suốt buổi chiều rồi buổi sáng, Quang tự nghĩ dầu sự việc có xảy ra không may mắn thế nào đi nữa thì cũng trở nên vô giá trị vì cái hình phạt nặng nề nhất là cái chết mà cái chết thì Quang đã quen với nó rồi, không còn sợ nó nữa. Nhưng thật lòng mà nói thì quả tình Quang vẫn không thích phải gặp mặt lại ông Ba Lớn hay ông Sáu Côn Quang cũng không hiểu vì lý do nào Quang lại ngại, có lẽ do một thói quen. Một vài lần đang nằm nghe tiếng ho của ông đoàn phó, Quang nhồm dậy, tò mò theo dõi. Nhưng ông đoàn phó không lên cơ quan, ông sang dãy nhà kỹ luật, tiếng ho của ông xa dần. Xế trưa, mỗi một năm hoài một chỗ, Quang lò dò lần ra chỗ sau bếp hóng nắng. Tiếng lá rơi, tiếng suối chảy và cảnh vắng lặng của cả một khu rừng trước mặt làm Quang sáng khoái. Quang nhìn những tảng đá lưng voi nằm chồng chất lên nhau ở phía xa, những thân cây cao vút, im lìm với lớp vỏ mốc trắng như có ai trát lên từng đùm bột, những khoảng nắng lóa trên ngọn cây.... Tất cả như chứa một sức sống âm thầm ngạo nghễ và bền bỉ. Quang yêu sự sống đó, chính sự sống đó mới bắt diệt, lâu dài, loài cây kia đã sống một đời đáng sống hơn Quang. Lòng buồn buồn, Quang tưởng tượng thấy mình leo khỏi hàng rào đi lang thang trong rừng từ ngày này qua ngày nọ lặng lẽ, cô đơn. Quang sẽ đi mãi như thế không mục đích, không phương hướng cho tới một ngày nhập vào cây, vào đá, vào vẻ hoang vu của núi rừng. Có tiếng nói chuyện trong nhà bếp, Quang chú ý và nhận ra tiếng ông đoàn phó:

— Nói vậy chớ tôi trình nó làm gì. Coi bộ điệu nó muốn về châu ông bà rồi, chẳng mấy ngày nữa đâu !

— Phải mất nó lạc đi rồi.

Giọng An uể oải. Im lặng rồi lại tiếng ông đoàn phó :

— À này, hình như nó còn bộ bà ba mới lắm, màu xanh thì phải.

Quang nghiêng người lắng nghe nhưng An đã nói sang chuyện mấy người đi sản xuất. Quang thở dài lững thững bước lần ra suối. Quang muốn soi bóng mình dưới nước xem sự biến đổi của bộ mặt mình ra sao. Nước suối chảy mạnh, Quang tìm mãi mới thấy một vũng nước đọng gần bờ, sau lưng một tảng đá. Vũng nước khuất nắng hơi tối, Quang nhận ra bộ mặt mình lơ mờ với hai gò má nhô cao, cái trán phẳng, những sợi tóc trở rahai bên thái - dương. Lời nói của An như còn phẳng phất, Quang cúi xuống thấp hơn tìm đôi mắt mình. Vẫn không thấy gì ngoài hai lỗ tối, sâu xuống hai bên sống mũi. Quang chống tay lên mặt đất, quỳ trên hai đầu gối, đu người là là theo mặt nước, quay đầu bên nọ rồi bên kia, Quang vẫn chỉ nhận được những nếp nhăn trên trán và chút đường viền đuôi mắt. «An nói đúng, mắt mình hết ánh sáng rồi» Quang thì thầm. Cái chết lại hiện đến. Trong một thoáng giây» Quang có cảm tưởng tử thần sắp sửa xuống tay, sắp sửa lôi Quang đi ngay cái lúc Quang chưa kịp những đầu khỏi mặt nước. Quang hốt hoảng đứng dậy. Dòng nước chảy trước mặt, bụi cây rậm sau lưng, những mô đá đen lừng lững chung quanh, tất cả như nuốt Quang vào trong sự vắng vẻ đến hãi hùng. Quang bỏ chạy, cả một rừng cây lạnh lùng, ma quái như đuổi ở sau lưng. Lúc bước qua cái hàng rào,

nhìn lại cảnh vật quen thuộc. Quang mới hoàn hồn, đi thẳng về phòng, tức giận về cơn sợ vừa qua. Quang nghĩ tới đôi mắt mình, đôi mắt không còn chấm sáng và ngạc nhiên như vừa khám-phá ra cái chết ngay trên khuôn mặt. « Nó còn bộ bà ba xanh thì phải » lời nói ông đoàn phó vang lên chua chát. Quang chưa chết, Quang còn sống nằm đây mà đã có kẻ nghĩ tới việc lấy bộ đồ bà ba. Thật đê tiện! thật hèn hạ! Cơn giận bốc lên ngùn ngụt, Quang mở túi lấy bộ quần áo cầm trong tay nghiêng răng dọt mạnh, nhưng sức yếu quá, hai tay rời cả người rung lên mà áo vẫn không rách. Quang bực bội nhờ nước miếng phì phì lên lớp vải rồi vất xuống bên cạnh. Tại sao lại có người ngu đến thế? Họ có biết đâu là họ cũng sẽ chết mà trước cái chết thì chẳng còn gì đáng quý nữa.

Một lát sau, cơn giận dịu đi, Quang nghĩ nên dành bộ quần áo cho người nào rách rưới. Rồi như tự mãn với lòng tốt bụng mình, Quang tự hỏi tại sao một người như ông đoàn phó không chết phứt đi, trong khi đó đáng ra Quang có lý để sống hơn lại phải chịu một cái chết khốn khổ? Suốt đời Quang có làm gì ai đâu, Quang không ăn trộm, không cướp của, giết người, Quang chỉ muốn sống một cuộc đời tầm thường, yên ổn. Quang chỉ muốn cày thửa ruộng Quang có, ở mái nhà của ông cha để lại và tối tối nằm ngủ với con. Ai đã đẩy Quang vào sự khổ sở này? Số phận hay những người đồng loại? Quang không trả lời được chỉ biết mình sẽ chết một cách vô lý trong nỗi khó hiểu không bao giờ giải được.

Một rồi hai tuần lễ nữa trôi đi, sức khỏe mỗi lúc một suy nhược, cánh tay

và bả vai nhừ nhối đến độ Quang tưởng tượng có thể tháo rời ra vất đi chắc khoan khoái hơn. Một buổi trưa thức dậy, thấy cả một bên quần ướt và khai nồng, Quang tự hỏi tại sao có thể ngủ mơ tiêu ra quần mà không biết. Quang so sánh mình với đứa trẻ con. Có lẽ cái sức khỏe Quang bây giờ không hơn gì một đứa bé hai, ba tuổi. Điều đó làm Quang đau đớn. Quang ngồi dậy thay quần áo rồi lăn mò ra suối giặt. Lúc đứng lên người lắc lư như một cây tre bị gió thổi, hai bàn chân muốn quy xuống Quang phải dựa vào một thân cây cột. Một lát sau, thấy đỡ mệt Quang lại gượng bước đi. Đến gần bếp ^Chân run lay bầy, Quang phải ngồi xuống nghỉ lấy sức. Gió và cảnh khoáng [!]đãng ở ngoài làm Quang khoẻ khoắn lên. Hai cô cấp dưỡng vừa đi vừa nói chuyện, bóng họ khuất sau hàng rào, Quang nghe thấy tiếng cười trong trẻo của họ reo lên bên suối. Tại sao họ sung sướng thế nhỉ? Quang tự hỏi và thấy thù ghét cái sức sống của họ đang tràn ra ngoài. Tại sao mình lại chết? Câu hỏi đó thêm một lần nữa được nhắc lại để không có câu trả lời. Quang như bị xô vào một cái hố tối tăm, ôm nỗi bất công của tạo hóa. Mấy cô cấp dưỡng đã trở lại với những rá gạo trên tay. Trên bước đi của họ, những giọt nước nhỏ xuống thành hình những ngôi sao nhiều cánh. Quang nghĩ đến Nhi, khao khát được có Nhi bên cạnh. Nhi sẽ nhìn Quang với đôi mắt triu mến, xót thương khác hẳn với vẻ lãnh đạm của mấy cô cấp dưỡng vừa rồi. Và Quang nữa, Quang sẽ gục đầu vào lòng Nhi thồn thức. Tình nghĩa vợ chồng, Nhi sẽ vuốt ve an ủi Quang như một người mẹ âu yếm đứa con. Cả một thời kỳ ái ân đầm thắm diễn lại trong trí,

Quang nắm tay tự bảo : « Minh phải về ! minh không thể chết vui chết dập thế này. Vô lý ! » Máu nóng chạy dồn lên mặt Quang lão đảo bước ra suối. Quang ngồi trên mỏm đá nhúng cái quần xuống nước. Nước cuốn cái ống quần trôi đi. Quang níu lại và chính lúc đó Quang nhận ra sự yếu ớt của mình. Quang tự nhủ : « minh kiệt sức rồi, làm sao về được nữa, thôi thả chết đi ! » Quang mong cho tử thần đến rước mình ngay lúc đó. Lan man Quang nghĩ đến việc tẩu thoát. Quang sẽ đi dọc con suối này đợi những người canh vệ đuổi theo. Họ sẽ bắn khi nhìn thấy Quang. Quang quy xuống, cái chết êm thấm biết bao. Quang thả bước lần theo dòng nước chảy, ngo ngác như mất hồn. Quang sắp chết ? Có thể lắm, Quang làm bầm gọi tên từng người trong nhà già biết. Quang xin lỗi cả ông Xu, cả Thảo đã không làm tròn được lời trời trăng. Dòng suối mỗi lúc một rộng. Quang đứng lại, đứng tựa người vào một tảng đá sỏi nặng. Khoảng đất dưới chân như được lát bằng một lớp đá cuội nhiều màu, nhẵn bóng. Bên kia bờ một nhánh cây đâm ngang, nhưng cả lớp lá xuống mặt nước. Quang nhìn ngược lên đầu dòng, nước chảy mạnh cuốn theo những chiếc lá khô, mỗi lần gặp một mỏm đá ngầm dưới đáy, bọt huộc lại ngàu lên trắng xóa. Nhìn thoáng qua, dòng suối như một con đường dài, trên mặt có hàng trăm ngàn mớ bông đang bị gió thổi bay đi. Đầu con đường đó bóng những người canh vệ sẽ hiện ra, súng trong tay, và Quang đứng ở một đầu chờ đợi. Quang lại nghĩ đến gia đình và tưởng như nếu mình là một người tử cố vô thân thì cái chết bây giờ sẽ thanh thản biết bao. Quang sẽ đón nó như từ lâu chờ một lần giải thoát.

Nặng nhật dần, Quang tha-thần trở về. Ông đoán phó nhìn Quang im lặng ở cửa bếp, mấy người canh vệ gục đầu xuống bàn cờ ở giữa sân. Cái ý định khủng khiếp vừa rồi của Quang không gây một chút xáo trộn nào trong nếp sống sinh hoạt bình thường của trại. Quang có cảm tưởng mình bị bỏ rơi, buồn rầu trở về chỗ nằm. Tại sao mình ốm thế này ? Quang tự hỏi khi bắt gặp cánh tay của mình lúc vớt cái quần lên thành gỗ. Quang nhớ lại thời kỳ khỏe mạnh. Cái thời kỳ sung sướng biết bao, một cái nhún chân đã vọt khỏi con mương trước mặt, vài lần sai tay đã bơi quá nửa con sông... mọi việc đều trở nên dễ dàng... Còn bây giờ, cái sức khỏe ấy đã mòn mỏi đi như một vốc cát lọt dần khỏi kẽ ngón tay. Đời sống cũng theo đó mà thoát đi, từ từ nhưng không níu lại được.

Cùng với sức khỏe ấy, Quang hồi tưởng lại thời thơ ấu và buồn rầu như đã đánh mất đi một cái gì thiết quý. Buồng chuối chín trên cây, trái ổi thơm cắn trong miệng, trái quít ngọt cuối mùa như đều đậm đà lên trong trí nhớ. Cho đến thừa vườn cỏ mọc lan trên tường, những bông bí vàng leo trên bờ đậu như cùng dự một phần lớn vào những ngày trong sáng thuở xưa. Quang hình dung lại bà mẹ và ân hận không nhớ rõ khuôn mặt mẹ mình, cái nốt ruồi đen bên mắt phải hay mắt trái ? Cái mụn cơm ở trên hay dưới vành tai ? Rồi vợ con, thằng Hồ những ngày bị bỏ tập nói, con Ngọc với đôi mắt đen vừa bú vừa đập tay lên ngực mẹ và Nhi đâu đó mắt ánh lên những nét vui cười. Cảnh gia đình đầm ấm quá làm Quang chua xót thêm khi nghĩ đã có lần giận mẹ vì vài trái trứng gà, la lối vợ vì một vài chục bạc. Quang ao

trột một phép lạ nào cho Quang sống lại một vài ngày để tỏ lòng ăn năn với mẹ, yêu thương vợ và quý mến con hơn.

Đôi lúc Quang tự nhủ không nên nghĩ tới gia đình nữa, đau lòng quá. Nhưng những buổi sáng vắng lặng, buổi chiều lúc thức dậy sau giấc ngủ trưa nặng nề. Quang thấy mình thật lẻ loi và nhớ đến người ở xa vẫn là một cách duy nhất để giải thoát cho mình khỏi cảnh cô đơn. Thực tại thì bao giờ cũng tàn nhẫn, phũ phàng, nó là một vũng lầy mà Quang bị xô vào. Ở đó Quang dẫy dụa, kêu la. Quang không hiểu tại sao mình bị xô vào đó cũng như không hiểu tại sao mình lại chết. Cái chết mà Quang phải nhận thật ra có đáng không? Những lúc thật tuyệt vọng, Quang tìm tới Chúa. Mới đầu Quang cảm thấy như được an ủi và khích lệ. Nhưng càng ngày càng bị xô vào nơi vô vọng, cho tới lúc chắc chắn không còn gì cứu vãn được, Quang lơ mơ thấy những lần Quang chấp tay cầu nguyện chỉ là những lúc Quang đánh lừa mình khỏi cảnh tối tăm, phiền não mà mình đương chịu.

Cũng như bây giờ, đúng cái lúc Quang kêu lên: «Chúa ơi!» thì đồng thời Quang cũng cảm thấy cái vai bắt đầu mỏi và còn biết rõ nó sẽ tăng dần để trở thành nhức-nhối. Quang kê cái mền lên vai sửa soạn đương đầu với sự hành hạ của cơn bệnh. Quang nhân mặt, nghiêng rặng để sau cùng không chịu được Quang bắt đầu rên rỉ. Cái vai buốt dần nhức nhối mãnh liệt như có ai cầm một cái khoen xoay vào ống tủy. Quang lộn người đi nhiều vòng, kêu lớn theo một phản ứng tự nhiên: «Tại sao mình đau đớn thế này? Chúa ơi, sao Chúa nỡ bỏ con?... Con đã làm gì nên tội?...»

Nhưng lưỡi như riu lại, những âm thanh quăn chặt vào nhau, Quang kêu bằng nhiều thứ tiếng «a... a... ê... ê» Mồ hôi ở trán vã ra.

Bây giờ là buổi chiều. Vết nắng ở góc cây sau trại đã leo dần lên thân soi rõ lớp vỏ xù-xì. Cỏ tiếng nôi nôi lịch kịch trong bếp rồi từ những khe lá hồ ở đầu hồi, vương vấn có những làn khói xám bốc ra, uốn éo rồi tan đi trong không khí. Thỉnh thoảng có tiếng lá khô bị gió thổi bay lạt sạt trên mặt đất. Quang tỉnh dậy ở chỗ nằm, đầu óc vằng vất. Gian phòng vắng hoe, ở đâu đó xa xa, tiếng một hòn đá lăn đi nặng nề. Cái gì đã xảy đến cho mình? Quang nghĩ vậy và nhớ lại hai ngày qua.

Mới đầu là cơn sốt vào buổi sáng rồi cơn nhức mỏi vào buổi chiều. Quang rên la cho tới lúc cơn sốt trở lại vào nửa đêm. Từ lúc đó cơn sốt nằm lì lại để đợi cơn nhức mỏi và cứ như thế liên miên. Quang rên la dữ dội vào những cơn nhức mỏi để sau đó ngủ li bì trong cơn sốt. Hình như có một hai lần gì đó. Quang tỉnh dậy há miệng nuốt những xi cháo An đứt cho. Rồi sao nữa? Quang cố nghĩ nhưng không nhớ ra. Một cơn gió mát thoáng qua nhẹ như một tiếng thở dài, Quang nghe rõ tiếng lá khô reo lên trong rừng, Quang hít một hơi dài, thấy người thư thái. «Minh hết bệnh rồi!» Quang nghĩ vậy đưa mắt nhìn những mối dây cột trên mái nhà.

An và Tân bước vào, những bước chân rưng rưng trên mặt sập.

— Anh Hai à! mình có thể nuôi cá ở mấy cái mương nước. Thằng Tân lái nhãi nói phía sau.

An đột nhiên la lên khi nhìn thấy Quang :

— Tỉnh rồi sao ?

An quỳ xuống đặt một tay lên trán Quang. Thăng Tân cầm con châu chấu bằng lá nón đang thất dờ lại ngồi xuống một bên.

— Đỡ quá ! tôi cứ ngỡ chiều nay về đi chôn tía rồi.

Quang mỉm cười. An ngồi xuống kê lại bao quần áo trên đầu. Thăng Tân nói ; nhìn vào mặt Quang :

— Anh Quang này, tôi tính nuôi thêm một ít cá tra hay cá lóc.

Quang đưa mắt dò hỏi. An xòe tay vuốt vuốt những sợi tóc rụng trên đầu thả rơi xuống sạp.

— Chuyện cái trại mình đó, anh Hai kể lại đi rồi tụi mình còn tính lại.

— Nói hoài, sống thêm vài trăm năm nữa mà làm trại.

An nói, nhưng như chợt nhận ra đôi mắt Quang, An dịu giọng :

— Thôi được, tao kể lại lần này thôi. An ngừng lại một chút rồi nói tiếp giọng chán nản. Thoạt đầu mình kiếm một khoảng đất hoang dựng nhà trên đó. Mình xây một cái giếng, làm một cái vườn. Trong vườn mình trồng cây ăn trái. Còn một bên mình nuôi

gà. Khoảng năm sáu tháng là gà bắt đầu đẻ, mình cho ấp khoảng hai trăm con, trứng còn lại mình vừa ăn vừa bán. Nếu tụi gà nó không mắc toi, mắc dịch một năm mình có cỡ hai ngàn con. Mình nuôi chim bồ câu cho nó bay khắp nhà. Bồ câu cũng mau đẻ, mình có thể nuôi cỡ hai chục cặp là một năm sau nó bay rợp vườn...

Giọng An mỗi lúc một say sưa :
Mình sẽ bán gà, bán chim mua một hay hai cái máy cày tay là có thể làm vườn được rồi. Vườn mình trồng cam, mãng cầu, bưởi, mít... đủ thứ hết. Mình cũng để một khoảng đất trồng rau, trồng hành, trồng...

— Trồng cà nữa — Quang há miệng nói nhưng không ra tiếng. An tiếp tục kể những dự định khác. Trong lúc An đang nói thì Thăng Tân chợt la lên : « Sao vậy ? lạnh ngắt rồi. » Nó vắt con châu chấu xuống mặt sạp. An xoay người đặt một tay lên ngực Quang, mặt hếch sang một bên nghiêng nghiêng. Một chút sau An ngồi ngay ngắn vuốt nhẹ lên mặt Quang.

— Đề tôi đi nói ông đoàn phó nghe ! Thăng Tân nói.

An im lặng gật đầu, dơ tay kéo cái mền lên tận cổ Quang.

HẾT

BUI ĐĂNG

THƯ-LÂM ẤN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào :

Trương-mục Bưu-điện số 2.701 Thư-Lâm ấn thư-quán.

MỘT LẦN CHIẾN BẠI

Chậu cúc giữa bàn ủ rử, chín cái bông thật lớn thật vàng, nhưng nếu ngắm kỹ thì cây lá đều mang bộ dạng không tươi tắn, có vẻ buồn.

Khang bưng ly nước uống một hớp nhỏ, xong để rất nhẹ xuống khay. Màu trà xanh lơ, xao động nhẹ làm lớp nước mỏng trên mặt lợn cợn tim. Khang dựa lưng ra thành ghế, hết ngắm chăm chú chậu cúc đến ngắm ly trà, tưởng muốn tìm trong hai thứ ấy ra điều gì bí ẩn. Tên trước mặt thì không chịu yên, hẳn xoay trở luôn, đôi thế ngồi đủ chiều đủ cách, tay chân rục rịch bồn chồn. Rồi hẳn lại khơi chuyện hình như ngại không dám đề cái miệng nghĩ hơi :

— Chính phủ mình mấy năm gần đây làm được quá hả anh ? Chính sách nào đề ra cũng hợp thời, thành công mỹ mãn. Xây dựng nông thôn chẳng hạn, anh Khang nhỉ ?

Khang khoanh tay, hơi ngửa cổ lên thành ghế, cho cặp mắt khép lại lim dim, đầu gục gặc mấy cái. Hẳn chồm ra sau với lấy bao thuốc trên mặt tủ sách, rút một điếu gắn lên môi, một điếu đưa ra mời. Mọi động tác đều làm thật nhanh, thật gọn.

— Anh hút thuốc. Thuốc ngon, nhẹ lắm.

— Tôi không hút, cảm ơn — Khang uể oải. Sao hẳn lại bám theo quấy rầy

mình. Hẳn là cái chó mẹ gì trong nhà này. Nỗi ghét bực dâng lên trong bụng. Khang nghĩ nếu là con nít mình sẽ trỗi lên xô hẳn ra cửa, chửi, tiên sư nhà anh toang toác cái mồm đủ chuyện đủ trò, tôi có quen bản mặt anh khi nào đâu, mà Khang này Khang nọ hoài vậy. Hẳn điềm nhiên bỏ điếu thuốc vô bao, tiếp tục :

— Thật chứ, mấy năm nay không có chương trình ấy thì bọn nó ủa vào nằm cả trong ấp trong làng rồi, không chừng còn sinh con đẻ cháu đầy ra nữa !

Hẳn bỗng cười khặc khặc tán dương câu nói của chính hẳn. Và chột như la lên :

— A quên, quên nói anh biết tôi làm trong Xây dựng nông thôn tỉnh, tỉnh đoàn xây dựng nông thôn.

Khang ngáp dài. Không hiểu Duyên đi đâu. Bác trai sao lâu về quá. Ý nghĩ bật ra thành lời, Khang hỏi :

— Bác trai lâu về hí ?

— A, chừng năm giờ ồng mới về. Phải, năm giờ.

Ngừng độ một phút, xong giọng hẳn trầm xuống, êm dịu :

— Làm sướng quá, nhàn quá, nhưng chắc không bền đâu anh. Thế nào rồi cũng phải đi, phải đi lính trong một ngày sắp tới đây, buồn...

Hắn ngẫm nghĩ, có lẽ chọn lời nói :

— Nhưng buồn làm gì, trai thời chinh chiến phải như vậy, ra đi... mình không sợ, nhưng mà ghét, con những ông lớn...

Trời đất, hắn lại bắt qua một đề tài khác ! Khang ngồi thẳng người dậy, nhìn hắn nói. Cái mặt trắng trợt, mặt bánh đúc. Hai môi mỏng dính, thứ môi đàn bà theo thọt, thóc mách, ấn hàng. Tên này ở đâu hiện ra vậy. Trước có khi nào Khang gặp hắn ở đây đâu. Hay là anh em họ của Duyên, con của những ông cậu bà dì nhà phía sau nhà Duyên đây.

— Duyên giờ này chưa về, Duyên đi làm ?

Hắn lắc đầu ;

— Nó đi chợ, nay đi lâu thiệt.

Tấm lịch treo tường mới nguyên, màu tươi chói, cô ca sĩ cười toe thấy đủ hai hàm răng.

— Lịch mua sáng hôm qua đấy. Tôi chọn mấy chục phút mới được tấm vừa ý.

Khang miễn cưỡng góp chuyện :

— Anh mới về hôm qua.

— Dạ không, sáng nay chớ. Nghỉ trước ba ngày đã là khá, tinh thần lắm được tin cậy lắm mới có như vậy.

Hắn nheo tít một mắt, đưa hai bàn tay ra, xòe chín ngón :

— Chín ngày, Tết này nhứt nghe. Nghỉ chín ngày thoả mãn quá rồi, không mong gì hơn... Lẽ ra mồng năm phải vào, nhưng xếp bảo cho mồng sáu, thông cảm, mồng năm mười bốn xấu. Anh được nhiều ngày chớ, ở lại đây ăn Tết với chúng tôi ?

Thấy nên chớ hắn vui một chút, Khang cười :

— Hai ngày thôi, chiều mai phải vô ngay, phép đặc biệt.

Hắn nhăn mặt, như đau như buồn :

— Khổ quá, lính tráng các anh, quanh năm suốt tháng ! Anh có ghé ngang phố chút nào không. Từ hăm lăm tới nay tung bùng rục rờ, đã có về Tết nhứt rồi.

Một con bé từ nhà sau lên thập thò nơi cửa hông, hắn quay lại hỏi con bé bằng mắt. Con bé nghiêm trang :

— Cậu hai kêu.

Hắn đứng dậy, thật lẹ, như có cuộn lò xo mạnh từ mặt ghế đẩy bật hắn lên.

— Cậu hai kêu, chắc cần lắm. Anh ngồi chơi !

Đoạn hắn đi ngay, quày quả, bộ điệu quan trọng.

Cậu hai, cậu Duyên. Ông chủ của tòa nhà thên thang nằm ngay sau nhà Duyên. Nghe nói trước kia ông làm quan lớn, tài sản bây giờ là của thời đó để lại, cỡ nhưng thật đồ sộ. Duyên còn có đến mấy bà dì và một ông cậu khác, nhưng tầm thường, nghèo, không quan trọng mấy. Chính ý kiến của ông cậu quan lớn ấy đã ảnh hưởng rất nhiều trong mỗi tình hai đứa. Ông quả quyết nhiều lượt rằng không thể tác hợp cháu ông với Khang. Theo sách thì tuổi hai đứa rất xung khắc nhau. Cha Duyên thương Khang nhưng ông không dám cưỡng lời anh, người anh mà uy tín bao trùm trong họ.

Tình yêu kéo dài không định, chẳng hiểu rồi sẽ tiến đến đâu. Hàng năm mới có dịp gặp nhau đôi ngày. Tình trong thư thấy mỗi lúc thêm buồn. Dây dưa mãi gây nản lòng nhứt chí.

Hơn hai tháng qua không được thư Duyên. Trước đó những cánh thư bỗng nhiên dài hẳn ra, và lời thì triu mến âu

yếm khác lạ. Khang cảm thấy có điều gì ẩn dấu bên trong. Sao Duyên chẳng nói rõ, mà viết xa gần quanh co, rồi thôi, dứt không bao trước.

Bao tháng ngày gian truân, bao mồ hôi sức lực đổ ra, bây giờ chỉ còn lại đây, trên ngực này: dây huy chương rặng rờ vô tri, nói lên mức giá trị không đo lường được là cao hay thấp. Và còn một thân anh đen sạm, khuôn mặt đôi tay chai lì. Bao nhiêu đó, chỉ có chừng ấy thôi nên chi bên bà con em không ưng anh là phải. Khang cúi gỡ tấm huy chương cất vào túi, trước giờ không mang nó cũng chẳng hại gì... Hình như năm ngoái, Khang nhớ, Duyên có viết với giọng nửa thật nửa đùa là khi nào về phép anh đem về cho em một món gì lạ, trong vùng anh hành quân, để em giữ làm kỷ niệm. Khang nghĩ bụng sẽ tặng Duyên mấy cái huy chương kiếm được, chỉ có vậy thôi, chứ còn biết tìm thứ gì đặc biệt. Mấy năm gần đây nhờ trời đơn vị anh, tuy không hẳn đã bách chiến bách thắng, nhưng chưa phải niềm vui chiến bại. Riêng anh thì, trời dung tha, súng địch chê anh, anh vẫn còn sống mạnh. Trong cuộc giao tranh không ai nói được là mình sẽ vượt tai ương, hay mình giỏi không thể nào nằm xuống. Sự sống còn, nếu kéo dài, hẳn là do phần số may vẫn còn theo chân nâng mình đứng vững. Bảng huy chương nổi dài ra chứng tỏ sự hên lớn ấy của anh. Đem tặng em, coi như mình chia nhau món quà may mắn cùng chút hãnh diện.

Duyên về, kéo giày lẹp xẹp ngoài cửa.

Khang vờ ngoái nhìn tấm lịch. Duyên vào, chắc là khựng lại một chút nơi cửa:

— Anh.

Rất chậm Khang quay lại. Duyên hơi

xanh hơn hồi tháng bảy trước, đôi mắt lại to. Khác lắm. Khang tạo một cái cười vừa phải, không bộc lộ trọn rõ sự vui trong lòng. Duyên cất giỏ nón, thay áo ngoài. Khi đem áo treo lên móc Duyên làm mấy chiếc áo trong tụt ra rớt xuống. Duyên cúi lượm, lúng túng. Tay nàng run, hình như vậy, chắc Duyên quá xúc động, hay mừng.

— Anh mới về?

Khang cười:

— Hồi ba giờ. Về ăn Tết!

Không hiểu sao Khang cười, trong lúc muốn tỏ bộ lạnh, thản nhiên. Duyên cúi gằm, tay vo vo chỗ đũng chột vạt áo trái. Làm như mấy lần mới quen nhau ngày trước. Thấy im lặng Khang đâm ra ngượng, đổi cách ngồi, và lại ngược nhìn trần nhà. Hình như Duyên ngừng nhìn trộm Khang, nhìn thoáng rất nhanh. Khang mân mê túi áo, để huy chương nằm bên trong còm cộm.

Lâu nay anh vẫn có ý tưởng, là mình khổ thế này nhưng vẫn còn hơn rất nhiều người. Còn hàng lớp những kẻ bần cùng bởi tai biến, này khác, còn hàng khối cuộc đời tăm tối. Trong trận đánh mới đây, trên dưới tháng nay, anh thấy thêm được vài hình ảnh. Hôm ấy mục tiêu đơn vị anh sẽ phải thanh toán là một ngôi làng. Tiến vào cận tuyến địch thì được lệnh dừng. Anh nằm mẹp vào bờ ruộng lúa, ngửa mặt, dòm chiếc bà-già lượn vòng trên cao đang phóng thanh, kêu dân chúng ra khỏi vùng giặc. Nắng giữa trưa gắt chiếu ran da mặt. Đồng lúa chín trông thật đều. Trời không gió. Lâu quá vẫn không thấy ai ra, Lũ địch hẳn là cố giữ dân, chúng ác tâm. Tới quá giờ hạn định, mấy quả cối mở màn rớt nhẹ vào, dọa. Tức thì ngay sau đó người ta đùm đề nhau

chạy, tóa ra khắp các ngõ. Mặc mọi hiểm nguy, mặc đạn tên vèo qua tai, người lớn trẻ con lếch thếch dắt dìu nhau như đàn vịt lạc. Có mấy tiếng súng trong tận xa tót tót.

Ai cũng biết vừa có vài kẻ tay không ngã quỵ sau mấy loạt tót tót ấy. Rồi súng thi nhau nổ, đến tiếng la ó, rồi có người khiêng, rất nhiều người bị khiêng. Máy bay nhào tới sáng loáng, trút xuống cây mưa bom. Người ta chạy mặt mũi tái xám, mắt hơ hãi đại màu. Chiếc phản lực khác xốc đến, mấy trái bom lao ra ngoài, lộn vòng lộn vòng. Và, bụi khói tung cao, lùm tre lớn banh nát, phụt cháy. Khói đen, lửa đỏ. Cảnh xảy ra thật mạnh, thật đẹp. Anh vẫn hay tự chửi mình có hai mắt cùng một ý nghĩ tàn nhẫn, tội lỗi. Như thế mà đẹp sao. Nhưng vẫn không thể không cho rằng xấu được.... Đồng đội anh ai gục thì được yên, kẻ còn thì vẫn hò, vẫn lên. Nhìn anh em đồng bạn vừa ngã xuống anh thương xót, nhưng nỗi thương xót ấy hình như vẫn không nặng đậm bằng lúc nhìn những gương mặt hốt hãi thất thần và dáng bơ phờ của những người khốn khó vừa bỏ nhà cửa chạy đi. Ngôi làng trù-phú yên lành bỗng chốc thành biển khói, đen sẫm. Anh bặm môi bấu chặt thêm thân súng. Bụng thì đói như cào, miệng khô đắng rát.

Vậy nên anh có rất ít đòi hỏi, và không có lấy một tí ước-vọng cao xa. Trong quãng đời nắng lửa của mình miễn thỉnh thoảng được sống những giây phút này, những giây phút thanh thoi, bên nhau. Những thời gian buông thả, dù ngắn mà no đầy.

Duyên vẫn đứng đó, gần như đứng yên không động. Khang bực mình, khơi mào :

— Gần đây không thấy thư nào, sao thế ?

Duyên dạ, lúng túng trong miệng. Sau đó thì lại im, khá lâu, cho đến lúc bác xã về.

Như Duyên, vào nhà vừa thấy Khang bác xã cũng khựng lại một chút. Xong bác cười chào, đưa tay ra :

— Khang. Con mới ra ?

— Dạ.

Duyên xách bình nước xuống nhà sau, Bác xã móc nón lên tường, xong ngồi ngay vào ghế. Ông nhồi thuốc vào điếu, vắn vê một lúc, rồi ho khẽ vài tiếng trước khi nói :

— Cháu được nghỉ Tết ?

Khang dạ. Ông bật lửa toan mời, nhưng chợt nghĩ sao ông lại dập tắt, đặt ống điếu xuống bàn.

— Hôm đám em bác chờ mãi, chẳng thấy con ra.

Không hiểu gì nhưng Khang cũng khẽ gật đầu, gật bừa.

— Bác có bảo em nó viết thư mời con. Dù sao...

Ông ngừng, đắn đo :

— Bác thương con. Nhưng duyên phận lại an bài theo chiều khác. Bên ngoài con Duyên nhất định rồi. Chồng nó bây giờ kém con, bác thấy kém xa.

Khang kinh ngạc, mở lớn mắt nhìn ông xã.

— Thằng này nó được các cậu các dì con Duyên đồng ý. Nó... nó bép xép, bạ đâu nói đấy, không tề chỉnh. Bác vẫn thương con.

Khang thấy hai tai lùng bùng, giống vừa bị ai giáng cho mấy tát quá mạnh.

Người nhồm lên, nhẹ hẫng, như mới từ trên cao buông tay.

— Con Duyên khóc suốt tuần, nó còn nhớ con, bác biết vậy. Nhưng giờ nó đã 25. Ba bốn hôm nữa hăm sáu tuổi rồi... con gái hăm sáu không phải là nhỏ, chần chừ sao được.

Hai má nóng hừng, Khang nghe một cảm giác vừa cồn cào vừa như lã mết uà chiếm phần trên cơ thể. Khang dơ tay vịn lấy thành ghế. Đột ngột quá.

Tuổi hai đứa xung khắc kịch liệt, biết sao, con !

Ráng ngồi cho bình thường, nhưng Khang vẫn nhận ra tay mình đang run. Hẳn, chồng Duyên, là tên lém môi đa sự khi này. Phải hẳn đó không !

Khang chụp mũ lên đầu, xốc lại quần áo. Bác xã hỏi :

— Con được nghỉ bao lâu ?

— Dạ, chỉ một ngày, con phải vào nội chiều nay. Tết này ứng chiến bác.

Khang nói vội vàng. Làm như nếu không nói ngay thì sẽ không bao giờ còn nói được.

VĂN-LỆ-THIÊN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12

SỐ KN 78 MBYT/QCDP



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Truyện ngắn của LINH-BẢO

tặng một chánh khách lưu vong

CON CHUỘT

Nếu câu « Chuột sa chĩnh gạo » là đề tả sự sung sướng hạnh-phúc bất ngờ của loài người, thì cũng có khi đúng vào hoàn-cảnh của một con chuột. Không hiểu một ngày may mắn nào đó, một con chuột Nhắt bé tí hon đã lọt được vào nhà bà Bình. Hôm ấy trời nóng, nhà lại có mấy người khách đàn ông. Bọn họ hút thuốc lá thả khói mênh mông đầy nhà. Lúc khách ra về bà Bình phải mở cửa lớn một lúc để gió vào cho nhạt bớt mùi khói. Những lúc khác nếu cần thoáng khí bà chỉ mở cửa sổ. Các cửa này đều có lưới, chỉ không khí ra vào, ngoài ra một con phù-du cũng không lọt.

Hôm ấy con chuột Nhắt đang đi lang-thang ngoài vườn để tìm một nơi định cư. Nó đã đi lưu-lạc từ vườn này sang vườn khác từ mấy hôm nay. Vườn nào cũng có hoa, có cỏ. Hoa thơm ngát cả không khí, và cỏ xanh mơn mẫm cắt đều như một tấm thảm. Phong-cảnh đẹp đến như thế, chỉ phải cái tội thùng rác nhà nào cũng bằng tôn và có nắp đậy kín, đến nỗi cái mùi quen thuộc của rác cũng không bay ra được đến ngoài.

Đây là ngoài vườn, còn trong nhà thì cửa lớn lúc nào cũng đóng chặt, tường cứng như đá, cửa sổ có màn lưới bao kín. Cũng có lần nó vào được một vài nhà, nhưng nhà nào cũng giống nhà nào, cứ sạch bóng cả lên. Trong bếp những gì ăn được, người ta đều bỏ vào hộp đậy kín. Thức ăn thừa họ cho vào tủ lạnh, cặn bả chạy theo máy xay vụn ở máy nước chảy ra cống. Như thế thì còn sống làm sao được ! Thế mới biết ở đời chả có cái gì là tuyệt đối cả. Nhà như thế, vườn như thế, ai cũng khen là đẹp, nhưng trong con mắt của Nhắt thì thực đúng là thế-giới của sự đói và chết.

Đã có lần Nhắt thấy oán giận mà không biết oán giận ai. Cả gia đình nó cách đây mới ít lâu còn sống yên lành trong một gian nhà gỗ cũ kỹ nhưng rất ấm no đầy đủ. Căn nhà gỗ gần sập đổ, mái thủng, vách long lở, cột lung lay, nền đồ nát. Căn nhà ai trông thấy cũng chê và xa lánh. Thế nhưng căn nhà ấy chính là thiên đường của gia đình Nhắt. Gỗ mềm dễ gặm, đồ đạc vật liệu cũ mới có mùi thơm. Nhưng phải có cái mũi của chuột mới biết được cái mùi mốc meo nó thơm làm sao !. Ngoài ra bọn trẻ con lúc ăn hay ném đồ bừa bãi ra đất, nào bánh, nào

trúng, nào phó mát đủ cả, gần như chúng ăn thức gì, gia đình Nhất ăn thức ấy. Bọn trẻ con và gia đình nhà chuột sống trong gian nhà cũ kỹ người ta nói giống như dân dao búa sống trong thế giới đồ nát: Chúng tha hồ leo trèo phá phách, đập đồ bừa bãi làm gì cũng được. Có ai nhìn thấy thêm một vết bần lẩn vào trong trăm ngàn vết bần đã có sẵn đâu! Nếu ở trong một thế giới trật tự gian như nhà mới xây, dọn dẹp sạch sẽ có ngăn nắp thì phải biết! Một vết bần nhẹ cũng nổi bật lên ngay. Đâu có được tha hồ hạnh phúc trong bừa bãi như thế này!

Nhưng ở đời lắm khi hạnh phúc không dừng chân lâu dưới một mái nhà. Một hôm Nhất nghe trộm được câu chuyện của chủ nhân bàn tán với nhau. Họ định bán đất này cho một nhà thầu khoán cất nhà mới. Chủ nhà sẽ có đủ tiền để mua một căn nhà nhỏ khác xa hơn nhưng mới hơn, chắc chắn an toàn hơn.

Từ ngày ra đời, nhà Nhất tự coi mình như một phần tử của gia đình này nên cứ phây phây vui đùa, tưởng là ta với chủ nhân sống chết có nhau, vui buồn sướng khổ có nhau. Theo lý luận mà nói thì với tính nết của bọn trẻ con dù có dọn nhà mới, họ cũng phải có kẻ nhặt nhanh hạt cơm, miếng bánh rơi vãi chứ!

Thế nhưng không ngờ, lần này là lần đầu tiên Nhất học đến chữ «ngờ». Một buổi sáng thức dậy, gia đình Nhất thấy gian nhà bỗng dưng rộng mênh mông. Người ta đã dọn đồ đạc đi đâu mất cả!

Một chiếc xe ủi đất đến và cứ thế húc bừa vào nhà. Chỉ nửa giờ sau cả gian nhà chỉ còn là đồng gỗ đồ nát. Nhất và gia đình nấp dưới đồng gỗ chờ rửa bọn trẻ con tẻ bạc, ra đi không đem Nhất đi, không bảo cho Nhất biết, mà cũng không một lời từ giả. Nhưng có phải cứ có thể thôi đâu! Hôm sau một bọn người khác đến dọn đồng gỗ đi, xóc xáo khắp mọi nơi, rồi đổ nền dựng nhà mới.

Trong lúc hoảng hốt gia đình Nhất chạy tán loạn cả lên, và Nhất bỗng dưng thành một con chuột độc nhất trên đời.

Sau bao nhiêu ngày thất thểu lang thang, Nhất đã tưởng đời nó thế là tàn rồi. Trong lúc gần như tuyệt vọng, thấy nhà bà Bình mở cửa nó len lén chạy tọt ngay vào.

Trong nhà không có một ai, chắc chủ nhân đang làm việc ngoài vườn. Nhất lợi dụng cơ hội hiếm có quan sát mọi nơi. Phòng khách rộng rãi sạch sẽ, phòng ngủ hơi bừa bãi nhưng không có gì lạ. Trong phòng ngủ khăn bông, áo ngủ, báo hằng ngày, giầy dép vương vãi là sự thường. Phòng tắm có mùi thuốc sát trùng không thích hợp với Nhất. Nhất vào thẳng nhà bếp nấp dưới một lò ga rất lớn để dò động tĩnh.

Ngước mắt nhìn lên, nó thấy nhà bếp nhiều tủ đựng đồ quá. Chủ nhân chắc là người có tính rộng rãi hào phóng, hay nói một cách khác, bừa bãi cầu thả cũng được, vì bà chủ không đóng chặt các cửa tủ như tất cả các nhà khác. Cũng có thể là nhà này có trẻ con, vì trẻ con không bao giờ nhớ đóng cửa tủ hay ngăn kéo sau khi lấy đồ xong.

Nhất thử đi du lịch thám hiểm một vài tú. Tầng thứ nhất toàn đồ hộp, nhiều loại rau đậu hoa quả khác nhau. Tầng thứ hai cũng đồ hộp, toàn xúp đủ thứ. Tầng thứ ba chén bát. Một tú khác đựng nhiều loại giấy : giấy khăn ăn, khăn tay, giấy vệ sinh, khăn lau bàn, khăn lau bát. Một tú khác đựng toàn đồ đặc thuốc men để tẩy độc, lau chùi nhà cửa, các thứ phấn, bột thuốc nước, chai lọ, bao hộp chông chắt ngồn ngang. Những chai lọ này tuy đầy kín cũng bốc ra một mùi nặng khó tả. Ngửi thêm một chút nữa sợ chết ngạt, Nhất chạy vội ra ngoài.

Trong chốc lát Nhất thấy thất vọng tràn trề. Thì ra loài người ai cũng giống nhau cả. Cánh cửa tú mở rộng Nhất tưởng đó là dấu hiệu của sự bao dung, hào phóng, rộng lượng, nhưng thực ra không phải. Họ có mắt mắt gì đâu ! Chỉ có mùi thuốc sát trùng bay ra, còn mùi thực phẩm thì vẫn còn nguyên vẹn ở trong hộp. Nhất lê cái bụng lép kẹp, thông thả tìm đến gian phòng xép. Phòng này để rửa bát, và cũng có một cái tú lớn. Tầng cao nhất trên tường Nhất trông thấy chất đầy bát đĩa ly chai cốc không có gì ăn được. Trong lúc Nhất đang hếch mắt lên nhìn một cách đau khổ tuyệt vọng, bỗng nghe thấy tiếng động. Nhất nhanh nhẹn nhảy biến ngay vào cái tú thấp cũng mở cửa sẵn. Và thế là cuộc đời « Chuột sa chĩnh gạo » của Nhất bắt đầu từ đây.

Tròng tú hơi tối nhưng Nhất vẫn tinh mắt. Nhất thấy vô số là chai không, lọ không, soong, nồi, chảo, mới cũ lớn nhỏ đủ cỡ. Tất cả đều sạch sẽ khô ráo sắp đặt gọn gàng. Trong góc tú có một cái hộp giấy, Nhất tò mò nhảy vào hộp và nhận ngay ra bên trong hộp có một bao gạo. Ban đầu Nhất ngờ ngác không tin, tưởng là mình nằm mơ. Nhưng sự thực sờ sờ ra đấy ! Miệng bao gạo mở rộng, như quyến rũ, như mời chào, như khuyến khích. Trời ! Mùi gạo sau bao nhiêu ngày lang thang đói rét mới thơm ngon hấp dẫn làm sao ! Thế là ngày hạnh phúc của Nhất bắt đầu ? Gạo Nhật-bản nhập cảng, toàn chọn những hạt mập tròn, béo bùi làm sao ? Ngoài bao viết rõ ràng « Gạo số một, ngon nhất, 25 cân Anh ». Nó ngờ ngẩn tự nhìn mình rồi nhìn bao gạo. Cái núi gạo này thì có ăn đến suốt đời cũng không hết !

Sau một tuần lễ, Nhất tự coi như đã định cư ở đây. Ngày ngày Nhất leo lên núi gạo của nó nhắm nháp vài hột suy ngẫm chuyện đời. Nhất nhận ra rằng Trời quả thực chẳng đóng cửa ai bao giờ. Trong lúc gần như đến bước đường cùng thế nào cũng tìm được một lối thoát. Đôi khi nhớ cha mẹ và đàn em giờ đây đang lang thang đói rét không biết ở nơi nào, nó muốn đi tìm về ở chung đề cùng hưởng cái núi gạo của nó. Nhưng nó cũng biết nếu nó ra khỏi nhà này có thể là không bao giờ còn trở vào lại được nữa ! Cơ hội tốt lắm khi không đến hai lần trong một đời người. Anh nào nắm được hạnh-phúc mà còn nghi quanh nghi quẩn bỏ rơi mất là dại. Nhất không bao giờ dám tin rằng bà Bình có thể bỏ cửa ngõ cho nó vào một lần nữa, cũng như nó không dám tin rằng gia-đình nó còn sống cho đến ngày nay ở trong cái thế-giới sạch sẽ thơm tho nhà cao cửa rộng mà đầy những thuốc sát trùng như thế này. Nó tự kết-luận là nếu còn sống thì gia-đình hẳn cũng đã tìm

được một nơi nào sống được, nếu không sống thì đã chết rồi! Đàng nào thì bỏ đi cũng vô ích, nhà cửa san sát như thế biết gia-đình nó ở cái xó tối nào mà tìm? Nó đành tự an-ủi là mỗi người có một số phận, nó phải nhận cái số phận Trời dành cho nó.

Bây giờ Nhất biết giờ giấc của nhà này lắm rồi. Bà Bình là một bà góa, làm nữ khán-hộ cho một phòng bệnh tư. Mỗi ngày bà đi làm từ 8 giờ cho đến 5 giờ chiều mới về. Suốt cả thời gian ấy, Nhất là chúa tể tất cả giang-sơn này. Nhất chạy tung tăng chơi đùa hết phòng khách, đến phòng ngủ, đến phòng tắm, nhảy lên nhảy xuống hết tủ này đến ngăn kéo khác một cách vô tư lự. Nó tha về tủ nó một ít giấy thịnh thoảng buồn miệng cắn nát ra chơi, và lấy một ít để làm tổ nằm cho êm.

Chơi đùa suốt ngày cho đến 5 giờ chiều, khi Nhất nghe thấy tiếng chìa khóa lách cách cho vào ổ khóa thì nó biết giờ nghỉ ngơi đã đến.

Nhất chui ngay vào tổ của nó. Cái tổ làm bằng khăn tay giấy, thứ mềm dịu nhất màu vàng nhạt bà Bình vẫn thường dùng. Nhất nằm yên lắng nghe tiếng chân bà Bình đi vào. Trước hết bà bỏ đôi giày cao gót đi chân không thò phào ra một cách nhẹ nhõm thành thoi. Xong rồi bà mở lò sưởi lên đứng trước lò thay áo quần. Thay xong bà vào bếp sửa soạn cơm chiều. Có khi bà nấu cơm, có khi ăn mì, phở hay bánh, rau quả không nhất định. Dù sao bà ở trong nhà bếp không lâu. Cả nấu và ăn chỉ mất độ một tiếng đồng hồ mà thôi.

Bao gạo vơi dần dần nhưng khi nào thực hết thì lại có bao mới Nhất không phải lo lắng gì cả. Mỗi ngày Nhất nằm trong tổ lắng tai nghe tiếng bà Bình xả nước rửa rau như một điệu nhạc du-dương. Nó cảm thấy cuộc sống thực là đầy đủ. Có lương-thực, có tổ ấm, giá có một bạn đồng loại để chia sẻ cảnh êm ấm này thì thực không còn gì bằng!

Có một điều Nhất không dám nghĩ đến là không biết bà Bình có bằng lòng cho Nhất ở trong nhà của bà không. Bọn trẻ con ngày xưa chấp nhận cuộc sống của Nhất một cách công khai nhưng bà Bình thì chưa chắc.

Không biết rõ ý bà Bình ra sao, Nhất định cố dấu không cho bà biết, Nhưng ở đời có cái gì dấu mãi được! Dù mắt bà Bình hơi kém bà cũng thấy những vết đen nho nhỏ trong bao gạo. Những chấm đen này chứng tỏ có một con vật gì đã ăn vụng gạo và để sự tiêu hóa lại. Phản ứng thứ nhất của bà Bình là thắt chặt miệng bao gạo. Lần sau bà không thấy có vết đen trong bao lẫn với gạo nữa, nhưng cái bao bị rách một lỗ rất nhỏ, và bây giờ những chấm đen kia ở ngoài bao gạo.

Như thế nghĩa là con vật đã cắn thủng bao, thò mõm ra ăn gạo và để vật tiêu hóa ở ngoài. Trông thấy như thế bà Bình nghi ngay đến con Chuột, vì chỉ loài chuột mới có bộ răng sắc bén cắn thủng bao thôi.

Ngày thứ bảy hôm ấy, không phải đi làm, bà Bình mang hết mọi đồ vật trong tủ ra, lấy nước xà phòng và thuốc xác trùng lau khắp tủ, sắp lại mọi thứ vào trong và đóng chặt tủ lại. Cứ thế bà Bình thanh toán từng tủ một. Khi tất cả mọi tủ đều sạch sẽ bà đóng chặt cửa rồi soạn đến cái tủ cuối, nơi đã là thế giới thần tiên của Nhất. Những ngày hạnh phúc nó mới ngần ngại làm sao!

Bà Bình xách bao gạo ra cho vào một cái hộp lớn khác có nắp và đậy kín lại. Bà moi ra một đồng giấy nát, cái tờ âm của Nhất, vứt vào xột rác một cách không tiếc thương. Bà Bình cẩn thận lau sạch tủ. Nhất cố thu gọn mình vào góc tủ nhưng mùi thuốc sát trùng nồng nặc làm Nhất không chịu nổi nhảy vọt ra. Bà Bình trông thấy Nhất chạy thoảng qua nhanh như một cái bóng, và biến ngay vào dưới cái lò ga

Bây giờ bà Bình yên trí, ít nhất con Chuột tai hại đã ra ngoài tủ, từ nay mỗi lần mở tủ lấy đồ bà chỉ cần nhớ đóng chặt lại để giữ con chuột ở ngoài, xong rồi sẽ liệu.

Quét dọn xong bà Bình mệt lã. Ngày thường bà chỉ quen làm những việc nhẹ nhàng, nếu cần quét dọn bà làm dần dần nhưng hôm nay khác hẳn, phải cúi xuống và quì gối, hay vơi tay hăng nửa ngày bà thấy sống lưng đau mỗi như dằm.

Tuy thân thể mệt nhọc, nhưng trí óc bà làm việc rất mạnh. Ngã lưng trên giường, bà nghĩ đến cách bắt chuột. Lối bắt chuột cổ điển nhất là dùng mèo. Nhưng phải nuôi một con mèo để bắt một con chuột tí hon độc nhất thì cũng phiền lắm. Mượn thì chung quanh đám bạn bè hàng xóm chả có ai nuôi mèo cả. Bà có thể mua một con, nhưng sau khi bắt chuột rồi bà sẽ dùng con mèo kia để làm gì? Nó sẽ cào rách nệm ghế, leo lên nóc tủ nhảy vờn, đồ chơi để trên ấy sẽ rơi vỡ. Hơn nữa, ngày hai bữa sẽ phải lo nghĩ đến thức ăn của mèo, phải hầu hạ mèo như một đứa bé con. Bất cứ giờ nào mèo cào cửa muốn ra ngoài là bà phải mở cửa đóng cửa suốt đêm ngày. Nếu là một con mèo cái, đến một thời kỳ nó cảm thấy cô đơn, nó leo lên mái nhà, máng xối hát, thì cả hai dãy hàng xóm phải thức dậy hết. Bà sẽ mất rất nhiều tự do vì phải nghĩ đến bữa cơm có kẻ đang chờ đợi ở nhà không dám về muộn, dù cho bạn đến bao nhiêu cũng vội vã về như nhà có con mọn. Lý do mạnh hơn nữa là bà không chịu được lông mèo. Mỗi lần rùng mình mèo sẽ tung ra vô số là bụi, bọt chét, và lông rụng. Bà nghĩ phải lập tức hắt hơi và ho hen không ngừng.

Giải pháp Mèo nhất định là không xong rồi. Bà Bình bắt đầu nghĩ đến cái bẫy. Vốn tính tiết kiệm bà Bình không muốn mua một cái bẫy để dùng chỉ có một lần. Suốt đêm bà nằm thao thức tìm cách tự làm một cái bẫy. Trước hết bà nghĩ đến một cái hộp có cửa sập lại theo lối cổ điển. Bà còn tưởng tượng thêm vài cái bẫy hình dáng khác nhau nữa, nhưng tất cả đều không thành. Những vật liệu dụng cụ để làm bà không có, và dù có bà cũng không biết làm thế nào cho thành hình.

Giấc ngủ chập chờn vì mệt, mỗi suy nghĩ và trong giấc ngủ hình ảnh những cái bẫy không thành vẫn kế tiếp nhảy múa thay đổi hiện ra trong trí óc bà Bình.

Sáng hôm sau bà Bình khóa chặt các tủ đi làm, yên trí là thùng gạo của bà không bị phá phách gì nữa. Nhưng làm được nửa buổi bà bỗng bị một ám ảnh khác. Ngày thường con chuột có gạo ăn, bây giờ không có gạo nữa nó sẽ ăn gì? Cái tủ khóa lại rồi nó sẽ ở đâu? Mất tổ rồi nó chạy khắp nhà, nhất là có thể vào trong phòng ngủ của bà. Phòng ấy có nhiều xó kẹt, nhiều áo quần giăng mắc; nó sẽ nhấm nhấm quần áo, giày vớ, hay cắn mấy bộ sách quì bà vẫn để quanh quẩn ở đầu giường.

Nếu thế thì sự tai hại còn to gấp đôi đề nó ăn gạo trong trong nhà bếp. Bà nghĩ lại thấy tất cả đồ gì của bà cũng thế làm món nhắm gặm chơi cho con chuột cả, bất cứ món gì cũng ngon lành với bộ răng chuột sắc như dao.

Càng nghĩ bà càng mong cho chóng đến giờ tan sở về nhà với nó. Và bà biết lúc bà về đến nhà, việc trước nhất là một nắm gạo để vào góc tủ.

Trong khi chờ đợi kế hoạch xong cái bẫy, ngày ngày bà Bình để nắm gạo cho con chuột như một phần ăn. Sau khi tan sở về nhà, bà chạy vội vào bếp xem hôm ấy chuột ăn không, có đủ gạo không, còn thừa hay ăn hết.

Suốt cả một tuần lễ ngày đêm suy nghĩ, vừa cho ăn vừa nghĩ cách đánh bẫy như thế, chuột và người hình như đã bắt đầu quen chương trình mới và giờ giấc của nhau. Con chuột bắt đầu ăn những hạt gạo của bà cho một cách đầy tín nhiệm, và bà Bình một hôm ngủ dậy với một hình ảnh trong trí. Không biết cái bẫy chuột này đã thành hình khi bà mơ hay tỉnh không rõ, nhưng đối với bà nó gần đến chỗ toàn thiện nhất, nghĩa là không tốn tiền và dễ làm.

Đã có ý niệm về cái bẫy rồi, bà Bình nghĩ đến mồi, Bà không biết làm mồi gì cho ngon: thịt nướng, cá mực nướng, cơm hay tôm... có lẽ chuột Mỹ phải cho mồi bằng phở mát cũng nên.

Nghĩ đến mồi và cái bẫy, bà Bình chợt nhớ đến một chuyện ngắn ngoại quốc bà đọc từ lâu nên quên mất tên. Chuyện tả một lão già rất nghèo khổ chuyên nghề làm bẫy chuột. Ngày ngày lão đi lang thang từ làng này sang làng khác vừa đi vừa rao bán. Cái nghề đạ mạt này phần nhiều không được lời lãi bao nhiêu nên thỉnh thoảng lão phải ăn cắp vặt thêm để sống.

Một hôm đang đi lang thang trên đồng vắng, bụng đói miệng khát, lão bỗng chợt nảy ra ý nghĩ cái thế giới mà tất cả chúng ta đang ở này chẳng qua cũng như một cái bẫy chuột rất lớn mà thôi. Tình tiền, nhan sắc, danh vọng bằng cấp, quyền hành v.v... tất cả đều giống như miếng thịt nướng thơm phức trong bẫy để những con mồi háu ăn. Và một khi anh bị mắc bẫy thì than ôi ! tiêu tan cuộc đời !...

Ý tưởng này làm lão ta thú vị lắm, cố tìm tòi trong trí óc lão những người trong đám bạn bè bà con quen biết, xem ai đã bị mắc bẫy rồi mà không biết ; ai biết thân mình bị mắc bẫy an phận đợi giờ chết ; ai đang cuống cuống tìm lối thoát ; ai chưa biết, còn đang gặm nhắm mồi một cách say sưa ; và những ai còn ngây thơ mắt la mày lét nhìn mồi thèm thường tìm lối lồi chui vào bẫy...

Lão thấy mình cao quý hơn những người khác, vì lão là người đứng xa, từ trên cao nhìn xuống đám người mà lão xem như một bầy chuột đang chạy quanh miếng mồi. Lão cứ cười người ta và sung sướng như thế cho đến một hôm lão vào ngủ trọ trong nhà một nông phu. Chủ nhân cho lão ăn uống tắm rửa xong, trong lúc ngồi nói chuyện gẫu trước khi đi ngủ, chủ nhân đem mấy đồng tiền vàng khoe. Sáng hôm sau lão già dậy sớm từ giả ra đi. Lão chào và cảm ơn chủ nhân rồi nấp một chỗ. Chờ cho chủ nhân ra đồng, lão lén trở về ăn cắp mấy đồng tiền vàng.

Lão không dám đi trên đường cái sợ bị đuổi theo phải đi băng vào rừng. Lão đi mãi từ sáng đến chiều, càng đi càng xa, càng thấy lạ lùng. Lão cố tìm phương hướng cố lướt qua mệt mỏi, đói rét gắng đi cho đến nửa đêm thì thấy khu rừng càng đi càng như quen thuộc. Thì ra lão bị lạc, lão đã đi vòng quanh rừng và bây giờ lại trở về chỗ cũ. Rừng thật là âm u ghê rợn, tiếng chân thú dữ như lẩn quất đâu bên mình. Đeo một xâu bẫy chuột trên lưng, bây giờ thấy không cười ai được nữa, vì bản thân lão cũng thành một con chuột mắc bẫy, mà miếng mồi là mấy đồng tiền vàng...

Bà Bình bỗng cười thầm nghĩ : ở trên đời đã có lắm anh tham mồi mắc bẫy mà chết lắm rồi, và cũng sẽ còn lắm anh nữa tiếp tục chết vì mồi. Chỉ cần tìm được miếng mồi đúng với khẩu vị, là anh nào cũng sẽ chết cả ! Con chuột này dù quắt quéo tinh khôn đến đâu, tìm được đúng mồi thì nó cũng chết đi như ai vậy ! Con Chuột của bà nhất định là không thích vàng, phó mát cũng chưa chắc, nhưng gạo thì có lẽ được. Nó không hề ăn thức gì khác của nhà bà, nó sẽ thích món ăn quen thuộc.

Bà Bình lấy một cái thau đổ nước vào độ nửa thau. Bà lấy giấy báo bao miệng thau lại cột giây chằng thật chặt. Ngay chính giữa, bà cắt một lỗ tròn nhỏ, trên miệng để một miếng giấy bóng thực nhẹ và mỏng, trên giấy bà để vài hạt gạo.

Sắp đặt xong xuôi, bà để thau nước vào chỗ vẫn để bao gạo hàng ngày. Mỗi ngày đi làm về bà nhìn vào tủ xem nhúm gạo có còn nguyên không. Hai ngày đầu, gạo mất nhưng miếng giấy bóng vẫn còn nằm yên bất động. Ngày thứ ba cả giấy lẫn gạo đều lọt qua cái lỗ con nhưng con chuột thoát nạn. Bà Bình đã tưởng con Nhắt bị một võ xuyết chết thể chắc không còn dám léo hánh đến gần cái thau nữa. Bà không tin tưởng mình sẽ thành công, nhưng cũng cắt mảnh giấy bóng khác che cái lỗ con và lại để một ít gạo lên.

Chiều hôm ấy đi làm về bà Bình trông thấy cả giấy lẫn gạo và con chuột đều ở trong thau nước. Con chuột bé tí chỉ bằng ngón tay, mặt mũi trông ngây thơ lương thiện quá làm bà Bình đâm ra hối hận đã giết nó. Giá bà bắt sống nó được, chắc bà thả ra một cánh đồng xa cho nó tìm đường sống. Nhưng khốn nỗi con chuột bé nhỏ khôn lanh quá, chỉ chạy quanh quẩn trong mấy xó kẹt không chịu để bị bắt, cũng không chịu chạy ra khỏi nhà, tuy cửa đã mở sẵn cho nó.

Bà Bình búi ngủi vớt con chuột ra chôn dưới gốc cây hồng, trên mã bà chọn những viên đá cuội sạch sẽ thành một ngôi mộ xinh xinh.

Giải quyết xong vấn đề con chuột bà Bình quét dọn nhà một lần nữa. Nhưng lần này địch thủ bị hạ rồi bà thấy buồn không còn hăng hái như lần đầu. Căn nhà hình như vắng lạnh hơn, bà hình như cô đơn hơn. Có lẽ niềm cô đơn thì không hơn không kém, nhưng vì trước kia bà không nghĩ đến nên không nhận thấy. Bây giờ con chuột chết rồi, thì ra giữa bà và nó đã có một mối cảm tình quấn quít nhau từ hồi nào bà không hay. Có lẽ từ khi bà bắt đầu ngày ngày để gạo cho nó ăn, lo lắng cho nó, không biết nó ăn có đủ no không, có nghịch ngợm phá phách gì không. Tuy sự lo lắng này phát ra từ chỗ sợ nó đói cần áo quần sách vở ; nhưng lần lần thành một

thói quen săn sóc nó, lo cho nó như lo cho một con vật được chăn nuôi : trong tiềm thức bà tình thương đến lúc nào không biết. Bà nhớ và đâm ra hồi tưởng lại những lúc nó còn sống, lúc bà đi làm thì nó giữ nhà, làm cho gian nhà có sinh khí. Bà về nó biết thân phận nhường lại giang sơn cho bà. Nó chỉ sống trong hòa bình thoả mãn. Mấy hạt gạo nhỏ bé, và một mảnh khăn giấy, đấy là tất cả mơ ước của nó. Nó chưa hề phá hại một cái gì khác của bà cả. Thế mà bà nỡ xem nó như kẻ thù địch. Bây giờ kẻ thù địch chết rồi, bà chẳng sung sướng gì cả, trái lại thấy tâm hồn trống rỗng. Xét lại thì sự thiệt hại khi kẻ thù còn sống không bằng khi nó đã chết. Bây giờ ai trông nhà cho bà khi bà đi vắng ? Bà vào bếp nấu cơm ai bồi bàn ? Bà cao hứng ngâm nga có ai nghe ? Lắm lúc bà nói chuyện với nó, chuyện trong sở, chuyện bà thấy trên đường về, điều bà nghĩ. Bà không biết nó đang ở trong xó kẹt nào, nhưng biết là nó lẩn quất đâu đó trong nhà, nhất định đang vênh tai lên nghe bà nói...

Bà càng nghĩ càng hối, càng thấy tự giận mình. Ngó lui lại dĩ vãng thấy đầy cả nhăm lẩn. Nhăm lẩn này lẩn với nhăm lẩn khác không còn phân biệt được đâu vào đâu nữa. Ngay đến trong khi tranh luận với các bạn thân bà cũng luôn luôn nhăm lẩn. Nhăm cả khi bà thắng cuộc, Bà thắng vì lý luận già dặn hơn, khôn ngoan hơn, cũng có khi già miệng hơn, nhưng sau cuộc thắng vẻ vang bà mất một người bạn. Tính lại thì thắng lợi không đem lại một niềm vui gì hết. Bà Bình thấy ghét sự thông minh vật của mình trong việc phát minh ra cái bẫy ác độc.

Nằm gát tay lên trán suy nghĩ, Bà Bình thấy chỉ còn có hai cách, một là cứ lơ mơ chìm đắm trong cô đơn, nhớ tiếc buồn thương ; hai là dọn nhà đi nơi khác, quên tất cả để bắt đầu làm bạn rộng với những nhăm lẩn mới. Hai con đường bà chọn một.

Tuần lễ sau, người ta trông thấy trước nhà bà cái biển «NHÀ CHO THUÊ». Trong đời thế là một con chuột nữa lại rơi vào bẫy.

LINH-BẢO

(Monterey 1966)

(Rút trong tập « Những cánh diều »)

THÁ ĐỘ xuất bản :

LỘT XÁC

truyện dài DUY-LAM

Sự hình thành một Quân lực và một Quốc gia từ những người lính Lê-dương da vàng, từ một hoàn cảnh hỗn loạn nhất của lịch sử hiện đại...

Tủ sách Văn nghệ xám

Giá 150 đ.

CA DAO đã phát hành :

— NIETZSCHE cuộc đời và triết lý

của Felicien Challaye. Mạnh-Tường dịch

— LỤC BÁT thơ Hoài-Khanh

Sống Mới tổng phát hành

sang thăm người yêu

Thơ TRẦN-TUẤN-KIỆT

Sang thăm cùng ánh chiều đi
Bóng người đã vắng đến khi chiều tàn
Trăng soi cây lộ đôi hàng
Gió đưa hoa lạc phố phường bụi bay
Ngất trời khói loạn mờ mây
Sao hôm giờ cũng rơi ngoài đồng hoang
Cơn mưa trời đổ muôn vàn
Nhớ người ta đứng hoang mang giữa đường

viết cho học trò

Thơ THỦY-TRIỀU

rồi một buổi già từ nhau tất cả
các em về lưu luyện bước chân đi
thầy ở lại với ngôi trường ngó xuống
loài phượng buồn rụng nước mắt chia ly

như loài chim một sớm rời tổ mẹ
có ai ngờ giông bão ở mai sau
các em về trong tháng ngày tao loạn
chinh chiến dài cho tuổi nhỏ xanh xao.

rồi từ đó những tháng ngày ảm mục
kéo nhau qua như lũ quạ trong chiều
ngôi trường cũ chơ-vơ buồn đứng ngó
quê hương mình ngày thêm một điều-hiu

đời chia xa như giòng sông rẽ nhánh
thầy cũng về vai khoác áo chinh nhân
hồn hoang-vu người đi ngoài trận mạc
nhớ thương em trên mỗi bước phong trần

và một sớm mùa thu trời nổi gió
sân trường xưa còn rớt nắng hạ buồn
các em về dăm ba trò đứng ngó
đi những ai còn, ai mất giữa quê hương !

THÁNG BẢY MƯA NGUỒN

Thơ TRẦN-HOÀI-THU

Tôi ở trên ni đời cao tháp cồ
em ở bên tê nuôi mộng học trò
tháng bảy em về quê mạ trời xa
tôi trở lại cùng sân trường thuở trước
đêm tối tôi ngồi trên băng đá vắng
đêm tối cuối cùng em phải ra đi
tôi muốn nhìn lên bóng dáng nhu mì
tôi muốn làm con chim hiền nhỏ bé
tôi muốn hát lên lời ca từ biệt
càng thương em càng khổ lắm em ơi
tôi muốn nhìn lên xem có nụ cười
tà áo lụa của học trò bay nhẹ
tôi núp dưới bờ, hoa thơm rất khê
ngỡ mùi hương từ làn tóc em bay
trời chia ly có một vọn sao này
sao đủ khóc để đưa người tôi mển
năm tháng mỗi mồn đường xa chinh chiến
Tôi về thấp nển gọi cả trời thương
đêm tối hôm nay em ở phố phường
đêm tối hôm nay tôi nằm gối đất
sương ướt bờ vai tưởng là nước mắt
nhớ em nhiều tôi áp súng vào môi
phương nớ phương ni cách biệt chân trời
tháng bảy mưa nguồn em về tôi nhớ
tháng bảy mưa nguồn quê hương cách trở
áo lụa học trò ai điếm trang thơ ?

Giã từ thành phố

Căn nhà bé nhỏ, lò xo mấy ngọn cây trứng cá xanh tươi hiện ra ở cuối ngõ, Một vẻ yên lặng đến rùng rợn bao vây xung quanh. Tôi đã đến căn nhà này bao nhiêu lần, quen thuộc từ màu đất, màu cây, cái không khí riêng biệt của lối ngõ và đời sống ở đây, thế mà căn nhà bỗng trở nên xa lạ, buồn hiu. Buổi chiều xuống thấp trên lối đi. Ngọn gió mát từ mé sông Thị-Nghè thổi lan vào khu xóm làm cho ý nghĩ tôi xao xuyến thêm.

Tôi đứng dừng trước cổng nhìn vào bên trong. Có ánh mắt vụt sáng qua khung cửa sổ. Hạnh nhìn tôi, đôi mắt có vẻ ngạc nhiên. Khi nàng bước ra, tôi mới gặp lại cái không khí quen thuộc những lần đã đến đây, mặc dầu không trọn vẹn.

— Nghĩ Hạnh đi vắng thì buồn quá. Tôi vừa nói vừa theo nàng bước vào trong nhà.

— Hôm nay Hạnh đi làm về sớm. Đang sắp sửa đi nấu cơm đây.

— Chỉ còn mỗi mình Hạnh ở đây thôi à? Bà cụ đâu? Hạnh yên lặng nhìn xung quanh :

— Ở với chị cả. Bà cụ về quê rồi. Mấy hôm trước lộn xộn bà cụ sợ quá. Lại chuyện cậu em mới mất nên bà cụ buồn không muốn ở trên này.

Đôi mắt Hạnh nhìn xuống suy nghĩ

vẫn vơ. Tôi nhớ Hạnh có báo cho tôi biết về cái chết của người em trai, vào buổi sáng mừng hai tết, chết một cách ngọt lịm vì viên đạn bạo cuồng bay tới, như đi vào giấc ngủ hèn hò. Bao nhiêu chuyện đã nối tiếp xảy ra và mùa xuân đã vụt trôi chẳng ai thêm nghĩ tới.

Ba bốn tháng nay tôi mới có được một buổi chiều như hôm nay. Tôi chợt nghĩ đến bão táp, đến cảnh tan hoang của những cánh chim trời vô định, để thấy rõ cái hạnh-phúc được gặp Hạnh mỗi lúc một lớn thêm. Nàng không thay đổi. Vẫn khuôn mặt mảnh mai dễ thương ấy, khuôn mặt mà tôi đã ghi nhớ từ lúc nàng còn đi học. Nhưng tôi đọc thấy sự day dứt hiện lên trong ánh mắt nàng. Tôi thấy nàng lớn dậy trong những cảm nghĩ sót sa về thân phận. Tất cả ở nàng là một sự chờ đợi — như tất cả những người con gái khác chỉ cần đến tình yêu và cuộc sống.

Hạnh ngược mắt nhìn tôi một hồi lâu — Nàng hỏi :

— Sao lâu nay không thấy anh lại?

— Vì đi xa nên không có dịp về thăm Hạnh. Bây giờ anh mới được đổi về đây. Nhưng vẫn nghĩ đến Hạnh luôn.

— Có thật không?

Tôi gơ chiếc khăn tay bé nhỏ mà Hạnh đã trao tặng từ ngày tôi nhập ngũ.

Đã đến hơn một năm tôi vẫn giữ nó trong túi. Chiếc khăn mỏng, màu xanh da trời, có tên Hạnh thêu ở góc. Nàng ngắm chiếc khăn, tủm tủm cười không nói gì thêm. Giữa chúng tôi chỉ có những kỷ niệm nhỏ. Những buổi chiều gặp gỡ ngắn ngủi trong quá khứ, trên vỉa hè thành phố, sau giờ tan học. Một vài lá thư qua lại, ấp ủ những cảm nghĩ đầu tiên, giận hờn, hi vọng. Chỉ có thế. Cho đến bây giờ, buổi chiều thứ bao nhiêu, tôi cũng chẳng để ý tới. Hạnh như vẫn còn chờ đợi, dẹt dẹt — Nàng là một thể giới huyền diệu.

— Chiều nay anh mời Hạnh đi ra phố. Lâu nay anh không biết mặt mũi phố phường ra sao ?

Sau một phút suy nghĩ, Hạnh nhìn ra ngoài trời, vui vẻ đáp :

— Đợi em một lát.

Hạnh vào bên trong trang điểm — Tôi ngắm những giỏ cây vạn niên thanh treo ngoài hàng hiên. Màu xanh không bao giờ phai như thách thức cuộc đời đang mòn mỏi úa héo. Giữa những giây phút chờ đợi, tôi thấy có cái gì kéo tôi đến gần Hạnh, lấp bằng những trống rỗng cách xa. Một hương thơm ngát tỏa ra ngoài. Hạnh xuất hiện trước mặt tôi, màu áo hồng nhạt, đôi mắt long lanh không chớp. Tôi đã tìm thấy lại ở nơi Hạnh những hình ảnh dịu dàng thân mật mà mình đã đánh mất theo ngày tháng quay cuồng. Hạnh như ngạc nhiên trước cái nhìn soi bói của tôi. Nàng đứng dừng ở ngưỡng cửa, đợi cho tôi chăm xong điều thuốc mới bước ra ngoài. Cánh cửa được khóa lại. Chúng tôi ra ngoài đường đón taxi đi. Buổi chiều chưa tắt hẳn. Màu tím còn đọng ở chân trời. Hai đứa ngồi yên trong xe không nói năng. Bàn tay Hạnh duỗi trên tà áo hồng phủ lấp đầu gối.

Màu da nàng trắng mịn. Chiếc xe chạy qua những con đường quen thuộc dưới con mắt chúng tôi. Đến cuối một dãy phố, tôi bảo người tài xế dừng lại. Hạnh và tôi bước vào một quán ăn nhỏ, tìm một góc ẩm cúng ngồi, ít ánh đèn chói sáng. Hạnh ngồi đối diện với tôi, không nói. Trên ngực áo nàng có đính một miếng vải đen nhỏ. Lúc này trong quán đã bắt đầu đông khách. Tôi không đọc thấy một sự lo âu nào trên những nét mặt của các thực khách. Nét mặt của dân chúng bình tĩnh lạ, như không có chuyện gì xảy ra. Tôi còn tưởng những chuyện gì đã diễn biến vào dịp đầu xuân. Những ngày đầu xuân đang dở đắm chìm vào bão lửa. Và tôi chợt nhớ đến những phim chiến tranh, đến hình ảnh dân chúng Luân-Đôn trong đệ nhị thế chiến, bình tĩnh, phớt lạnh dưới những đường hầm lửa tránh bom Đức. Trong những đường hầm đó những đôi trai gái vẫn gặp nhau, trao đổi vôi vàng những cái nhìn đắm đuối, có khi giận hờn, luyến tiếc; tất cả là sự sống, là hi vọng vươn lên bên cạnh những đờ võ đau thương vô nghĩa.

Hạnh liếc mắt nhìn tôi. Ánh mắt nàng ấm áp lạ, hơi ấm như bốc toả vào tận cùng những ý nghĩ của tôi.

— Hồi này anh có viết nhiều không?

— Anh không viết được gì. Tư tưởng phân tán quá làm sao viết nổi. Chỉ có lúc này là còn tạm thấy yên trong tâm hồn.

— Vì sao vậy ?

Ý nghĩ của tôi ngập ngừng. Tôi nhìn thẳng vào Hạnh nói :

— Có lẽ vì được thấy Hạnh bình yên.

— Anh thực là lãng mạn. Thực tế anh có thể nghĩ khác.

— Anh không biết nói dối.

Hạnh yên lặng suy nghĩ. Tôi còn giữ

được của người con gái này một cảm tình, một ngăn cách giữa đam mê và tình yêu. Sau bữa cơm tôi đưa Hạnh về nhà này. Ý Hạnh muốn về sớm. Gặp người chị nàng tôi cúi đầu chào. Người chị thân mật hỏi tôi, giọng nói ấm áp :

— Mạnh giỏi chứ cậu.

— Cám ơn chị

— Tình hình ra sao ? Liệu có yên không, hay còn đánh nhau nữa.

— Thế nào rồi cũng yên chị ạ.

Câu nói của tôi làm cho người chị nhẹ nhõm nét mặt. Đó là một người đàn bà cân đối, phúc hậu, ngoài ba chục tuổi, chưa có chồng. Nàng có tính tình trầm tĩnh hơn Hạnh. Tự nhiên tôi đọc thấy một nỗi buồn nhẹ nhẹ phảng phất trên gương mặt người chị. Hình như nàng cũng thấy tôi già dặn hẳn đi. Rồi như coi tôi là một người thân trong gia đình đi xa mới về, người chị kể cho tôi nghe biến cố Tết Mậu-Thân, những hình ảnh máu lửa đã diễn qua trước mặt mọi người và cả đến cái chết của cậu em trai còn đang đi học. Mặc dầu không thích nghe chuyện chiến tranh, tôi vẫn tỏ ra chăm chú nghe, và cố tìm hiểu điều mong ước của người đàn bà đằng sau câu chuyện ấy. Thật là giản dị, sự sống yên vui và tình thương, sự sống mà con người đang có lại không được trọn vẹn. Những điều mơ ước nhỏ nhặt ấy như chỉ là những bóng mây lướt qua khoảng trời nắng hạ.

Trong lúc đó Hạnh đi pha cho tôi một ly cà phê thật đen, thật đặc. Tính đến mấy tháng nay, tôi chưa có dịp bén mảng đến một quán cà phê. Tôi hỏi nàng vì sao không uống cà phê, nàng trả lời sợ mất ngủ. Bên ngoài ánh hỏa châu soi sáng một góc trời. Tiếng máy

bay nghe rồn rập mỗi lúc một gần. Tiếng súng xa xăm vọng về chát chúa. Hạnh vẫn bình tĩnh ngồi đọc tờ báo, mắt nàng long lanh dưới ánh đèn. Chúng tôi thấy không còn điều gì để nói nhưng sự lặng thinh tự nó đã có một ý nghĩa thanh thoát. Tôi ngồi gần đến giờ giới nghiêm mới từ giã Hạnh ra về. Nàng đưa tôi ra tận ngoài ngõ, vừa đi vừa căn dặn ;

— Tỉnh thoảng mời anh lại chơi

Tôi gật đầu, nắm chặt lấy bàn tay nhỏ bé của Hạnh để nàng vững tâm bước theo tôi.

Chúng tôi bước qua cây cầu nhỏ, giòng nước đen ngòm chảy chậm phía dưới. Mầu thuốc lá cuối cùng của tôi vừa rớt xuống dưới đó, loé đỏ trong giây lát rồi chìm tắt trong cái mầu đen thăm thẳm.

Buổi chiều đã hết từ lâu và tôi thấy mình bị đẩy đi xa thêm, xa mãi trong chiều sâu hun hút của ngày tháng. Khi ra đến đầu ngõ, Hạnh đứng dừng lại. Tôi thấy gương mặt nàng nín lặng cho đến khi tôi đi xa khỏi tầm mắt nàng.

oOo

Bây giờ là mùa hạ. Không khí trong thành phố bớt căng thẳng. Những trận mưa thỉnh thoảng đổ xuống đem lại hơi mát trên những con đường đầy bóng xanh.

Tôi là người con trai độc nhất trong gia đình. Bà mẹ tôi thỉnh thoảng lại ra vẻ lo lắng, sốt ruột về cái tính bông lông của tôi. Nhiều lần bà giục tôi lấy vợ. Bà muốn dẫn tôi đi xem mắt một cô gái, con một bà bạn mà tôi chưa thấy mặt lần nào. Bà hay nhắc đến câu « thời buổi loạn lạc kéo dài, con trai phải lấy vợ cho yên thân ». Tôi chỉ ừ ào cho qua chuyện. Trong tâm trí tôi vẫn còn vương mắc những mảnh đời hoa bướm, chưa

thể quyết định một điều gì quá sớm. Cái tên Thérèse Radies vụt sáng trong ký ức qua những đêm dài nhảy nhót ở vũ trường.

Thỉnh thoảng tôi còn gặp nàng trên hè phố Sài Gòn.

— Đã có lần tôi tính chuyện lập gia đình với nàng nếu bà mẹ tôi không can ngăn.

— Mày lấy gái nhảy hả? muốn lấy thì cứ lấy nhưng đừng ở gần tao.

Bà mẹ tôi thật khó tính. Thế là ảo vọng của tôi tan vỡ. Chiều hôm nay — thứ bảy, không thấy tôi đi đâu, bà cụ có vẻ ngạc nhiên lắm — Bà không ngờ tôi lại chịu nằm dài ở nhà đọc báo, đọc cả những giòng quảng cáo lãng nhãng — Như thương hại, bà đi pha cho tôi một ly bột đậu xanh uống cho mát. Tôi đang định châm thuốc hút thì tiếng chuông reo từ ngoài cửa. Tôi vội vàng ra ngoài. Hạnh xuất hiện đột ngột trước mắt tôi. Nàng mặc chiếc áo màu tím sẫm, nét mặt hơi bối rối, mặc dầu nàng cố làm ra vẻ thản nhiên — Tôi mời Hạnh vào trong nhà. Bà mẹ tôi sửng sốt, chăm chú nhìn nàng. Tôi vội vàng giới-thiệu nàng là cô bạn gái quen biết từ lâu. Bà mẹ tôi như chợt nhớ ra hình ảnh của Hạnh mà có lần bà đã bắt gặp trong ví tôi và gạn hỏi về nàng.

Rồi bà bước lên gác, để cho hai chúng tôi nói chuyện với nhau.

— Bây giờ anh có rồi đi với em.

Một ý nghĩ thoáng qua. Tôi đoán có chuyện gì đã xảy đến cho Hạnh. Nhưng tôi vẫn vui vẻ nghe theo nàng.

— Anh sẵn sàng theo ý Hạnh. Nhưng Hạnh định đi đâu hay là chúng mình đi xem xi-nê.

Hạnh cười nói :

— Không. Em không đi xem xi-nê đâu. Và lại hồi này không có phim gì hay — Toàn là chuyện gián điệp xem đến rùng mình. Em định rủ anh xuống nghĩa trang Bắc Việt.

— Xuống dưới đó làm gì? Tôi kinh ngạc nhìn Hạnh. Nàng trấn tĩnh tôi ngay.

— Thăm mộ cậu em trai. Đã lâu em không xuống dưới đó, mà đi một mình thì em ngại quá.

Tôi gật đầu trước câu nói hồn nhiên của Hạnh. Ánh nắng buổi chiều thứ bảy đẹp tuyệt. Không khí thật nhẹ nhàng, không nặng nề như những buổi chiều hực nắng.

Chúng tôi đón taxi xuống nghĩa-trang. Hạnh đã mang sẵn một bó hoa hồng đỏ tươi trong chiếc làn xách tay. Nàng yên lặng không nói. Đôi mắt nàng chứa đựng một điều gì yếu đuối, bí ẩn, chưa thể nói ra trong lúc này.

Rời khỏi taxi, chúng tôi đi vào trong nghĩa-địa, theo con đường có bóng thông chạy dài. Hạnh đứng dừng trước nấm mộ của người em trai — Nàng đặt bó hoa hồng trên mộ, lâm râm nói :

— Em hãy giúp chị được bình tâm. Chị đang bối rối vô cùng. Cuộc đời chị sắp tới một khúc rẽ quan trọng.

Tôi thấy Hạnh có vẻ cảm động sâu xa. Nàng kéo tôi ra một gốc thông ngồi. Trong nghĩa địa hoàn toàn vắng vẻ. Bóng mát tràn ngập quanh chúng tôi. Hạnh nắm chặt bàn tay tôi, giọng nói ân cần, âu yếm khác thường :

— Nếu xa em, anh có còn giữ các kỷ niệm của em không?

— Sao lại không? Nhưng mà có chuyện gì thế? Anh thực khó hiểu.

Tiếng nói của Hạnh bỗng hạ thấp bên tai tôi :

— Có lẽ đây là buổi chiều cuối cùng em được gặp anh.

Hạnh ngả đầu vào vai tôi, tóc nàng buông xõa xuống. Đôi môi mọng đỏ, đợi chờ. Tôi cúi xuống hôn Hạnh, thần thờ hỏi :

— Rồi em đi đâu ?

— Em sắp lấy chồng, người mà em chưa từng yêu, hoặc chẳng thấy yêu, nhưng mà vẫn phải lấy anh ạ.

— Thực là mâu thuẫn.

— Gia-đình em muốn như thế. Hạnh cầm lấy cành thông cong queo, bẻ vụn ra, nói một mình : — cuộc đời em không thể tự định đoạt. Đành chịu, em chẳng biết làm thế nào hơn — Nhưng mà em vẫn nhớ đến anh. Có lẽ chẳng bao giờ em quên được anh.

Tôi định hỏi Hạnh một câu để tìm hiểu thái độ nàng đối với tôi, xem nàng có thực yêu tôi không — Nhưng tôi chợt hiểu câu hỏi này hơi thừa, nếu chỉ để biết câu trả lời của nàng mà thôi. Buổi chiều như chậm lại — Tôi châm thuốc hút — suy nghĩ lan man. Hình bóng Hạnh như đang chạy trốn khỏi tôi. Tình yêu không còn là sự chiếm đoạt nữa, mà chỉ còn là một kỷ-niệm. Cái không khí trong nghĩa-địa thật buồn. Những năm mồ quá cô-đơn. Hạnh đã dẫn tôi tới đây, tưởng như không còn gì mơ ước ngoài sự yên nghỉ. Tôi đắm đuối nhìn Hạnh, không thấy còn lời nào để nói với nàng. Hình như nàng đã khóc trong lúc tôi suy nghĩ. Giọt nước mắt của nàng thấm lọt môi tôi, mặn nồng da diết. Hạnh thú nhận nàng đã khóc thực sự hai lần : một lần tiễn biệt người em trai đi vào cõi chết và lần này — trước khi nàng lấy chồng.

Ra khỏi nghĩa trang, tôi kiếm taxi đưa nàng về tận nhà — Mắt tôi bỗng hoa lên với những kỷ niệm. Người con gái

nói giọng Hànội, khuôn mặt Hànội, tình yêu rất Hànội, đôi mắt trong sáng, mũi tóc, mũi da nàng quấn quít lấy tôi trong những buổi chiều sòng đôi. Buổi chiều này sắp chôn vùi những kỷ niệm ấy, và sắp chìm tắt trong cái không khí loãng nhạt. Tất cả chỉ còn là ảo ảnh cũng không còn nữa.

oOo

Một ngày đẹp đã trở lại trong thành phố.

Ngồi trong một quán cà phê, đầu đường Lê-Lợi, tôi mở tờ báo ra đọc, thấy tin vui của Hạnh nơi trang bốn bên cạnh những tin thật buồn — Tôi chợt nghĩ đến đám cưới của Hạnh, đến những ngày tháng chiến tranh kéo dài. Một hi vọng loé sáng trong óc tôi, cái hi vọng được sống yên ổn, gặt gùi gia đình sau những cuộc xê dịch phiêu lưu bất trắc. Bây giờ tôi mới nhìn lại rõ căn nhà mà bà mẹ tôi đang ở, nơi chốn tôi trưởng thành và nơi chốn tôi đang ngồi ở đây, giữa những ồn ào của thành phố cổ vươn dậy sau những đờ nát. Còn hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa tôi sẽ phải ra phi trường, đến một chân trời xa lạ Lại một chuyến đi khác. Chẳng hiểu những chuyến đi của tôi sẽ còn đưa tôi đi tới đâu nhưng cũng cứ phải đi. Tôi uống cạn cốc bia, trả tiền xong rồi đi đến một tiệm bán các mỹ phẩm — Tôi chọn một vật kỷ niệm gửi đến cho Hạnh. Buổi trưa có nhiều mây đen. Tôi vội vàng đến nhà Hạnh nhưng không gặp nàng. Tôi để lại tấm danh thiếp, kèm theo món tặng phẩm, với hàng chữ rất tiếc không thể tham dự đám cưới của nàng.

Sáng hôm sau, mặt trời chưa mọc, tôi đã có sẵn ở sân bay — Cái không khí

chiến tranh lại hiện rõ trước mắt tôi. Cuộc chiến tranh này định đoạt cả cuộc đời mình, đất nước mình, trong đó có Hạnh, có tất cả — Tiếng máy bay rền hậm hực. Những cánh quạt quay tít trên khoảng trống, thổi dạt cả đám cỏ dại phía dưới. Tôi đã ngồi trên phi cơ cùng những bạn đồng hành — Phi cơ bốc lên cao, lên cao mãi, lướt qua những mái nhà mốc xám, những khu phố đông đảo, những con đường đầy xe và người qua lại. Ánh nắng đã chầy trằn ở phía dưới — một thành phố đang sống dậy

với nhiều cái đẹp và cái xấu của nó. Tối thấy hình như máy bay đã bay qua nghĩa trang, nơi người em trai của Hạnh đang nằm yên dưới mộ, bay qua căn nhà mà bà mẹ tôi đang ở và có thể đã bay qua cả căn nhà của Hạnh. Tự dưng tôi day dứt với cái ý nghĩ già từ thành phố, già từ tình yêu và thấy mảnh đất ở phía dưới như muốn níu kéo tôi lại, mảnh đất mà tôi từng phải nhỏ máu trong những ngày biến động đã qua.

NGUYỄN-ÁI-LỮ

SÁCH MỚI CỦA THỜI MỚI

* Tháng 9-1968

TRIẾT HỌC HIÊN SINH

của *Trần-Thái-Đĩnh* in lần thứ hai

* Tháng 10-1968

ĐẾ THIỆN ĐẾ THÍCH

của *Nguyễn-Hiến-Lê* — cuốn du ký đầu tiên xuất bản tại Việt-nam từ sau Đế nhị Thế chiến

* Tháng 11-1968

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI

của *Nguyễn-văn-Xuân* — những nhận định bất ngờ nhất mới lạ nhất về nền văn học miền nam Việt-nam.

* Tháng 12-1968

CHÚNG TA ĐI VỀ DÂU

của *Đoàn-Nhật-Tấn* — một cố gắng tư tưởng căn cứ trên khoa học hiện đại nhằm đáp ứng một thách thức của muôn đời.

DÂNG HOA TRÊN NĂM MỒ

VÕ-QUANG-YẾN

Phóng tác theo « Flowers for Algernon » của
DANIEL KEYES

Tạp chí Flanete khi trình bày truyện ngắn này, bảo đây là một trong những đoản thiên tiểu thuyết cận đại vừa thông minh vừa cảm động nhất. Tiếp tục công tác của Claude Farrere đã đề cập đến vấn đề đau lòng của những người muốn đạt kiến thức, linh cảm về đẹp nhưng thiên nhiên đã hiến cho một bộ óc quá nhỏ. Daniel Keyes còn đi sâu hơn, làm cho đề tài mãnh lực hơn và phong phú thêm. Maurice Renaud, giám đốc tạp chí Fiction, đã tuyên bố năm 1959, khi Daniel Keyes vừa mới viết ra : « Truyện này một ngày mai đây sẽ được trích vào trong tất cả các văn tuyển ».

oOo

biên bản 1 ngày 5-3-1975

Ông dot tờ sanh bảo tôi nghĩ gì thì viết nấy và tác cả những gì xảy ra bắt đầu từ nay tôi không hiểu vì sao nhưng ông bảo là rất quang trọng và để xem thử có dùng tôi được không tôi ước-mong rằng được cô thư bảo có thể người ta làm cho tôi thành thông minh tôi rất muốn thành thông minh tôi tên là Nguyễn Văn Mười 37 tuổi và 2 tuần nữa là ngày sinh nhật của tôi.

biên bản 2 ngày 6-3.

Hôm nay người ta thử sức tôi tôi không tin đã thành công người ta sẽ không dùng tôi có một người trẻ tuổi vào trong phòng với nhiều tấm dấy trắng đầy véc mọt hỏi tôi thấy gì tôi bảo có thấy véc mọt ông ta ừ và tôi rất hài lòng nhưng khi tôi muốn đi ra thì ông kéo tôi lại bảo tôi ngồi xuống sau này tôi không còn nhớ rõ nhưng ông muốn tôi nói đã thấy gì trong véc mọt tôi chẳng thấy gì nhưng ông lại bảo có hình thù trong véc mọt và ai cũng thấy cả tôi thì chẳng thấy gì ông viết vài chữ trên đây và tôi sợ hỏng nên nói thêm có thấy một véc mọt và nhiều chấm xung quanh ông có vẻ buồn và tôi hiểu không phải vậy tôi xin ông thử lại một lần nữa tôi phải đợi một chút vì tôi hiểu rất chậm tôi đọc cũng rất chậm trong lớp của cô thư nhưng tôi cố gắng hết sức ông có bắc tôi thử với một tấm dấy khác với 2 véc mọt đỏ và xanh ông rất tử tế và nói thông thả như cô thư và giải nghĩa cho tôi biết đây là phép thử ro sat tôi không hiểu là gì ông bảo nhiều người thấy trong véc mọt và bảo tôi suy nghĩ tôi bảo tôi nghĩ đến một véc

mặt nhưng không phải thế tôi nhắm mắt rắc lâu đề tưởng tượng và tôi bảo thấy một cây viếc máy có mặt chảy tứ tung xuống chiếu ông liền đứng dậy đi ra tôi chắc hỏng mất cuộc thử thật là uổng.

biên bản 3 ngày 7-3.

2 ông đot tư sanh và nam bảo vếc mặt chẳng hề gì và có lẽ các ông cũng sẽ dùng tôi tôi bảo cô thư không khi nào thử tôi như vậy mà chỉ dạy tối đọc và viếc 2 ông bảo cô thư nói tôi là người học trò tốt nhất trong lớp ban tối dành cho người lớn vì tôi chịu khó học và cố gắng hết sức sau đó nhiều người mặc áo dài trắng đem tôi lại một căn nhà khát trong nhà thương và bảo tôi chơi chạy đua với một con chuột mà các ông đặt tên là an con chuột đựng trong một cái hộp có nhiều ngăn còn tôi thì các ông cho một cây viếc chì và một tờ giấy có vẽ hình một đặng có đề chữ khởi hành đặng kia chữ đích các ông bảo đấy là một mê lộ và an cũng như tôi có một mê lộ đồng nhau tôi không hiểu vì sao đồng nhau vì an thì nằm trong hộp còn tôi thì nằm mảnh dấy nhưng tôi chẳng nói gì vả lại cuộc đua bắc đầu có một người nắm một cái đồng hồ ông cố dấu không cho tôi thấy nên tôi chẳng nhìn với lại chỉ làm cho tôi thêm bồn chồn dù sao tôi ghét trò chơi này vì các ông bắt tôi lặp lại đến 10 lần với những mê lộ khác nhau và lúc nào an cũng ăn cuộc tôi không ngờ một con chuột lại thông minh như vậy an là một con chuột trắng có lẽ chuột trắng thông minh hơn các chuột khác.

biên bản 4 ngày 8-5.

các ông sẽ dùng tôi bị hỏi hỏi quá tôi viết rất khó khăn những dòng này 2 ông đot tư sanh và nam bắc đầu bàn cãi về tôi ông đot tư nam ngồi trong bàn dấy khi ông đot tư sanh dẫn tôi lại ông đot tư nam không muốn dùng tôi nhưng ông đot tư sanh bảo cô thư giới thiệu tôi là người học trò giỏi nhất trong các lớp của cô ta tôi thương cô thư lắm vì cô là một vị đạo sư giỏi cô bảo người ta sẽ cho tôi cơ hội trở nên thông minh nếu tôi chịu nhận thí nghiệm người ta không biết sẽ kéo dài bao lâu nhưng có thể lâu bền vì vậy tôi chịu nhận lúc trượt tôi sợ vì nghe nói phải khổ vì vậy tôi lại sợ khi nghe hai ông đot tư bàn cãi với nhau ông đot tư sanh bảo tôi có một cái gì tốt gọi là động cơ tâm lý tôi chẳng hiểu là gì nhưng tôi cũng tự kiêu vì không phải ai có một số thương trí tuệ 68 cũng có thể có một động cơ tâm lý tốt như vậy động cơ tâm lý của an là miếng bánh đề đầu hộp nhưng về phần tôi có lẽ là không phải vì suốt tuần nay tôi chẳng ăn bánh sau đấy ông đot tư sanh nói những gì tôi không hiểu tôi chỉ mang máng chớ lại như ông bảo nguyên văn mười tức là tôi chẳng phải hoàn toàn là con người siêu trí... tôi không nghe rõ hết câu như đot tư nam hằng mong nhưng phần lớn những người có trình độ tinh thần ngang hàng không chịu hợp tác... ông đot tư nam bảo lại nó sẽ là con người đầu tiên nhờ thủ thuật nhân gấp ba trí thông minh ông đot tư nam bảo đúng nói nó học đọc học viếc mau đổi với trình độ ấy thật là một cuộc thành công lớn như chúng ta học thuyết tương đối anh sit tanh một mình đây là một động cơ tâm lý rất lớn tôi chẳng hiểu gì vả lại các ông nói quá mau như tưởng ông đot tư sanh thì về phe tôi còn ông kia thì chống.

biên bản 5 ngày 10-3.

tôi sợ tim tôi đập mạnh từ sáng nay những người làm việc ở đây những cô khán hộ thường thử tôi bây giờ đem kẹo bánh lại cho tôi và chúc tôi may mắn tôi hi vọng gặp may tôi đem theo một lá bùa tôi hơi phiền là sáng nay một con mèo đen chạy ngang đường khi tôi lại nhà thương tôi hỏi đot tư sanh sau này mỗ xong tôi có thắng con chuột an không ông bảo có thể nếu công tác hoàn thành tôi sẽ cho nó biết tôi cũng thông minh như nó hay hơn nó nữa nếu lâu bền thì người ta có thể biến mọi người thành thông minh sáng hôm nay người ta chẳng cho tôi ăn tôi không hiểu vì sao ăn thì không thành thông minh được.

biên bản 6 ngày 15-3.

xong rồi chẳng đau đớn gì cả người ta đã mỗ tôi trong lúc tôi ngủ bây giờ người ta mở băng ở mắt tôi ra để tôi việc biên bản ông đot tư nam bảo tôi chữ biên không có gì tôi phải cố gắng nhớ chính tả khó quá ông đot tư sanh bảo tôi việc tất cả những gì xảy ra là hay nhưng nên việc nhiều về những gì tôi cảm thấy và những gì tôi suy nghĩ tôi bảo ông không biết làm sao để suy nghĩ ông bảo cứ thử đi khi người ta băng mắt tôi lại tôi thử suy nghĩ nhưng chẳng được gì tôi không biết suy nghĩ về gì có lẽ nếu tôi hỏi ông thì ông sẽ bảo bây giờ tôi suy nghĩ được vì tôi đã trở thành thông minh những người thông minh nghĩ gì chắc là những chuyện hay ho tôi muốn biết ngay những chuyện hay ho ấy.

biên bản 7 ngày 19-3.

Chẳng có gì lạ tôi tiếp tục những cuộc thử sức chạy đua với an tôi ghét con chuột này quá nó cứ ăn tôi hoài ông đot tư sanh bảo tôi phải chơi trò này luôn và một hôm bắt tôi làm lại cuộc thử với những vết mực véc mực thật vô lí quá hình ảnh cũng vô lí tôi muốn vẽ một người đàn ông hay một người đàn bà nhưng tôi không muốn đổi người.

biên bản 8 ngày 23-3.

tôi trở về đi làm ở sở họ bảo tôi nên trở về lại đi làm thì hơn nhưng chẳng nên nói với ai người ta đã mỗ tôi để tôi thành thông minh nhưng mỗi tối sau giờ làm việc phải ghé lại một giờ ở nhà thương họ sẽ trả lương cho tôi hằng tháng để tôi học thành thông minh tôi rất sung sướng trở về lại sở vì không thì buồn quá với các bạn tôi chơi đùa thật vui ông đot tư sanh bảo tôi phải tiếp tục việc nhưng không phải ngày nào cũng việc chỉ khi nào tôi có nghĩ gì lạ hay có gì bất thường xảy ra ông bảo đừng nên nản lòng mới thành công được ông bảo cũng phải lâu lắm mới cho an thành thông minh vì vậy nó ăn tôi luôn nó cũng đã được mỗ.

ngày 25-3.

từ nay tôi chẳng còn cần viết chữ biên bản chỉ trừ mỗi tuần một lần khi nào trao lại cho ông đot tư nam hôm nay ở sở vui quá thắng chánh bảo không biết bọn nó mỗ thắng mười ở đâu để cho nó thêm một chút trí óc tôi tính nói rõ nhưng nhớ lại lời dặn của đốc tư sanh nên lại thôi thắng phong thì bảo thắng

mười quên mất chìa khóa nên dùng sọt nó để mở cửa ai nấy đều cười vui quá bọn này thật là bạn thân và bọn nó thương tôi lắm.

ngày 28-3.

đot tơ sanh lại thăm tôi ở phòng tôi để hỏi tôi vì sao không lại nhà thương hai ngày nay tôi trả lời là vì không muốn chơi chạy đua với an ông bảo không muốn chơi cũng thôi nhưng cũng phải lại ông có dành cho tôi một cái quà nhưng không cho mà chỉ cho mượn tôi tưởng là một cái máy truyền hình nhỏ nhưng không phải ông bảo khi nào đi ngủ thì cho máy chạy tôi bảo ông điên hay sao mà lại cho máy chạy khi đi ngủ chưa bao giờ ai thấy như vậy ông lại bảo muốn thành thông minh phải nghe lời ông dặn tôi trả lời tôi không tin sẽ trở nên thông minh ông liền đặt tay lên vai tôi và nói anh mười anh chưa thấy nhưng anh đang thành thông minh chút nữa quên tôi hỏi ông khi nào tôi trở lại đi học với cô thư ông trả lời không cần đi nữa vì cô thư đến ngay nhà thương để dạy riêng cho tôi.

ngày 29-3.

cái máy khó chịu quá rằm rì suốt đêm không cho tôi ngủ mà làm sao ngủ được khi nó cứ thủ thỉ mãi bên tai cả hình ảnh nữa cũng thật là vớ vẩn kì quá đứng xem còn không hiểu nữa huống là ngủ thì hiểu làm sao được đot tơ sanh bảo cứ yên tâm vì óc não tôi học khi tôi ngủ và sẽ giúp nhiều sau này học với cô thư ở nhà thương thật ra là một phòng thí nghiệm tôi thì tin là toàn đồ đảm dí nếu người ta ngủ mà thành thông minh được thì tại sao phải đi học ở trường tôi không tin sẽ thành công tôi phải đi xem máy truyền hình nhiều mới mau thành thông minh được.

biên bản 9 ngày 3-4

bác sĩ sanh bày cho tôi cách vặn máy nhỏ lại và bây giờ tôi ngủ được tôi không còn nghe gì hết và tôi cũng chẳng hiểu gì ráo nhiều buổi sáng tôi lại cho máy chạy để xem tôi đã học gì trong đêm mà không biết cô thư thì bảo có lẽ là một tiếng nói khác hay một cái gì khác tôi bảo bác sĩ sanh thông minh làm gì khi ngủ tôi muốn thông minh khi thức dậy ông bảo cũng giống nhau và tôi có hai trí thức tiềm thức và tâm thức nếu tôi không làm cái này bảo cái kia phải làm gì tuy chúng chẳng nói chuyện với nhau vì vậy tôi nằm mơ những gì bậy bạ nhất là từ ngày chiếc máy chạy trong phòng tôi quên hỏi bác sĩ ai cũng có hai trí thức hay chỉ tôi mà thôi sao mấy hôm nay tôi đau đầu quá mấy thằng bạn tôi ở sở cứ rủ tôi đi uống rượu tôi ít thích nhưng bọn nó cứ rủ hoài và thật ra cũng vui thằng chánh bảo tôi biểu tôi biểu diễn cho bọn con gái xem tôi chúi cầu tiêu như thế nào và nó chạy đi tìm một cái chúi ai cũng cười thật là vui tôi nóng lòng muốn mau thành thông minh như thằng chánh thằng phong.

ngày 6-4.

tôi thắng con chuột lúc đầu tôi cũng không biết cho đến lúc anh bình nói cho tôi hay anh bình là người thường thử sức tôi nhưng lần thứ hai run rẩy và quá hấp tấp tôi bị thua nhưng sau đấy tôi thắng luôn 8 lần nữa tôi chắc đã

bắt đầu thành thông minh mới thắng được một con chuột giỏi như an tuy vậy tôi chưa cảm thấy thông minh tôi còn chơi chạy đua với an nữa nhưng anh bình bảo hôm nay đủ rồi anh cho tôi cầm an trong tay một phút con chuột này hiền lắm mịn như bông gòn nó nhấp nháy hai mắt và khi mở to thì trở thành đỏ và đen ở hai mí tôi hỏi có thể cho nó ăn không anh bình bảo không vì an là một con chuột rất đặc biệt đã được mỗ như tôi và nó là con vật đầu tiên giữ tính thông minh được lâu như vậy anh ta còn bảo an thông minh đến nỗi mỗi ngày người ta thay một phép thử mới và an phải giải quyết xong mới được ăn giống như một cái cửa có chìa khóa mà chìa khóa thay luôn nên phải tìm cho ra chìa khóa mới mới được ăn tôi cũng buồn cho nó nếu ngày nào nó không tìm ra thì phải nhịn đói tôi không cho là công bằng khi bắt người ta thử sức mới được ăn bác sĩ nam sẽ bảo sao nếu ông cũng phải làm như vậy mới được ăn tôi tin tôi sẽ thành bạn thân với an.

ngày 9-4.

tối hôm nay sau giờ làm việc cô thư lại thăm tôi ở phòng thí nghiệm cô có vẻ bằng lòng nhưng còn áy náy tôi bảo cô cứ an tâm tôi chưa thành thông minh đâu và cô cười chúng tôi cùng đọc chung một cuốn sách rất khó chưa bao giờ tôi đọc một cuốn sách khó như vậy đây là chuyện rô binh sơn chuyện một người bị lạt vào một hoang đảo anh ta rất thông minh và chế biến tài tình để có nhà ở và cơm ăn và anh ta bơi lội cũng rất giỏi nhưng tôi buồn cho anh ta phải cô đơn một mình không có bạn bè bà gì hết nhưng tôi chắc sẽ có ai trên đảo vì tôi thấy một cái hình vẽ một người đang cần dù xem một vết chân tôi mong anh bạn để hết lui thúì một mình.

Ngày 10-4.

Cô Thư dạy tôi nhiều về chính tả nhất là hỏi ngã, đến nay tôi chỉ viết toàn dấu hỏi. Cô bảo tôi nhìn một chữ, nhắm mắt rồi lặp đi lặp lại cho đến lúc nào nhớ. Cô cũng dạy tôi chấm câu và viết hoa.

Ngày-14-4

Đọc xong cuốn Rô binh sơn. Tôi muốn biết sau này anh ta làm gì nhưng cô thư bảo thế là hết. Vì sao.

ngày 15-4.

Cô Thư bảo tôi học sáng. Cô có đọc vài biên bản của tôi và nhìn tôi chăm chú Cô bảo tôi giỏi và tất cả mọi người sẽ ngạc nhiên. Tôi hỏi tại sao. Cô bảo không quan hệ gì và tôi đừng nên nản lòng nếu thấy mọi người không tử tế như tôi thường tưởng. Cô còn bảo một người ít được tạo hóa cưng nuông như tôi đã làm hơn nhiều người có đầu óc mà không biết dùng làm gì.

ngày 16-4.

Hôm nay, tôi học, dấu phết, nghĩa là, một cái chấm, thêm dưới, một cái đuôi, cô Thư bảo, rất là quan trọng, dấu chấm, một mình, không đủ, và nhiều khi, có thể mất nhiều tiền bạc, nếu đặt sai, dấu phết, tôi không hiểu, tại sao, dấu phết, có thể, làm mất, tiền bạc dù sao, cô bảo, nên dùng, thì tôi cũng dùng.

Ngày 17-4

Cô Thư bảo tôi đánh quá nhiều dấu phết. Cô giảng cho tôi cách dùng dấu phết. Ngoài ra còn có nhiều dấu nữa cũng cần phải biết như dấu than, dấu hỏi. Tôi rất lấy làm lạ ! là các dấu này không có đuôi ? như dấu phết. Lại thêm có những dấu ; mở ngoặc (đóng ngoặc) dấu kép, dấu « chấm phết »,... lẫn lộn đủ thứ mà muốn dùng cho đúng ? phải học những điều luật ! Nhiều điều phải « học » quá ; (may thay, cô Thư có đẩy và chăm lo cho tôi). Tôi rất mong mau được thông minh như cô Thư ? !

Ngày 18-4.

Lôi ngu quá, chấm câu, dùng dấu có khó gì đâu ! Cô Thư đã giảng cho tôi suốt tối hôm qua mà tôi không chịu hiểu ngay. Đến khuya, đang ngủ, thức giấc dậy thì bao nhiêu điều luật đều rập vào óc não cả. Cô Thư bảo máy đã dạy cho tôi đấy. Khi đã hiểu cách chấm câu, dùng dấu, tôi liền đọc lại những biên bản của tôi viết trước kia : Trời ơi ! Tôi đã viết suốt một mạch, không chấm, không phết gì cả. Tôi muốn sửa lại nhưng cô Thư bảo bác sĩ Nam đề yên như vậy để tôi xem tiến triển của tôi (chữ này khó hiểu nhưng cô Thư bảo sau này tôi sẽ hiểu thêm). Dù sao cô bảo tôi tiến nhanh lắm và tôi hết sức phấn khởi. Học xong, tôi xuống chơi với An nhưng chỉ vuốt ve thôi chứ không chơi chạy đua như lúc trước nữa.

Ngày 20-4

Hôm nay tôi mệt quá, không hiểu vì sao. Hôm qua hai thằng Chánh và Phong lại rủ tôi đi chơi với chúng cùng một bọn trẻ nữa. Tôi không chịu uống rượu như mấy lần trước, bọn nó gọi cho tôi một ly nước cam. Miệng tôi không biết có gì, tôi cảm thấy nước cam có mùi vị là lạ. Sau đấy, thằng Chánh bảo tôi ra làm trò hề cho bọn nó xem. Tôi chưa biết tính sao thì cả bọn nhìn tôi và phá lên cười. Ngay thằng Phong là bạn thân của tôi cũng chỉ tay vào mặt tôi và bảo : « Nó đỏ như cà chua ! » Tôi thẹn quá, lại đau bụng nữa, liền chạy ra ngoài mưa và thằng luôn về nhà. Vì sao từ trước tôi không hề để ý thằng Chánh, thằng Phong và cả bọn đều muốn giễu cợt tôi, phỉ báng tôi. Tôi thẹn quá và buồn quá !

Biên bản 10. ngày 21-4.

Hôm nay tôi cũng còn ở nhà. Tôi đã bảo bà chủ nhà trọ lại báo cho ông chủ sở hay. Lâu nay bà cứ nhìn tôi một cách lạ lùng, như tưởng bà sợ tôi.

Từ ngày thấy bạn bè giễu cợt tôi, tôi đã suy nghĩ nhiều. Vì tôi ngu si nên trước kia tôi cũng chẳng biết tôi đã có những cử chỉ lỗ lã. Mọi người thì lại thích thú thấy một kẻ ngu si không làm được việc như họ. Dù sao, bây giờ tôi càng ngày càng thông minh. Tôi biết chấm câu, tôi biết dùng dấu. Tôi viết gần đúng hết chính tả. Tôi học thêm vô số chữ mới. Lắm lúc tôi hiểu và nhớ nhiều điều tôi đọc. Có khi tôi nhắm mắt và thuộc ngay cả một trang sách. Thêm vào sử ký, địa dư, số học, cô Thư nói sẽ dạy thêm cho tôi vài sinh ngữ. Bác sĩ Sanh có soạn thêm vài băng từ tính khác để cho máy chạy trong lúc tôi ngủ. Tôi chưa hiểu rõ vấn đề tiềm thức, tâm thức, nhưng bác sĩ bảo đừng có vội lo. Ông cũng

bảo tôi hứa đừng có vội đọc sách về tâm lý học trước khi học đến trình độ trung học, tức là tuần sau, và phải đợi ông cho phép.

Hôm nay tôi thấy khoan khoái tuy trong lòng còn bận về nỗi mọi người nhạo báng tôi vì tôi đã quá ngu si. Khi nào tôi sẽ thành thông minh như bác sĩ Sanh đã bảo, nghĩa là nhân ba số thương trí tuệ 68, tôi sẽ giống mọi người và khi ấy mọi người sẽ tử tế với tôi.

Tôi cũng chưa hiểu rõ số thương trí tuệ là gì, Bác sĩ Sanh có khi gọi là Q.I. Dù sao số thương của tôi rồi đây sẽ vượt quá 200. Tôi không muốn nói nhưng tôi không hiểu bác sĩ Sanh làm sao biết được nó sẽ vượt 200 nếu ông không thấy nó nằm đâu ! Bác sĩ Nam bảo ngày mai tôi phải thử lại phép Rorschach. Tôi không hiểu là thử gì.

Ngày 22-4.

Bây giờ tôi biết phép thử Rorschach là gì. Tôi đã có được thử phép này trước lúc được mở : những vết mực ! Người điều khiển phép thử vẫn là người trước kia.

Tôi sợ ghê gớm những vết mực này. Tôi biết trước người ta sẽ hỏi tôi đã thấy hình ảnh gì và tôi cũng biết trước tôi sẽ không thấy gì cả. Tôi nghĩ nếu có cách nào thấy được hình ảnh cất dấu bên trong thì hay biết bao. Rất có thể chẳng có gì ráo. Rất có thể đấy chỉ là một cái bẫy để xem tôi có là ngu si không nếu tôi nhất định kiểm cho ra một cái gì không có ! Chỉ nghĩ đến thôi tôi đã nổi cáu với người điều khiển phép thử.

— “ Anh Mươi, anh đã thấy những tấm giấy này rồi, anh có nhớ không ? ”

— “ Lẽ tất nhiên là tôi nhớ ”

Nghe tôi lên giọng, ông ta biểu ngay là tôi nổi giận và tỏ vẻ ngạc nhiên.

— “ Vâng, vậy thì bây giờ anh nhìn kỹ xem. Anh thấy gì ? Những vết mực có hình thù gì ? Mỗi một người thấy một cách khác nhau, nhưng phần anh, anh nghĩ gì ? ”

Tôi giận quá. Tôi không dè ông ta lại hỏi tôi như lần trước.

— “ Ông muốn nói không có hình nào dấu sau các vết mực này ? ”

Ông ta chau mày và hạ kính xuống.

— “ Anh bảo sao ? ”

— “ Hình-thù-cất-dấu-các-vết-mực. Lần trước rồi, ông bảo tôi ai cũng thấy được và ông cũng muốn tôi tìm cho ra ” .

Ông ta liền giảng cho tôi lần trước ông ta cũng đã dùng những chữ tương tự. Tôi không tin và vẫn nghi ngờ ông ta bẫy tôi để chơi. Nhưng... — tôi cũng không hiểu nữa có lẽ tôi đã ngu si đến nước ấy chẳng ?

Tôi cùng ông ta thông thả nhìn từng vết mực trên những mảnh giấy. Đây một con dơi đang kéo một cái gì. Đây hai người đang đánh kiếm với nhau. Tôi tưởng tượng vô số hình. Tôi chắc là tôi có thể cho trí tưởng tượng của tôi lối cuốn tôi để

dàng. Nhưng tôi hết còn tin cậy ở người điều khiển phép thử. Trong lúc ông ta biên chép, tôi liếc nhìn trên góc giấy. Chữ viết toàn ám hiệu, tương tự như sau :

WF + ADdf — AD orig. WF — ASF + obj.

Cuộc thử này theo tôi không có đầu đuôi gì cả. Tôi tin là ai cũng có thể tưởng tượng ra những hình thù mà chính mắt mình chẳng thấy. Làm sao ông ta biết được nếu tôi bịa đặt ra những hình mà tôi đã tưởng tượng? Chắc rồi phải đợi khi nào bác-sĩ Sanh cho tôi đọc mấy cuốn sách tâm lý học tôi mới hiểu được.

Ngày 25-4.

Ở sở tôi tưởng tượng ra được một cách sắp đặt các bộ máy và ông giám-đốc nói có thể tiết kiệm nhân công, đồng thời tăng gia sản xuất, số tiền lời lên đến mấy chục ngàn đồng. Ông thưởng cho tôi 25 đồng.

Tôi muốn mời hai thằng Chánh và Phong đi khao nhưng thằng Chánh phải đi chợ cho vợ nó còn thằng Phong thì bảo đã có người mời nó đi ăn rồi. Tôi tin là phải một thời gian chúng mới quen được với những thay đổi ở tôi. Như tưởng ai cũng có vẻ sợ tôi.

Ngày 28-4.

Tôi không hiểu vì sao đến nay tôi không hề đề ý là cô Thư rất đẹp. Mắt cô đen nhánh, tóc cô rất mịn xỏa xuống tận vai. Mà cô chỉ có 34 tuổi! Có lẽ lúc đầu tôi có cảm tưởng cô là một thiên tài không làm sao với thấu và cô rất, rất già. Bây giờ mỗi lần gặp cô, tôi lại thấy cô trẻ lại và đẹp thêm.

Chúng tôi ăn cơm chung và trò chuyện rất lâu. Khi cô bảo tôi tiễn triền rất lạnh và không bao lâu tôi sẽ bỏ xa cô, tôi phì cười.

— « Thật vậy, anh Mùì. Anh đã đọc sách giỏi hơn tôi. Anh đọc một trang sách trong chớp mắt, trong lúc tôi vừa mới đọc được vài hàng. Anh nhớ rõ từng chi tiết những bài anh đọc, tôi thì đã sung sướng nếu nhớ được những nét đại cương. »

— « Tôi không có cảm tưởng đã thành thông minh. Còn có biết bao vấn đề mà tôi không hiểu ! »

Cô rút một điều thuốc và tôi thắp cho cô.

— « Cần phải kiên nhẫn. Trong khoảng vài ngày, vài tuần, anh đã học những điều mà một người thường phải mất một nửa đời mới học hết. Đây chính là chuyện huyền diệu. Bây giờ anh giống như một thứ bột biển không lồ thu hút mọi chuyện, sự kiện, con số, kiến thức. Ngày mai anh sẽ cho kết hợp với nhau, anh sẽ hiểu vì sao những ngành học vấn đều liên quan với nhau. Có nhiều nấc như trên một chiếc thang không lồ, anh sẽ càng ngày càng lên cao, càng phóng tầm mắt ra xa để nhìn xem thế giới xung quanh. »

Tôi thì chỉ thấy được một khoảng nhỏ và không lên cao được nữa, còn anh thì tiếp tục lên cao mãi và anh sẽ khám phá ra những chân trời mới lạ mà ngay bây giờ anh cũng không nghi ngờ sự hiện hữu ».

Cô chau mày rồi thông thả tiếp.

— « Tôi chỉ cầu mong... tôi đã không làm lẫn khi khuyên anh dẫn thân vào con đường này ».

Tôi phá lên cười.

— « Có thể được sao? Vậy thì công tác hoàn thành phải không cô? Con chuột An cũng vẫn thông minh luôn đấy chứ! »

Sau đấy chúng tôi ngồi yên lặng khá lâu và tôi biết cô Thư đang nghĩ gì. Tôi không muốn nghĩ nhiều hơn về khả năng ấy những người già nghĩ về sự chết. Tôi biết trước đây chỉ là một sự bắt đầu. Tôi hiểu cô Thư muốn nói gì về các nấc thang vì chính tôi cũng đã bước lên một vài nấc. Khi nghĩ phải để cô lại đằng sau tôi rất buồn.

Tôi yêu cô Thư.

Biên bản 11. Ngày 30-4.

Tôi thôi làm ở sở. Ông chủ giảng cho tôi biết tôi nên rời sở để cho mọi người được yên. Tôi đã làm gì mà mọi người đều ghét tôi như vậy? Lần đầu tiên tôi cảm thấy là khi ông chủ đưa cho tôi đọc tờ thỉnh nguyện. 840 tên, chỉ có một cô bạn gái, Nhàn, là không chịu ký. Tất cả đều muốn đuổi tôi.

Cả thằng Chánh, thằng Phong cũng không nói một tiếng nào với tôi. Chỉ có Nhàn chịu lại giảng vì sao cô ta không chịu ký, mặc dầu bị ép bức và dọa nạt.

— « Dù sao, tôi cũng không hiểu một hiện tượng lạ lùng gì đã xảy ra nơi anh. Tôi thấy hết sức khó xử trước những thay đổi ở anh. Trước kia anh là một người dễ thương, dễ tin, có thể không lanh trí nhưng thật thà. Ai biết anh đã làm gì mà mau trở nên thông minh như vậy. Ai cũng đồng lòng là có một chuyện gì bất thường ».

Một lần nữa tôi thấy thẹn bên trong. Sự thông minh đã đào một hố sâu giữa tôi và những người mà tôi biết và mến đã từ lâu. Trước kia chúng cười tôi, khinh tôi vì tôi ngu dốt, đần độn, bây giờ chúng ghét tôi vì những kiến thức, trí hiểu biết của tôi. Trời ơi, tôi biết làm sao bây giờ?

Người ta đuổi tôi ra khỏi sở. Bây giờ tôi cảm thấy lẻ loi hơn lúc nào hết.

(Còn tiếp 1 kỳ)

VÕ-QUANG-YẾN

SÁCH MỚI CỦA THỜI MỚI

- * Tháng 9 - 1968 : **TRIẾT HỌC HIỆN SINH**
của Trần Thái Đĩnh
- * Tháng 10 - 1968 : **ĐẾ THIÊN ĐẾ THÍCH**
của Nguyễn Hiến Lê
- * Tháng 11 - 1968 : **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI**
của Nguyễn Văn Xuân
- * Tháng 12 - 1968 : **CHÚNG TA ĐI VỀ ĐÂU**
của Đoàn-Nhật-Tấn.

năm năm dòng sông thơ

Thơ TRẦN-HUIỀN-ÂN

Năm năm qua bây giờ em gửi lại
Bài thơ cho anh soi bóng thời gian
Vườn nhà em mấy mùa thay hoa trái
Và phương anh bao lớp lá non ngàn
Mình xa nhau xin đo bằng kỉ niệm
Đường dài thêm khi bóng đổ ngược chiều
Dù đôi tay vương mang đầy đao kiếm
Lòng thăm buồn trong giấc nắng hoang liêu
Năm năm qua chưa mòn phai trí nhớ
Dòng sông thơ len bước khắp muôn miền
— Bờ nhân thế những nay bồi mai lở
Ngọn đỉnh trời che dĩ vãng thần tiên —
Ở nơi đó biết bao người gục ngã
Những chàng trai hoài bão ấm tay choàng
Những cô gái nụ cười thơm sóng mạ
Những cụ già tuổi tác nặng vai mang
Cả những đứa em chưa tròn tiếng nói
Trang vở đầu mơ nét chữ a b
« Đất nước này em chưa hề đòi hỏi
Điều riêng tư trên mỗi bước đi về » *
Đã chết đi cho bom cười đạn réo
Cho xóm làng là gạch nát nền hoang
Cho đồng xanh giờ khô vàng cỏ héo
Cho thân yêu còn lại nổi kinh hoàng
Cho bà con nhìn nhau bằng sợ hãi
Tay nắm tay nào dám nghĩ tình thương
Hồn ngơ ngẩn quên điều hay lẽ trái
Ôm đói nghèo như da bọc lấy xương
Vì thư em xin quay đầu phản xét
Dòng sông thơ lênh láng máu tuôn trào
Từ trôi giạt vào miền trường giá rét
Dáng thù lam vẫn hiện giữa chiêm bao

* Quang-Hoài

Thời-sự thế-giới

TỪ-TRI

Trong những tuần vừa qua tình hình thế giới không có một sự kiện mới lạ nào đáng chú ý. Tuy nhiên các đề mục chính của thời-sự thế-giới vẫn tiếp tục giữ một vị trí quan trọng trong đời sống chính trị quốc tế.

Tại Hoa-kỳ cuộc tranh cử Tổng-thống đã tiến dần tới giai đoạn chót. Trong khi đó tại Âu-châu vụ Nga chiếm đóng Tiệp-khắc đã là một thực trạng mà thế giới phải chấp nhận. Và sau cùng tại Á-châu, bang giao giữa Phi-luật-tân và Mã-lai đang ở trong tình-trạng căng thẳng.

Mỹ-châu : Cuộc tranh-cử Tổng-thống Hoa-kỳ tiến dần đến giai đoạn chót

Cuộc tranh cử Tổng-thống Mỹ năm nay gay go nhưng thiếu phần hào hứng. Thật vậy người ta thấy cả hai ứng-cử-viên Humphrey và Nixon đều là những người không được dân chúng ưa thích. Một cuộc thăm dò dư luận đã cho biết 57 0/0 dân Mỹ muốn một ứng-cử-viên khác hai ông Nixon và Humphrey. Chỉ có 49 0/0 dân chúng đồng ý sự lựa chọn của hai đảng còn 46 0/0 tuyên bố thất vọng về sự lựa chọn này.

Nhưng dầu muốn dầu không, đến tháng 11 tới, cử tri Mỹ vẫn sẽ đi bầu để bỏ phiếu cho một trong hai ứng-cử-viên trên. Và các ứng-cử-viên cũng đã ráo riết vận-động để lôi cuốn lá thăm cử-tri.

Người ta nhận thấy ông Humphrey

đang ở vào một thế hoàn toàn bất lợi. Để hấp dẫn quần chúng, ông đã đưa ra nhiều luận-điều chủ-hoà tại Việt-nam. Ông đã tuyên bố là vào cuối năm 1968 hay đầu 1969 thì Mỹ sẽ rút quân về. Nhưng ngay hôm sau Tổng-thống Johnson đã phản ứng bằng cách tuyên-bố là không có một ai có thể tiên đoán được ngày Mỹ rút quân khỏi Việt-nam cả. Bị chính lãnh tụ đảng Dân-chủ phủ nhận, ông Humphrey đã hết sức lúng túng. Đảng Dân-chủ không còn đủ đoàn-kết để ủng hộ ông một cách hữu hiệu. Người ta còn cho rằng Tổng-thống Johnson trong thâm tâm muốn ông Nixon thắng để tiếp tục chính-sách cứng rắn hiện nay hơn là ông Humphrey thắng để có thể làm nguy hại tới chính sách này. Ông Mac Carthy tuy không lập đảng thứ tư nhưng cũng chối từ không ủng hộ ông Humphrey. Các đảng viên Dân-chủ miền Nam thì lại đi theo ông Wallace. Tình hình tranh cử của Humphrey nguy ngập đến nỗi Edward Kennedy đã phải bỏ mọi ty hiểm để nhảy vào cuộc tranh-cử, ủng-hộ Humphrey.

Ngoài ra, tình trạng hiện thời của Xã-hội Hoa-Kỳ cũng bất lợi cho Humphrey. Dân da đen nổi loạn đòi bình quyền, trật tự công cộng bị đe dọa, chiến tranh tại Việt-Nam không lối thoát, là những lỗi lầm mà người ta gán cho ông Humphrey và đảng Dân-chủ cầm quyền từ 8 năm nay.

Những tiểu công-chức, những thợ thuyền, những người đã được đảng

Dân-chủ giúp cho nâng cao mức sống, cũng rời bỏ Humphrey Trước đây khi chưa được hưởng lợi gì thì họ lại bỏ phiếu cho đảng Dân-chủ. Nay nhờ đảng Dân - chủ mà mức sống lên cao nhưng chính vì muốn duy trì mức sống đó nên giờ đây họ lại ủng hộ, hoặc đảng Cộng-hòa, hoặc đảng của Wallace. Thật vậy sau nhiều vụ lộn xộn năm 1967 và năm 68, thì 80 0/0 dân Mỹ coi là trật-tự và luật pháp ở Hoa-kỳ đang bị đe dọa và hy vọng rằng ông Nixon hay ông Wallace sẽ có thể văn hồi trật tự được.

Ông Nixon tuy không được dân chúng ưa chuộng hơn ông Humphrey nhưng vì có một đường lối rõ ràng nên ngoài các giới tư sản, cử-tri cổ-truyền của đảng Cộng-hòa, Nixon còn được các giới trung-lưu miền Bắc ủng hộ. Với ông, người ta tin rằng trật-tự sẽ được văn-hồi, pháp luật sẽ được tôn trọng hơn... Ông Humphrey biết như vậy nên đã tuyên-bố : « Không như ông Nixon, tôi ra ứng-cử Tổng thống chứ không ứng cử Cảnh - sát - trưởng (Shériff) ». Nhưng ông Humphrey cũng đã quên rằng chính đảng ông đã huy động tới 20.000 cảnh sát để đàn áp dân chúng khi Đại-hội đảng nhóm họp tại Chicago!

Vấn-đề xử-dụng cảnh-sát và tái lập trật-tự cũng được ông Wallace đặt ra trong chương-trình tranh cử của ông. Ông tuyên-bố là « đảng thứ ba » của ông sẽ văn-hồi trật-tự và ông đã được các nghiệp-đoàn ủng-hộ. Thành phần cử-tri ủng-hộ ông Wallace mạnh mẽ nhất là giới trung-lưu và giới tư-bản miền Nam.

Tuy nhiên thiện-cảm của cử-tri miền Nam cũng không đưa ông Wallace tới đắc cử vì phần lớn dân Mỹ đều không muốn một chính-sách kỳ-thị chủng-tộc. Vì vậy ta sẽ không ngạc nhiên nếu ông Nixon

đắc cử Tổng-thống và ông sẽ đắc cử với một đa số không quan-trọng.

Âu-Châu : Tại Tiệp-khắc Nga đã hoàn toàn làm chủ tình thế.

Hơn một tháng sau khi đem quân chiếm đóng lãnh-thổ Tiệp, giờ đây Nga đã gần như đạt được hết mục-tiêu. Thật vậy, chính-phủ Tiệp do ông Dubcek lãnh-đạo đã nhượng bộ hoàn toàn. Guồng máy chính-quyền Tiệp đã bị các « cố-vấn » Nga chi-phối. Nga tiếp tục thanh-trừng hàng-ngũ Cộng-đảng và chính-phủ Tiệp. Quốc-hội Tiệp đã nhóm họp để hủy bỏ mọi biện-pháp tự-do-hóa mà chính họ đã ban-hành từ nửa năm nay. Chế-độ kiểm-duyet được tái lập. Chính-phủ ra lệnh giải-tán các nhóm không cộng-sản. Thủ-tướng Tiệp đã ký với Nga một thỏa-ước kinh-tế có giá-trị 7 năm bắt buộc Tiệp-khắc phải bán cho Nga máy móc xe cộ, sản-phẩm biển-chế, và phải mua nguyên-liệu của Nga. Thỏa-ước này có mục - đích ngăn chặn mọi giao-thương giữa Tiệp-khắc và các quốc gia Tây-phương. Chính-phủ Tiệp cũng kêu gọi 60.000 người Tiệp lánh nạn ở ngoại-quốc trở về để kiến-quốc.

Như vậy mà Nga vẫn chưa thỏa-mãn. Các lãnh tụ điện Kremlin còn ra lệnh bắt giữ các nhà văn nhà báo đã ủng hộ phong-trào tự-do-hóa của Dubcek. Ngoài ra họ còn buộc ông Jiri Hajek, Tổng-trưởng ngoại-giao Tiệp, là người đã tố cáo Nga xâm lược tại Liên-Hiệp-Quốc, phải từ chức. Và hiện thời họ đang tìm cách ép tướng Svoboda, Chủ-tịch Tiệp-khắc, và ông Dubcek phải rút khỏi chính quyền. Nga còn dự tính đưa ông Gustav Husak, bí-thư đảng bộ Slovaque lên thay thế ông Dubcek.

Tuy nhiên, Nga chưa hoàn toàn làm

chủ được tình-thế, vì dân chúng và một số lớn các viên-chức Tiệp không chịu cộng-tác với chánh quyền chiếm đóng. Dân chúng đã tìm ra những phương pháp chống đối mới. Thay vì phá hoại hay chỉ trích, họ tỏ ra hết sức thân mật với lính Nga. Trong các cuộc nói chuyện thân mật này họ cố chứng minh rằng Nga đã xâm lăng Tiệp. Hàng ngày mỗi người lính Nga trên đất Tiệp đều bị những thanh niên Tiệp cùng lứa tuổi hỏi những câu như : Anh đến đây làm gì ? Mỗi ngày phải đối phó nhiều lần với câu hỏi này, một số lính Nga bắt đầu thấy lương tâm cắn rứt. Ngoài ra các thiếu nữ Tiệp cũng có một chiến thuật riêng. Họ ăn mặc khéo gợi, đi đi lại lại để quyến rũ lính Nga nhưng ngay khi lính Nga bắt đầu theo họ thì họ lại chạy vào trong vòng tay những thanh niên Tiệp, bạn của họ. Những phương pháp này khiến cho tinh thần quân-đội chiếm đóng bị khủng hoảng nhiều.

Về phần các viên chức, họ cố tìm mọi dịp để tỏ sự bất bình. Tại hội chợ ở Brno phái đoàn các nước có quân đóng tại Tiệp-khắc đều bị đón tiếp lạnh nhạt trong khi phái đoàn Tây-đức được tiếp đón thật nồng nhiệt. Cũng tại Brno khi Phụ-tá Ngoại-trưởng Nga là Kusnetsov tới dự một cuộc tiếp-tân thì điện bỗng nhiên bị cúp. Thị-trưởng Brno giải-thích là nhà đèn bị hư nhưng không ai tin.

Sự chiếm đóng của Nga ở Tiệp đã có một hậu-quả mới là Tây-Đức bị đe dọa. Viện cơ áp dụng điều thứ 53 và thứ 107 của Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc, Nga tuyên bố là có thể can thiệp tại Tây-Đức để loại bỏ mọi mầm chiến-tranh do các quốc-gia thuộc phe Hitler ngày trước gây lại. Chính-phủ Tây-Đức đã làm áp-lực để Hoa-thịnh-đốn phải có phản ứng.

Nhưng mặc dầu chính-phủ Mỹ đã tuyên bố là sẽ đem quân khởi Minh-trúc Đại-tây-dương phản công lại mọi hình-thức xâm lược của Nga, nhưng người ta vẫn thấy phản-ứng của Mỹ trước hành động của Nga tại Tiệp-khắc trước đây thực là yếu ớt. Do đó khó mà đánh tan được dư-luận cho rằng Mỹ cố tình để Nga tự do hành động tại Tiệp-khắc vì Mỹ coi đó là vùng thuộc ảnh hưởng của Nga.

Á-châu : Tình trạng căng thẳng giữa Phi và Mã

Tại Á-châu cũng có một cuộc xâm-lăng nhưng đây chỉ là một cuộc xâm lăng trên giấy tờ mà thôi. Thật vậy, Quốc-hội Phi đã biểu quyết một đạo-luật tuyên-bố là vùng Sabah nay thuộc về lãnh-thổ Phi. Vùng Sabah là một vùng phi-nhiều trước đây là một nhượng địa của Anh. Năm 1962 dân Sabah, trong một cuộc trưng-cầu dân-ý, đã tỏ ý muốn sáp nhập Mã-lai-á. Nhưng để lấy lòng 3 triệu cử tri Hồi-giáo trong nước, chính-phủ Manille đã chính thức đòi vùng đất này vì con cháu ông Hoàng Sulu, người đã chuyển nhượng Sabah cho Anh, cho rằng sự chuyển nhượng này bất hợp pháp.

Tổng-thống Phi Marcos, vì muốn được tái cử sang năm, nên đã chuẩn y đạo-luật của Quốc-hội. Tuy nhiên ông tuyên bố là luật này không đưa tới chiến tranh giữa hai nước.

Nhưng chính phủ Mã-lai-Á đã phản ứng mãnh liệt bằng cách đoạn giao với Phi. Tổng-thống Marcos đang có ý định gặp Thủ-tướng Mã-lai Abdul Rahman để giải quyết vấn đề. Trong khi chờ đợi cuộc gặp gỡ đó thì sự giao hảo giữa hai nước đang ở một tình trạng căng thẳng rất nguy hại cho tinh thần hợp tác của các quốc-gia Đông-Nam-Á.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Văn-hóa của người mặt mo.

Một chiến xa Nga-xô trong khi tiến chiếm Prague đã cán nát một chiếc xe du lịch do một phụ nữ Tiệp lái. Một bàn tay bí mật, sau đó, đã kẻ lên chiến xa Nga một hàng chữ : « Công-trình văn-hóa xô-viết. »

Trong khi ấy, tại trường đại học Charles, sinh viên viết lên tường như quảng cáo một chương trình văn nghệ : « Đại hội triển lãm vũ khí xô-viết, tại công trường Venceslas. Vào cửa tự do. Không bảo đảm ra khỏi cửa. »

Cuộc động binh của quân đội Nga-xô cũng do một lực lượng anh em tự-động giúp một lực lượng anh em, cũng do ý định lật đổ một chính phủ hợp pháp do dân bản xứ chọn lựa để thay thế bằng một chính phủ « hợp pháp » khác do nước anh em chỉ định. Hà-nội làm sao cầm lòng được ? Khen nức nở là phải chứ.

Hội họa, đồng hồ, và phụ nữ.

Vẫn chuyện Tiệp khắc. Hồi 11 giờ đêm 20 tháng 8, một chiếc phi cơ Nga xin phép hạ cánh xuống phi trường Brno của Tiệp, phi-cơ khai là chở du khách.

Phi-cơ được phép đáp xuống. Và thay vì đón du khách, dân Tiệp đụng đầu với lính Nga.

Tiếp theo chiếc phi cơ ấy, 180 chiếc khác nối đuôi hạ cánh. Lính Nga tiến vào thành phố. Họ trưng dụng xe cộ, do đó một người lái xe cam-nhông Tiệp kém hiểu biết bị bắn chết. Một chú bé khờ dại đã vẽ lên xe tăng Nga một hình chữ vạn của quốc-xã Đức : chú

bé cũng được lãnh một phát đạn về tài vẽ.

Trong lúc ấy, hai chiếc xe từ toà đại sứ Nga hướng dẫn một đoàn xe tăng kéo tới bao vây trụ sở Cộng đảng và Quốc-hội Tiệp. Máy bay thì bay trên trời rải truyền đơn xuống cho dân chúng Tiệp biết rằng Novotny mới là Tổng-thống hợp-pháp. Vậy những kẻ không hợp-pháp không đáng ngồi ở trụ-sở nhà nước và đảng : lính Nga hờm súng bắt họ đứng im, úp mặt vào vách, dơ hai tay đặt lên vách. Trong số người đứng úp mặt dơ tay không cựa quậy suốt nhiều giờ như thế, người ta nhận thấy có : đệ nhất bí-thư đảng, thủ-tướng chính-phủ và chủ-tịch quốc-hội Tiệp. Cuối cùng một số bị bắt mang đi, một số được thả về nhà vào xế chiều. Mấy ngày sau, tin tức lan tràn đồn rằng một số lớn các vị này bị mất đồng hồ.

Nạn mất đồng hồ xảy ra hơi nhiều cho nên người ta đọc thấy trên một số xe tăng xô-viết những giòng chữ sau đây được kẻ bí mật : « Chúng nó đây rồi, xin mau mau lột đồng hồ ra và dấu vợ đi. »

Hãng Tass loan tin cho người Nga hay : « Dân chúng (Tiệp) bình tĩnh và phần đông hân hoan chào mừng quân-đội ta đến đúng lúc để giúp đỡ họ đấu tranh chống các lực lượng phản cách-mạng. »

Trí thức, ông là ai ?

Một anh chàng nào đó học-hành qua loa viết được đôi ba cuốn sách vớ vẩn, đã được coi như người có văn-hóa. Nhất định chứ : văn-sĩ là nhà văn-hóa ; nếu anh ta khiêm nhường không nhận là « nhà văn-hóa », thì ít ra cũng không chối

cải được anh ta là người có văn-hóa (cultivé), mặc dù anh ta không biết gì về động-cơ chiếc xe hơi hay xe máy dầu anh ta cỡi. Nhà trí-thức ấy có quyền không biết mô tê gì về máy móc, về các hóa-chất.

Tóm lại, một bác-sĩ, một kỹ-sư chỉ là những chuyên-viên trong địa-hạt của họ, đâu phải là nhà văn-hóa, là trí-thức. Họ chỉ được xem là trí-thức khi nào họ nói chuyện về các triết-học cơ-cấu, hiện-sinh, về truyện Dostoïevski, Kafka v.v... Nếu không nói đến triết-học và văn-chương, mà chỉ cố thủ trong phạm-vi khoa-học thì ít ra họ phải đoạt giải Nobel mới được thiên hạ xem là những nhà văn-hóa. Khờ thế.

Đó là những thắc-mắc so bì của C.P. Snow trong cuốn *Les deux cultures*. C.P. Snow là người Anh, vừa là vật-lý-gia vừa là tiểu-thuyết-gia. Ban ngày ông ta làm việc với các bạn bè khoa-học, ban đêm ông đàm đạo với văn-nghệ-sĩ, và rốt cuộc ông đã nhận thấy sự bất công nói trên.

Hồi tháng 1 vừa qua tại La Havane có Đại-hội văn-hóa, chương-trình nghị-sự của Đại-hội chỉ đề cập tới vấn-đề văn-chương và nghệ-thuật. Tại Pháp, từ hồi A. Malraux làm Bộ trưởng Văn hóa, có lập ra khắp nơi những nhà Văn-hóa : trong các tòa nhà ấy chẳng hề có chỗ nào dành cho hoạt động khoa học, chỉ toàn những ca-kịch, sách vở, tranh ảnh v.v...

Ấy thế mà xã-hội ta ngày nay sở dĩ thành ra một xã-hội văn-minh, có trình độ văn-hóa cao, cái ấy do ở hoạt động của các nhà khoa-học, ở những khám phá, phát-minh, chế-tạo của họ. Hạng cải-biến cả thế-giới thì không được xem là trí-thức, còn hạng múa mép giải-thích, mô tả

thế-giới ấy lại là trí-thức ngang xương ! Éo le thật.

Trí-thức, ông làm gì ?

Gần đây, người ta hay nói đến giáo sư Herbert Marcuse. Về vụ Tiệp-khắc mới rồi, Marcuse cho rằng đó là « biến cố bi thảm nhất từ hồi Đại-chiến tới giờ. »

Gần đây, người ta cũng hay nói tới J.J. Servan-Schreiber. Về vụ Tiệp-khắc, Servan Schreiber nhận xét rằng năm 1968 nhân loại gặp nhiều cái xui : hiện tượng suy đồi trong cuộc bầu cử ở Hoa-kỳ, nổi hoang mang sau biến loạn tháng 5 ở Pháp, niềm xao xuyến sâu xa sau bức thông-điệp « Humana Vitae » của đức Giáo-hoàng, và sau cùng là cuộc xâm lăng Tiệp-khắc. Tất cả những dấu hiệu ấy tỏ rằng : « Thế-giới không còn biết tiến về đâu, trông về đâu để hy vọng ; vào tháng 8-68, nhân loại giống như đứa trẻ muốn quay trở về bụng mẹ. »

Có vài nhân vật trí thức khác, người ta cũng hay nói tới : như Russell, như Sartre. Sau vụ Tiệp-khắc, các ông này nhận định thế nào ? Hình như, họ chẳng bảo sao cả. Họ chỉ ngẩn tò te ra. Thật không giống thái độ của họ trước tình hình chiến tranh ở Việt-Nam chút nào.

Sartre thường cho rằng nhà văn dẫn thân khi viết ra là tỏ thái độ, mà khi không viết, khi nín lặng trước một biến cố, ấy cũng là bày tỏ một thái độ.

Lần này ông ta trưng bày kiểu thái độ gì kỳ cục vậy ?

Tiểu-thuyết-gia đấu chường

Phe cứng với phe mềm, tức phe Staline và phe trẻ, chống nhau vẫn còn hăng ở Nga. Người ta bảo mỗi lần ông

cụ Molotov đi thăm vợ nằm ở bệnh viện Kremlin, ra đường ông cụ được phe bảo thủ vây quanh hoan hô dữ lắm

Trong văn chương, hai phe cũng hăng.

Soljenitsyne cho in ở ngoại quốc cuốn *Le premier cercle*, thì tại Nga, trên tạp chí *Tháng mười*, Satkroutkine đang cho đăng thiên truyện *Sáng Thế* (La création du monde) đề bênh vực Staline. Nhân vật chính trong truyện này đồng dạng nói toạc ra : « Không được đụng chạm tới Staline. »

Khuôn mặt

Alexandre Dubcek nói rằng tất cả những hoạt động của ông lúc này chỉ nhằm cố gắng thiết lập tại nước ông một chế độ « cộng-sản có mặt người » (communisme au visage humain).

Ông Dubcek nói gì vậy ? Ông đi tìm một chế độ cộng sản mặt người, vậy hiện giờ cộng-sản đang mang khuôn mặt gì ? Mặt thú sao ? Mặt quỷ sao ?

(Trí thức cấp tiến ở các nước tư-bản sẽ dấy này lên phản đối : Mặt thiên-thần chứ lại).

Bệnh mắt

Tờ *Literatournaia Gazeta* của Nga mắng Aragon và tất cả những kẻ dám so sánh việc Nga-xô chiếm đóng Tiệp-khắc với việc Hitler xâm lăng nước Pháp trước kia, mắng họ là bọn « cận thị về chính trị »,

Trên thế-giới, tội nghiệp, nạn cận-thị lại lan tràn như một bệnh dịch : người Nga đi đâu cũng gặp kẻ cận thị. Và làm công việc chữa mắt không phải không có những trường hợp nhục nhã.

Nguyên tại Nam-tur, báo chí và vô-tuyến truyền-hình mạt sát vụ xâm lăng Tiệp thậm tệ. Đại-sứ Nga là Ivan Benediktov bèn mang một bức thư phản

kháng lời lẽ rất cứng rắn của chính phủ Liên-xô đến trình Tito. Tito tiếp ông khách tại tư dinh ở Brioni. Đại sứ Nga vừa lải nhải mấy câu « xuyên tạc sự thực », « bóp méo biến cố » v.v., tức thì Tito chặn ngang : « Chúng tôi không cho phép ông vu cáo, sau những hành động vừa rồi của các ông. Không bao giờ các ông chịu thừa nói láo. »

Cuộc gặp gỡ Brioni là một trường-hợp hi-hữu trong phạm-vi ngoại-giao. Sáng hôm sau, bí-thư Phòng Chính-trị Cộng-đảng Nam-tur tuyên-bố rằng giữa Nga-xô và Nam-tur thế là mọi sự bất trắc đều có thể xảy ra ; Đồng-ly văn-phòng Bộ Ngoại-giao Nam-tur tuyên-bố rằng : « Chúng tôi không ngán kháng-chiến. Chuyện ấy, chúng tôi quen rồi » v.v...

Chữa cận-thị cho một nhà thơ vẫn dễ dàng hơn chữa cho một vị thống-chế.

Con khi trụi.

Trên mặt đất có một trăm chín mươi ba loại khi. Trong số đó một trăm chín mươi hai loại có lông lá lồm xồm. Một loại trụi lông, tự gọi là Người.

Bác-sĩ Desmond Morris nghiên-cứu riêng về loại khi trụi ấy.

Loại khi trụi này ai cũng biết rõ nó lắm chuyện : nó làm ra bom nguyên-tử, nó đàn địch, vẽ vờ, nghiên cứu triết-học v.v... Không ai có thể viết về tất cả mọi phương-diện của loài khi trụi. Bác-sĩ Desmond Morris chỉ chú ý đến một phương-diện : là xét cách nó ăn, cách nó sinh đẻ, nuôi con v.v..., nghĩa là khảo-sát nó như một động-vật khác, thế thôi.

Riêng về một khía cạnh ấy, con khi trụi đã có lắm chuyện buồn cười. Ví dụ : nó có trái tai, trong khi mọi loài khác không có. Trái tai là miếng thịt dày ở phía dưới vành tai, trông chẳng ra trò trống gì, có vẻ vô duyên và vô dụng, Ấy thế mà nó là một bộ phận có liên-quan

mặt-thiết đến dục tình : có đôi người bị môn trái tai là nổi hứng lên (có phải vì vậy mà tổ tiên chúng ta đem chọc thủng trái tai phái nữ để treo vào đó tí nữ trang ?)

Lại ví dụ về sắc mặt. Các con thú có lông thì mỗi lúc bị đe dọa liền xùng lông lên để cho đối-thủ sợ hãi. Con khỉ trụi không có lông, nó bèn... đỏ mặt, tái mặt, hoặc tím bầm mặt v.v...

Ai giết cách-mạng

Cuộc cách mạng của sinh viên Pháp hồi tháng 5-1968 đã chết. Người ta nghiên cứu, bàn luận về cái chết của nó sôi nổi. Cuộc khám nghiệm thi thể một cuộc cách-mạng còn gian nan hơn là những cuộc khám nghiệm thi thể các người bất đắc kỳ tử, trong các trường hợp khả nghi.

Trong cuốn *La mort d'une révolution*, Jean Ferniot sau khi cứu xét cẩn thận bèn kết luận : kẻ sát nhân chính thì là tả phái, hay nói đích danh ra là đảng Cộng-sản.

Theo J.Ferniot, từ ba năm qua, Cộng-đảng xa rời giới sinh-viên, không còn theo kịp tình hình của họ, nhu cầu của họ, nguyện vọng cùng tâm tình của họ nữa.

Cộng đảng là một đảng tuổi tác, nghĩa là không còn trẻ. Luận cứ của họ thì cách mạng, mà đường lối hoạt động của họ thì có tính chất cải-lương. Họ muốn đoạt chính quyền ở Pháp trong khuôn khổ các hoạt động hợp pháp. Sinh viên làm cách-mạng, họ bị Cộng-đảng cản trở, nên thất bại.

Tả và hữu

Vụ Prague thật là một cơ hội tốt đẹp để cho tả hữu khích bác nhau. Giữa tờ *Le Figaro* với tờ *L'Humanité* từ hôm 28-8-68 xảy ra một cuộc đấu khẩu ráo riết :

28-8, Louis Gabriel-Robinet của Figaro chê Cộng đảng Pháp về thái độ của họ trước vụ Prague.

30-8, Etienne Fajon của Humanité chê thái-độ báo Figaro hồi thời... Pétain.

31-8, Louis Gabriel-Robinet bảo rằng ngay hồi 1940 Cộng sản cũng tồi nữa : họ bắt tay với Hitler.

2-9, Etienne Fajon nhắc lại một bài báo Figaro viết ngày 3-9-1941

3-9, Louis - Gabriel-Robinet lại nhắc một hành động ám muội của cộng-sản hồi đó...

Cứ thế họ đào bới tội lỗi của nhau. Nếu cuộc đấu khẩu không chịu chấm dứt, e rồi họ đi ngược lần lần lên tới tội tổ-tông của ông Adam bà E - và.

Phép chửi của Việt-Nam hay của Pháp đều giống nhau : phải lần lên tới ông bà tổ tiên.

Hồn thơ và xác thơ

Từ hơn nửa năm nay thi sĩ Lam-Giang chủ trương một nhà xuất bản với sự hợp tác của Quách-Tấn, Bùi-Giảng, Trần-Tuấn-Kiệt, Vũ-Tiến-Phúc v.v... Nhà xuất bản lấy tên là Sơn-Quang. Và các tác phẩm được ấn hành trước tiên hướng về thi ca.

Cuốn *Khảo luận luật thơ* của Lam-Giang được tái bản lần này, đã ra đời từ 28 năm trước và là một trong những cố gắng đầu tiên để qui định luật thơ mới tại Việt-Nam.

Cuốn *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX* của Lam-Giang và Vũ-Tiến-Phúc nhằm nhận xét tổng quát về các thi phái từ đầu thế kỷ đến nay ở nước ta.

Cuốn trên nghiên cứu về hình thức, cuốn dưới về nội dung của thi ca.

Lam-Giang thuộc lớp người có thể theo dõi bao quát sự diễn tiến của phong trào thơ mới từ những bước đầu của nó. Ông đề cập tới phong trào ấy với tất cả sự hiểu biết tường tận và lòng thiết tha của một kẻ đã tham dự.

TRÀNG THIÊN

Nói chuyện về nhà văn Tchya Đái-Đức-Tuấn

TCHYA thực ra không phải là *Tôi Chẳng Yêu Ai* như chính nhà văn Đái-Đức-Tuấn đã xác nhận về bút hiệu của mình, Tchya chính là *Tôi chỉ yêu Angèle Bích Ngọc*.

Điều phát giác trên về nhà văn Tchya Đái-Đức-Tuấn lần đầu tiên đã được ông Bùi-Đình Nguyễn-Xuân-Viên trình bày trong buổi "nói chuyện về nhà văn Đái-Đức-Tuấn", chung với ông Thanh-Vân Nguyễn-Duy-Nhờ, sau 50 ngày nhà văn này tạ thế, do Trung Tâm Văn Bút Việt Nam tổ chức tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc vào ngày 22-9-1968, trước khoảng 100 thính giả.

Ông Bùi-Đình đã nói rõ về xuất xứ của bút hiệu Tchya «Angèle Bích Ngọc đã là người đàn bà hân hạnh được Đái-Đức-Tuấn đưa vào làm nàng thơ của mình».

Hai người gặp nhau ở Hà-Nội. Thỉnh thoảng Angèle Bích Ngọc từ Đạp-Cầu lên thăm Đái-Đức-Tuấn ở đây. Ngược lại, Đái-Đức-Tuấn mỗi chiều thứ bảy, cũng lái xe hơi về Đạp-Cầu để được sống những giờ phút thơ mộng bên người đẹp.

Vẫn theo ông Bùi-Đình, từ trước tới nay nhiều người tin theo lời giải thích của Tchya, là vì hồi đó, Tchya đã cùng Chu-Mậu ở trong nhóm "Club des Misogynes" (Hội ghét đàn bà). Nhóm đã xuất bản tạp chí "Lê Cri de Hanoi" để phổ biến lý thuyết trên và nhất là tinh thần phóng túng lãng mạn của nhóm. Những người bạn thân của Tchya tuy biết mối tình trên, nhưng không nói ra vì tôn trọng đời tư của Tchya, khi Tchya đã có ý muốn dấu. Chính nhà văn Lãng-nhân Phùng-tất-Đắc cũng chỉ nói úp mở trong tập "Trước đèn" về chuyện trên.

Nhưng ngày nay, "bút hiệu Tchya không còn là của Đái-Đức-Tuấn, nhưng đã của lịch-sử văn học", nên ông Bùi-Đình phải nói ra sự thật.

Trong bài nói chuyện của ông, diễn giả Bùi-Đình cũng đã trình bày một đặc tính khác của nhà văn Đái-Đức-Tuấn : coi văn nghệ như một trò đùa.

Ông kể lại, năm 1930, nhà văn Đái Đức-Tuấn đã làm một bài văn "Khuyến-Yên Đại-Cáo", nhại nguyên văn bản dịch Trần-trọng-Kim về bài Bình-Ngô Đại-Cáo của Nguyễn-Trãi, đọc trong một buổi tế "nàng Tiên Nâu" để bỏ thuốc phiện.

Sau khi đọc xong bản văn trên, ông đã bưng cả bàn đèn bày bên cạnh các lễ vật, xôi, gà, đèn nhang, đập xuống sân gạch. Từ đó Tchya bỏ hẳn thuốc phiện, mặc dù đã nghiện khá nặng, và... dù sau đó nghiện rượu tới độ "uống rượu như uống nước trà".

Trước đó cùng trong buổi nói về nhà văn Đái-Đức-Tuấn, ông Thanh-Vân Nguyễn-Duy-Nhờ cũng đã trình bày những khía cạnh khác của nhà văn Đái-Đức-Tuấn.

Không giống như ông Bùi-Đình, ông Thanh-Vân sau khi than thở và ân hận

vì Tchya đã chết, ông dẫn chứng những điều đã được Tchya đề trên một vài tác phẩm cũ của Tchya để chứng tỏ Tchya là người con, người chồng rất tốt.

Những kỷ-niệm về Tchya với ông là những lần gặp nhau tại Hà-Nội, Nha-trang, Sài-Gòn từ khoảng 1936 tới nay. Lần nào cũng toàn là uống rượu, và đôi giờ Tchya bảo ông : « Uống đi, nếu say tao đưa mày về » và Tchya đưa ông về thực.

Ông Thanh-Vân cũng dẫn chứng con người của Tchya đối với bạn rất tế-nhị, kin đáo, vì chơi với ông mấy chục năm, trong một buổi say rượu mới thốt ra : « Thanh-Vân, mày hào nhưng không hùng ».

Ông cũng trình bày Tchya luôn luôn khao khát muốn vượt khỏi sinh-kế để phụng sự văn học, nhưng lại luôn luôn bị sinh-kế ràng buộc. Ông đã trích đọc một đoạn thư của Tchya gửi cho ông, xin một chỗ dạy học ở trường ông tại Nha-Trang, với số lương chỉ cần vào khoảng 10.000đ và một căn phòng để viết cuốn « Triết-học so sánh Đông-Tây », mà không được, vì sau đó ông phải đóng cửa trường vào dạy tại Sài-Gòn.

Buổi nói chuyện kéo dài trên hai tiếng đồng hồ. Mục đích đã được ông Phạm-Việt-Tuyền Tổng-Thư-ký Trung-tâm Văn-bút Việt-Nam lúc mở đầu xác định đại ý : Đề cho các nhà biên-khảo trẻ có những tài-liệu nghiên-cứu, và những người thân thuộc với một nhà văn có thể nói rõ được con người của nhà văn đó.

Hai diễn giả trên được giới thiệu là thân thuộc với nhà văn Đái-Đức-Tuấn, một là người đồng hương, một là bạn.

Ông Bùi-Đình Nguyễn-Xuân-Viên, là người đồng hương với nhà văn Đái-Đức-Tuấn. Ông đã cộng tác với tờ « tiểu-thuyết thứ-bảy » và nhiều tờ báo khác thời tiền chiến, ông cũng đã giữ mục điếm-sách cho Bán nguyệt-san Quê-Thương và Đài phát-thanh Sài-gòn. Ông cũng xuất bản nhiều sách tiểu-thuyết, biên-khảo, và truyện dịch.

Ông Thanh-Vân Nguyễn-Duy-nhường, là bạn của nhà văn Đái-Đức-Tuấn. Ông cũng đã viết ở « Tiểu-thuyết thứ bảy » đã soạn nhiều sách giáo-khoa và tự-điền. Ông hiện là giáo-sư tại Sài-gòn.

Buổi nói chuyện, theo thiệp mời, chỉ ghi diễn-giả Thanh-Vân Nguyễn-Duy-Nhường với đề-tài « Những ngày vui buồn với Tchya Đái-Đức-Tuấn ». Ông Bùi-Đình Nguyễn-Xuân-Viên với « Những khía cạnh đặc biệt của con người nhà-văn Đái-Đức-Tuấn » là một bất ngờ cho những người nghe.

THỜI-SỰ KINH-TẾ

Tràn ngập thị trường

Gần đây Bộ Kinh-tế thường loan tin cho nhập cảng hàng hóa thật nhiều để tràn ngập thị-trường. Sau đó lại có thông cáo cho các nhà sản-xuất Việt-nam phải làm ngay bảng kê khai theo những mẫu-mức rất phức tạp, với những số thống-kê mà chỉ có nhân viên chánh-phủ giữ trong tay, nếu muốn được Bộ Kinh-tế ngưng nhập cảng các hàng hóa mà tự mình sản xuất và bán thừa hứa trong xứ. Người dân quả thực không hiểu được hai thông cáo trên đây có mâu thuẫn với nhau không ?

Khẩu hiệu tràn ngập thị trường không phải ngày nay mới được tung ra. Khi ông Âu-trường-Thanh chưa đem vợ con qua Pháp và còn đương mần Tổng-trưởng Kinh-tế, ông cũng đã chủ trương phải nhập cảng thật nhiều Honda, tủ lạnh, ti-vi, xe hơi, hàng hóa linh tinh, luôn cả thực phẩm đồ hộp và thuốc-bắc. Hai năm trước, tình trạng kinh-tế khác xa bây giờ. Dân chúng đương kiếm được tiền, lợi tức quốc gia đạt trên 300 tỷ bạc, và mãi lực của người dân lao-động, nhất là nữ lao động nằm mát ăn bát vàng, mãnh liệt vô song. Trong khi đó, vì nhu cầu chiến tranh lại kẹt tàu, kẹt bến khiến cho hàng ngoại-hóa không sao thỏa mãn được sự đòi hỏi của khách hàng thừa thãi tiền. Do đó khẩu hiệu tràn ngập thị trường còn khả dĩ chấp nhận được trong phạm-vi không cạnh tranh với hàng hóa sản xuất trong nước Việt-Nam.

Số lít xăng cấp phát có khi đạt tới 650 triệu Mỹ-kim. Không kể đến số lợi tức chánh thức bằng bạc Việt-Nam đem lại cho nhà nhập cảng, riêng về phần huê-hồng bằng ngoại tệ được nhà cung-cấp ngoại-quốc lại-quả cho các giới liên hệ tới lít-xăng cũng đạt tới mức trung bình 10% tức thị là 60 triệu Mỹ-kim hay là 12 tỷ bạc Việt-Nam theo giá chợ-đen.

Thật là thời đại hoàng-kim cho tất cả mọi người, ngoại trừ lớp dân lao-động trí-thức hoặc lao-động tay chân có lợi-tức vừa cố-định vừa lương thiện.

Ngày nay, hoàn cảnh đã hoàn toàn đổi ngược. Ngoại tệ viện trợ và ngoại-tệ sở hữu vẫn nhiều, hàng nhập-cảng vẫn thừa-thãi, nhưng nhân-dân lại không kiếm ra tiền và mãi-lực xuống thấp quá-sức. Nhiều thứ hàng bán dưới giá chánh thức mà dân-chúng cũng không có tiền mua. Chỉ có thực-phẩm là vẫn lên giá đều. Nhưng nhà buôn lại không được phép nhập-cảng tự-do thực phẩm như heo-lạnh chẳng hạn. Các hàng sản-xuất tại ngoại quốc thời nhà buôn « chề » nhập-cảng về bán chậm quá. Rút cuộc lại chỉ còn khu-vực hàng-hóa sản-xuất trong nước vì tình-hình chiến-tranh vì nhân-công thiếu hụt nên giá cao và tương-đối hãy còn thị-trường tiêu-thụ. Cho nên khi khẩu-hiệu tràn ngập thị-trường được tung

ra và lít-xăng được cấp phát, các nhà kỹ-nghệ Việt Nam tối xăm mắt lại vì tình trạng phá-sản đã hiện ngay ra trước mắt.

Dầu bộ kinh-tế có ra thông-tư kêu gọi các xí nghiệp quốc-gia xin thỉnh-cầu đừng cho phép nhập-cảng hàng-hóa đã chế-tạo được trong nước, e rằng biện pháp này đã quá chậm-trễ. Vì đợi cho tới ngày bộ xét lại vấn-đề thời số lít-xăng cấp-phát cũng đủ làm loạn thị trường hàng năm nữa và các kỹ-nghệ Việt-nam sẽ phải chết, chớ không thể kéo dài một năm nữa chờ đợi tình-trạng được cải-thiện trở lại

Nếu chánh phủ nhiều ngoại tệ quá mà không bán được vì nhà buôn không chịu. xin cấp phát lít-xăng vì dân tiêu thụ không chịu mua hàng hóa quá đắt, chỉ có một giải pháp duy nhất là giảm bớt phân nửa các sắc-thuế. Giảm bớt phân nửa, Chính phủ sẽ tiêu thụ được gấp ba số ngoại tệ hiện hữu, và rút cuộc sẽ thu được nhiều thuế má hơn là hiện tại. Bán giá rẻ để bán được nhiều hơn là bài học vỡ lòng của con nhà buôn mà, tại sao Chính phủ không chịu áp dụng ?

DUY

SÁCH BÁO MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin giới-thiệu cùng bạn đọc :

— Khởi hành số 3, tháng 9, nguyệt san của Hội Văn-nghệ-sĩ quân đội. Mỗi số khổ 21x29 dày 84 trang gồm những sáng tác văn nghệ của các cây bút quen thuộc, những đề-tài về các bộ môn nghệ thuật như : nhạc, nhiếp ảnh, sân khấu... Tranh bìa của Hiếu-đệ. Giá mỗi số 50đ

— Tìm về gặp gỡ của Hoàng Quý, do Thăng Tiến xuất bản và gửi tặng. Sách

dày 106 trang gồm 10 lá thư gửi bạn với 10 đề-mục từ « Tuổi trẻ cô đơn », « Lý tưởng » tới « Người Kéo hữu » và « Một niềm tin ». Giá 40đ.

— Sách sổ sang chép các việc của Philiphe Bình, do Viện Đại-học Đà-lạt xuất bản và G.s. Nguyễn văn Trung gửi tặng. Nguyên-bản chính viết tay đề năm 1823 và được in lại bằng kỹ thuật offset 626 trang, cùng với 36 trang giới-thiệu của L.M. Thanh Hằng về cuốn sách tối cổ này. Một tài liệu quý cho các nhà ngữ-học, sử-học và xã-hội-học V.N. Giá 1000đ